

BÁO CÁO
ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN

**“NÂNG CÔNG SUẤT VÀ MỞ RỘNG
NHÀ MÁY SẢN XUẤT DÂY ÁO NGỰC
PHỤ NỮ ĐÀN HỒI VÀ KHÔNG ĐÀN HỒI
QUY MÔ TĂNG TỪ 90.000.000 M
SẢN PHẨM/NĂM LÊN THÀNH
112.000.000 M SẢN PHẨM/NĂM”**

ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN:

- **ĐỊA ĐIỂM 1: LÔ C6-C8, KCN MINH HƯNG – HÀN QUỐC,
PHƯỜNG MINH HƯNG, THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH
PHƯỚC;**
- **ĐỊA ĐIỂM 2: THUÊ NHÀ XƯỞNG CỦA CÔNG TY TNHH CREATE
PROFIT TẠI KCN CHƠN THÀNH II, PHƯỜNG THÀNH TÂM,
THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC.**

BÌNH PHƯỚC, THÁNG 10 NĂM 2022

BÁO CÁO
ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN
“NÂNG CÔNG SUẤT VÀ MỞ RỘNG
NHÀ MÁY SẢN XUẤT DÂY ÁO NGỰC
PHỤ NỮ ĐÀN HỒI VÀ KHÔNG ĐÀN HỒI
QUY MÔ TĂNG TỪ 90.000.000 M
SẢN PHẨM/NĂM LÊN THÀNH
112.000.000 M SẢN PHẨM/NĂM”

ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN:

- ĐỊA ĐIỂM 1: LÔ C6-C8, KCN MINH HƯNG – HÀN QUỐC, PHƯỜNG MINH HƯNG, THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC;
- ĐỊA ĐIỂM 2: THUÊ NHÀ XƯỞNG CỦA CÔNG TY TNHH CREATE PROFIT TẠI KCN CHƠN THÀNH II, PHƯỜNG THÀNH TÂM, THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC.

CHỦ ĐẦU TƯ

**CÔNG TY TNHH VIỆT NAM
NEWISH TEXTILE**



ĐƠN VỊ TƯ VẤN

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
MÔI TRƯỜNG ĐẠI VIỆT**



P. Tổng Giám Đốc
ThS. Phạm Duy Tân

BÌNH PHƯỚC, THÁNG 10 NĂM 2022

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC BẢNG	4
DANH MỤC HÌNH	6
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	7
CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	8
1. Tên Công ty đầu tư	8
2. Tên dự án đầu tư	8
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư	9
3.1. Công suất của dự án đầu tư	9
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư.....	9
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư.....	14
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư.....	14
4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, hóa chất sử dụng của dự án	14
4.2. Nhu cầu sử dụng điện	27
4.3. Nhu cầu nước.....	27
5. Các thông tin khác	30
5.1. Nhu cầu lao động.....	30
5.2. Nhu cầu máy móc, thiết bị.....	30
5.3. Các hạng mục công trình của dự án	32
CHƯƠNG II SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	36
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có)	36
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có).....	37
CHƯƠNG III KẾT QUẢ VẬN HÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	39
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	39
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	39
1.2. Thu gom, thoát nước thải	40
1.3. Xử lý nước thải	43
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	53
2.1. Khí thải từ máy phát điện dự phòng.....	53

2.2. Bụi từ quá trình sản xuất	54
2.3. Hơi hóa chất trong quá trình sản xuất.....	55
2.4. Mùi hôi từ quá trình xử lý nước thải, khu vực lưu chứa chất thải tại Nhà máy	62
2.5. Khí thải từ lò hơi.....	63
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	66
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	67
4.1. Dự báo về khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành	67
4.2. Công trình lưu giữ chất thải nguy hại.....	68
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	70
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành.....	70
7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	74
CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	76
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	76
1.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục	76
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	83
2.1. Nguồn phát sinh khí thải.....	83
2.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải.....	84
2.3. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có).....	86
2.4. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường	89
3. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với tiếng ồn (nếu có):	90
3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung	90
3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.....	90
3.3. Tiếng ồn, độ rung	91
3.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	92
3.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường	92
CHƯƠNG V KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	93
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án	93
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm.....	93

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	93
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	95
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	95
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	98
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	98
CHƯƠNG VI CAM KẾT CỦA CÔNG TY ĐẦU TƯ.....	99
4.1. Các cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường	99
4.2. Cam kết về việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan	99
PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	100

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Sản phẩm và công suất sản xuất của Dự án	14
Bảng 1.2. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu, hóa chất của Dự án.....	15
Bảng 1.3. Thành phần, tính chất hóa học hóa chất sử dụng của dự án	17
Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng nước của Dự án	27
Bảng 1.5. Nhu cầu lao động của Công ty	30
Bảng 1.6. Danh mục máy móc, thiết bị sản xuất.....	30
Bảng 1.7. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất tại dự án.....	32
Bảng 3.1. Thống kê số lượng đường ống, hố ga của hệ thống thu gom thoát nước mưa	39
Bảng 3.2. Thống kê số lượng đường ống, hố ga của hệ thống thu gom thoát nước mưa	40
Bảng 3.3. Thống kê số lượng đường ống, hố ga của hệ thống thu gom nước thải tại địa điểm 1	41
Bảng 3.4. Thống kê số lượng đường ống, hố ga của hệ thống thoát nước thải tại địa điểm 1	42
Bảng 3.5. Thông số kỹ thuật của bể tự hoại hiện hữu tại địa điểm 1	44
Bảng 3.6. Các hạng mục bể của hệ thống xử lý nước thải	51
Bảng 3.7. Nhu cầu hóa chất trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải 1.000 m ³ /ngày.đêm	53
Bảng 3.8. Thông số kỹ thuật các hạng mục công trình của HTXL hơi hóa chất từ quá trình nhuộm dây	57
Bảng 3.9. Thông số kỹ thuật các hạng mục công trình của HTXL hơi hóa chất từ quá trình cân đong, pha trộn hóa chất	59
Bảng 3.10. Khối lượng than hoạt tính sử dụng cho 02 hệ thống xử lý hơi hóa chất từ quá trình cân đong và pha trộn hóa chất.....	60
Bảng 3.11. Định mức tiêu hao điện năng tại 02 hệ thống xử lý hơi hóa chất từ quá trình cân đong hóa chất và khu vực pha trộn hóa chất.....	61
Bảng 3.12. Thông số kỹ thuật các hạng mục của hệ thống xử lý khí thải lò hơi 15 tấn/giờ	65
Bảng 3.13. Số lượng và mã số chất thải nguy hại phát sinh.....	68
Bảng 3.14. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt ĐTM.....	75
Bảng 4.1. Thông số kỹ thuật máy móc, thiết bị đi kèm của hệ thống xử lý nước thải công suất 1.000 m ³ /ngày.đêm của Công ty	78
Bảng 4.2. Vị trí xả thải và lưu lượng xả khí thải lớn nhất.....	84

Bảng 4.3. Các chất ô nhiễm trong khí thải sau HTXL hơi hóa chất từ quá trình nhuộm dây tại địa điểm 1 Lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc và giá trị giới hạn	84
Bảng 4.4. Các chất ô nhiễm trong khí thải sau HTXL hơi hóa chất từ khu cân đong hóa chất và giá trị giới hạn	85
Bảng 4.5. Các chất ô nhiễm trong khí thải sau HTXL hơi hóa chất từ khu cân pha trộn hóa chất và giá trị giới hạn	85
Bảng 4.6. Các chất ô nhiễm trong khí thải sau HTXL khí thải lò hơi 15 tấn/giờ và giá trị giới hạn	85
Bảng 4.7. Các chất ô nhiễm trong khí thải lò hơi 8,4 tấn/giờ (dự phòng) và giá trị giới hạn	85
Bảng 4.8. Thông số kỹ thuật các hạng mục công trình của HTXL hơi hóa chất từ quá trình nhuộm dây	86
Bảng 4.9. Thông số kỹ thuật các hạng mục công trình của HTXL hơi hóa chất từ quá trình cân đong hóa chất.....	87
Bảng 4.10. Thông số kỹ thuật các hạng mục công trình của HTXL hơi hóa chất từ quá trình cân đong, pha trộn hóa chất	87
Bảng 4.11. Thông số kỹ thuật các hạng mục của hệ thống xử lý khí thải lò hơi 15 tấn/giờ	88
Bảng 4.12. Vị trí phát sinh tiếng ồn của Dự án	90
Bảng 5.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư	93
Bảng 5.2. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu khí thải trước khi thải ra môi trường	94
Bảng 5.3. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu nước thải trước khi thải ra môi trường	95
Bảng 5.4. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	98

DANH MỤC HÌNH

Hình 3.1. Sơ đồ thu gom nước thải tại Nhà máy hiện nay	41
Hình 3.2. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn	44
Hình 3.3. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải của Công ty TNHH Create Profit Việt Nam.....	47
Hình 3.4. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải hiện hữu 1.000 m ³ /ngày.đêm của Nhà máy	49
Hình 3.5. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý hơi hóa chất từ quá trình nhuộm dây...57	
Hình 3.6. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý hơi hóa chất từ quá trình cân đong, pha trộn hóa chất	59
Hình 3.7. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải lò hơi 15 tấn/giờ	64

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BOD ₅	:	Nhu cầu oxy sinh hoá trong 5 ngày
BTCT	:	Bê tông cốt thép
BVMT	:	Bảo vệ môi trường
COD	:	Nhu cầu ôxy hóa học trong nguồn nước
CP	:	Cổ phần
CTNH	:	Chất thải nguy hại
CTR	:	Chất thải rắn
DO	:	Hàm lượng ôxy hòa tan trong nguồn nước
DVE	:	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt
ĐTM	:	Đánh giá tác động môi trường
HTXL	:	Hệ thống xử lý
KCN	:	Khu công nghiệp
KPH	:	Không phát hiện
LOD	:	Ngưỡng phát hiện
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	:	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
TCVN	:	Tiêu chuẩn Việt Nam
TDS	:	Tổng chất rắn hòa tan
TNMT	:	Tài nguyên và Môi trường
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
TSS	:	Tổng chất rắn lơ lửng
XLNT	:	Xử lý nước thải
UBND	:	Ủy ban Nhân dân
VOC	:	Các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi
WHO	:	Tổ chức Y tế thế giới

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên Công ty đầu tư

CÔNG TY TNHH VIỆT NAM NEWISH TEXTILE

- Địa chỉ văn phòng: Lô C6-C8, đường Đ6, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
- Người đại diện theo pháp luật của Công ty đầu tư: Bà Chen, Yi Xuan.
- Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại: 02713644001; Fax: 02713645111
- E-mail: nw016@ecigroup.com.tw
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số 3801102841 đăng ký lần đầu ngày 16/06/2015, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 04/12/2020.
- Giấy chứng nhận đầu tư: Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile đã được Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9883267834 Chứng nhận lần đầu ngày 16/06/2015, Chứng nhận thay đổi lần thứ bảy ngày 25/01/2021.

2. Tên dự án đầu tư

“NÂNG CÔNG SUẤT VÀ MỞ RỘNG NHÀ MÁY SẢN XUẤT DÂY ÁO NGỰC PHỤ NỮ ĐÀN HỒI VÀ KHÔNG ĐÀN HỒI QUY MÔ TĂNG TỪ 90.000.000 M SẢN PHẨM/NĂM LÊN THÀNH 112.000.000 M SẢN PHẨM/NĂM”

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư:
 - + Địa Điểm 1: Lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.
 - + Địa điểm 2: Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Create Profit tại KCN Chơn Thành II, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.
- Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án (nếu có):
 - + Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile đã được Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp Giấy phép xây dựng số 32/GPXD ngày 19/07/2016; gia hạn, điều chỉnh ngày 21/02/2017 và Giấy phép xây dựng số 34/GPMT ngày 15/08/2016.
- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần:
 - + Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile đã được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Nâng công suất và mở rộng nhà máy sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô tăng

từ 90.000.000 m sản phẩm/năm lên thành 112.000.000 m sản phẩm/năm” do Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile làm Chủ đầu tư tại địa điểm 1: Lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước; địa điểm 2: Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Create Profit Việt Nam tại KCN Chơn Thành II, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước theo Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 05/03/2021.

- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):
 - + Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất trung bình theo quy định tại mục số 5 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.
 - + Dự án có tổng vốn đầu tư 345.000.000.000 VNĐ (Ba trăm bốn mươi lăm tỷ đồng), tương đương 15.000.000 USD (Mười lăm triệu đô la Mỹ), thuộc mục số 3, điều 09, tiêu chí phân loại dự án nhóm B của Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 do Quốc Hội ban hành ngày 13/06/2019.

Do đó, căn cứ quy định tại Điều 39 và khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì Dự án thuộc đối tượng phải lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền xác nhận của cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư

3.1. Công suất của dự án đầu tư

Tổng công suất sản phẩm của 2 Nhà máy là 112.000.000 m sản phẩm/năm. Trong đó:

- Nhà xưởng tại lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc với quy mô sản phẩm dệt 14.000.000 m sản phẩm/năm; công suất nhuộm sản phẩm 90.000.000 m sản phẩm/năm;
- Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Create Profit tại KCN Chơn Thành II để sản xuất sản phẩm dệt với quy mô 98.000.000 m sản phẩm/năm.

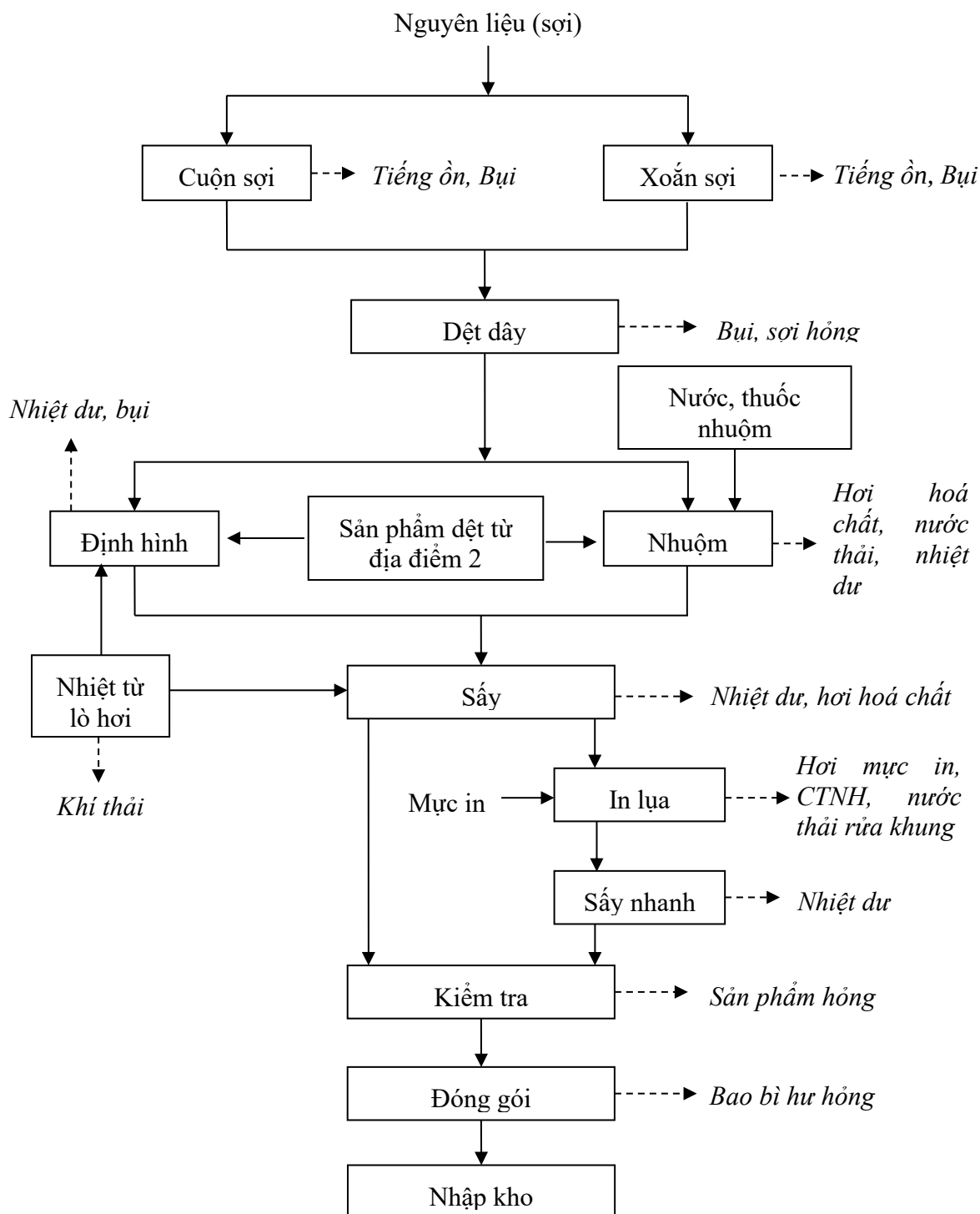
3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

Công nghệ sản xuất gia công dệt nhuộm của Dự án đang được áp dụng phổ biến tại Việt Nam. Quy trình sản xuất hiện đại, áp dụng máy móc, thiết bị đảm bảo yêu cầu kỹ thuật hiện hành. Nguyên, vật liệu, hóa chất được nhập về hoàn toàn chính phẩm, không sử dụng phế liệu trong quy trình sản xuất.

a. Địa điểm 1: Lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc

Nhà xưởng tại lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc với quy mô sản phẩm dệt 14.000.000 m sản phẩm/năm; công suất nhuộm sản phẩm 90.000.000 m sản phẩm/năm và bổ sung công đoạn in lụa đối với 90.000.000 m sản phẩm/năm.

❖ Quy trình công nghệ sản xuất



Hình 1.1. Công nghệ sản xuất tại địa điểm 1

Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu (sợi Poliamide, sợi Spandex) nhập về là sợi thô được đưa vào máy cuộn sợi vào các trục sắt để phục vụ cho các công đoạn tiếp theo hoặc qua công đoạn xoắn tạo thành các sợi lớn hơn (đối với sản phẩm cần kích thước lớn).

Tiếp theo, sợi được công nhân đưa thủ công qua công đoạn dệt dây. Tùy theo từng loại sản phẩm mà sợi được đưa qua máy dệt kim hay máy dệt tốc độ cao, máy dệt kiểu. Máy dệt làm việc tự động theo chế độ vận hành tự động từng máy.

Sau khi dệt:

- Đối với các dây cong cần đi qua máy định hình, nhờ tác nhân của nhiệt độ ở 120°C đến 140°C sẽ giúp các dây thẳng ra, các dây này sẽ không nhuộm. Sau định hình, sản phẩm có độ ẩm nên cần đem qua sấy để đảm bảo sản phẩm khô theo yêu cầu sản xuất.
- Đối với các dây thẳng không cần định hình, sẽ được đưa qua công đoạn nhuộm để tạo màu sắc khác nhau cho các sản phẩm tùy theo đơn đặt hàng. Công ty không nhuộm gia công cho các Công ty ngoài. Công nhân sẽ lắp các cuộn dây vào các trong cộc bằng inox không gỉ bên trong các máy nhuộm kín. Sau khi đóng nắp theo quy trình yêu cầu. Công đoạn nhuộm sẽ được thực hiện như sau:
 - + Tẩy trắng: để tăng khả năng bắt màu, đổi màu tự nhiên của bản dây, làm sạch các vết bẩn, nhuộm màu chính xác. Sau đó dây tiếp tục qua công đoạn giặt để làm sạch các chất tẩy còn bám trên bề mặt dây.
 - + Nhuộm: sau khi được tẩy trắng, bán thành phẩm sẽ được nhuộm màu để tạo màu sắc thị hiếu cho sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng.
 - + Tùy theo yêu cầu của khách hàng mà loại thuốc nhuộm sẽ được sử dụng cho phù hợp.
 - + Giặt: sau khi nhuộm, dây tiếp tục được giặt để làm sạch sản phẩm.
 - + Tiếp theo sẽ qua công đoạn sấy (ở nhiệt độ 120°C đến 140°C). Quá trình này giúp giữ màu vừa được nhuộm. Còn đối với công đoạn sấy sau định hình (không nhuộm), công nhân sẽ lắp các cuộn dây vào các trong cộc bằng inox không gỉ bên trong các máy nhuộm sấy kín để tiến hành sấy hoàn thiện (điều chỉnh máy tự động sấy không nhuộm). Sau sấy, thiết bị có chế độ tự động để nguội để sản phẩm dây ổn định rồi mới lấy ra khỏi thiết bị. Việc lấy giá chứa các cuộn lô dây được lấy ra bởi các trục nâng để chuyển qua vị trí hạ. Tại đây công nhân tháo thủ công đưa vào rổ đẩy hàng để chuyển sang công đoạn khác.
 - + Các khâu tẩy, nhuộm, giặt và sấy được thực hiện trong cùng một máy nhuộm – sấy theo từng mẻ xuyên suốt, toàn bộ quá trình được tự động hoá và kín trong thiết bị. Toàn bộ các quy trình đều do thiết bị điều khiển và thực hiện tự động. Công nhân đứng vận hành máy móc.

Sau khi sấy, một số sản phẩm cần được tiến hành in lụa logo thương hiệu sản phẩm (của khách hàng) lên bề mặt dây nên sẽ chuyển sang công đoạn in lụa. Các sợi dây được công nhân xếp thủ công trên bàn in và cố định dây bằng keo trài bàn và 2 đầu dây (keo này không dính vào trên sản phẩm sau khi lấy dây ra), sau đó công nhân sẽ dùng khung in đặt lên mặt dây và quét 1 lớp mực in để in hình mẫu tên thương hiệu của khách hàng có nhu cầu. Sau khi in, mực in được để khô tự nhiên trong nửa tiếng sau đó công nhân sẽ xếp dây cho vào tủ sấy mini dạng kín dùng điện. Quá trình sấy diễn ra ở nhiệt độ 60°C và trong vòng 1 giờ để đảm bảo mực in được dính chặt vào bề

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nâng công suất và mở rộng nhà máy sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô tăng từ 90.000.000 m sản phẩm/năm lên thành 112.000.000 m sản phẩm/năm”

mặt sợi dây. Một số sản phẩm không cần in lụa thì sau khi sấy được chuyển trực tiếp sang công đoạn kiểm tra thành phẩm.

Sau cùng sẽ tiến hành kiểm tra đặc tính hoá lý cũng như chất lượng sản phẩm trước khi đóng gói và lưu kho, thao tác này được thực hiện thủ công.

Sản phẩm hỏng sẽ được thu gom và xử lý như chất thải sản xuất không nguy hại. Chính vì vậy, mỗi công đoạn sản xuất đều được giám sát một cách chặt chẽ và các thiết bị đều hoạt động tự động do đó phải được kiểm tra, bảo dưỡng đúng theo quy định để tỷ lệ sản phẩm lỗi là thấp nhất.

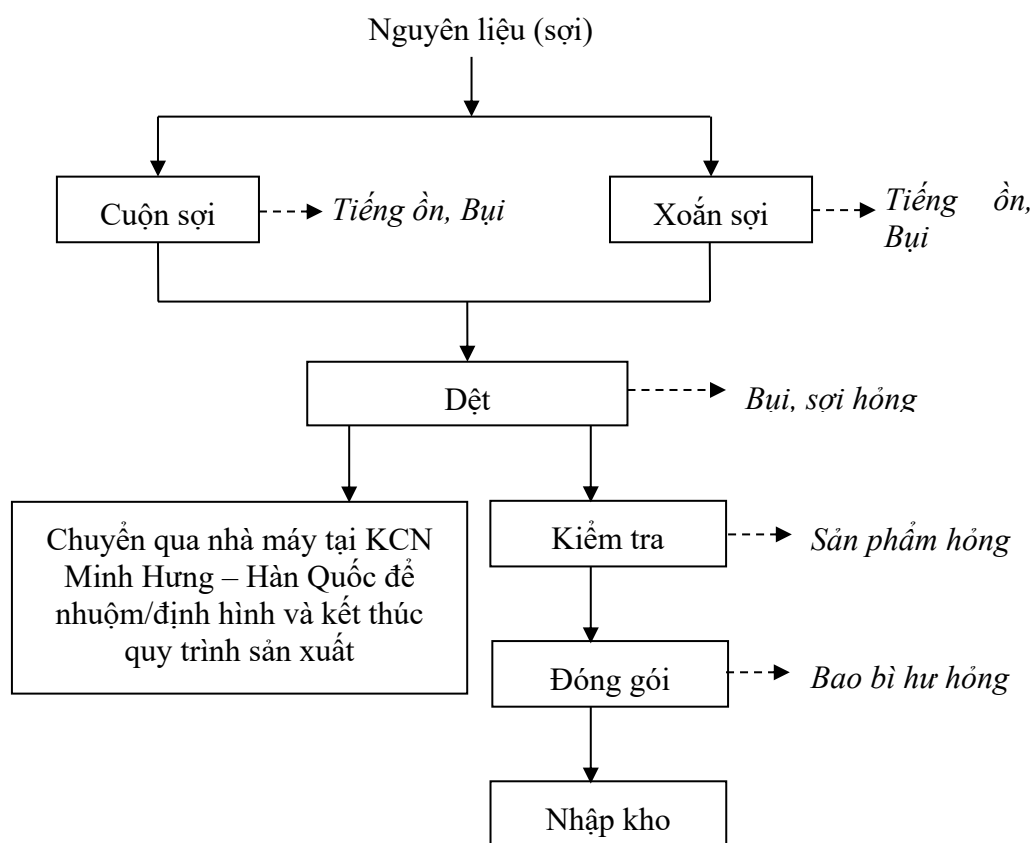
Công nghệ sản xuất của dự án không có công đoạn làm bóng cũng như không có công đoạn cắt (dây được dệt theo kích thước quy định sẵn ngay từ đầu vào của quy trình, sản phẩm hoàn tất xuất xưởng là dây thun được cuộn vào ống cuộn giao cho khách hàng do việc cắt ngắn sẽ rất cồng kềnh không thuận tiện cho việc đóng gói, vận chuyển).

Tại địa điểm 1, chỉ dệt với công suất 14.000.000 m sản phẩm/năm, địa điểm 2 dệt với công suất 98.000.000 m sản phẩm/năm. 84.000.000 m sản phẩm/năm sản phẩm dệt từ địa điểm 2 sẽ được chuyển sang địa điểm 1 để tiến hành nhuộm/định hình cùng với các sản phẩm dệt được dệt tại địa điểm 1. Công suất nhuộm lớn nhất tại địa điểm 1 là 90.000.000 m sản phẩm/năm, tương tự như các sản phẩm sau nhuộm/sau định hình đem qua in lụa.

b. Địa điểm 2: Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Create Profit tại KCN Chơn Thành II

Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Create Profit tại KCN Chơn Thành II để sản xuất sản phẩm dệt (không nhuộm) với quy mô 98.000.000 m sản phẩm/năm.

Quy trình công nghệ sản xuất được trình bày như sau:



Hình 1.2. Công nghệ sản xuất tại địa điểm 2

Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu (sợi Poliamide, sợi Spandex) nhập về là sợi thô được đưa vào máy cuộn sợi vào các trục sắt để phục vụ cho các công đoạn tiếp theo hoặc qua công đoạn xoắn tạo thành các sợi lớn hơn (đối với sản phẩm cần kích thước lớn).

Tiếp theo, sợi được công nhân đưa thủ công qua công đoạn dệt dây. Tùy theo từng loại sản phẩm mà sợi được đưa qua máy dệt kim hay máy dệt tốc độ cao, máy dệt kiểu. Máy dệt làm việc tự động theo chế độ vận hành tự động từng máy.

Sau khi dệt, sản phẩm hoàn thiện không cần được nhuộm theo nhu cầu của khách hàng sẽ được kiểm tra và đóng gói thành phẩm. Các sản phẩm nào cần nhuộm màu và in lụa sẽ được chuyển về Nhà máy 1 ở KCN Minh Hưng – Hàn Quốc để tiến hành nhuộm sản phẩm và hoàn tất quy trình sản xuất tại Nhà máy 1. Công ty không nhuộm gia công cho các Công ty ngoài.

Sản phẩm hỏng sẽ được thu gom và xử lý như chất thải sản xuất không nguy hại. Chính vì vậy, mỗi công đoạn sản xuất đều được giám sát một cách chặt chẽ và các thiết bị đều hoạt động tự động do đó phải được kiểm tra, bảo dưỡng đúng theo quy định để tỷ lệ sản phẩm lỗi là thấp nhất.

Công nghệ sản xuất của dự án không có công đoạn làm bóng cũng như không có công đoạn cắt (dây được dệt theo kích thước quy định sẵn ngay từ đầu vào của quy trình, sản phẩm hoàn tất xuất xưởng là dây thun được cuộn vào ống giao cho khách hàng do việc cắt ngắn sẽ rất cồng kềnh không thuận tiện cho việc đóng gói, vận chuyển).

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư

Dự án không nhuộm và in lụa gia công mà chỉ nhuộm và in lụa cho các sản phẩm được sản xuất tại Công ty. In lụa là 1 công đoạn của quy trình sản xuất nên không thể hiện công suất sản phẩm riêng cho in lụa.

Tổng công suất sản xuất sau khi thành phẩm của 2 địa điểm là 112.000.000 m sản phẩm/năm. Chi tiết sản phẩm của Dự án tại mỗi địa điểm sản xuất cụ thể như sau:

Bảng 1.1. Sản phẩm và công suất sản xuất của Dự án

STT	Vị trí nhà máy SX	Tên sản phẩm	Đơn vị	Công suất
1	KCN Minh Hưng – Hàn Quốc	Dệt	m sản phẩm/năm	14.000.000
		Nhuộm	m sản phẩm/năm	90.000.000
2	KCN Chơn Thành II	Dệt	m sản phẩm/năm	98.000.000

Nguồn: Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile, 2022

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, hóa chất sử dụng của dự án

Nhu cầu nguyên, nhiên liệu, hoá chất sử dụng cho hoạt động sản xuất và xử lý môi trường trong năm được trình bày trong các bảng sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nâng công suất và mở rộng nhà máy sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô tăng từ 90.000.000 m sản phẩm/năm lên thành 112.000.000 m sản phẩm/năm”

Bảng 1.2. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu, hóa chất của Dự án

STT	Nội dung	Định mức sử dụng	Khối lượng (Tấn/năm)	Xuất xứ
A	LÔ C6-C8, KCN MINH HƯNG – HÀN QUỐC	-	-	-
I	Nguyên liệu sản xuất chính	kg/tấn sản phẩm	-	-
1	Sợi polyamide	337,5	47,46	Trung Quốc/Hàn/Nhật
2	Sợi polyamide (draw texture Yarn, sợi DTY, sợi dún)	413,1	58,08	Trung Quốc/Hàn/Nhật
3	Sợi spandex	124,4	17,50	Trung Quốc/Hàn/Nhật
4	Khung in đã được chụp bản	-	0,08	Việt Nam
II	Hóa chất dùng cho sản xuất	kg/tấn sản phẩm	-	-
1	Thuốc nhuộm màu 3 (nylon - ZETESAL NR, ERIOPON OLS_SDS, DTE-JINLEVECO NLC...)	232,3	210	Trung Quốc/Hàn/Nhật
2	Chất chống ố vàng - RPY	6,3	5,67	Trung Quốc/Hàn/Nhật
3	Chất làm đều màu - NEOTEX PD-50A	104,5	94,50	Trung Quốc/Hàn/Nhật
4	Hóa chất giặt - S44 (ARRISTAN S 44)	3,32	3,00	Trung Quốc/Hàn/Nhật
5	A-300 (Nước xả vải)	3,32	3,00	Trung Quốc/Hàn/Nhật
6	Chất giặt cho sợi nylon (Vitex-SPn)	1,99	1,80	Trung Quốc/Hàn/Nhật
7	Chất cầm màu acid (Vitex-NG5)	1,77	1,60	Trung Quốc/Hàn/Nhật
8	Axit citric	1,11	1,00	Trung Quốc/Hàn/Nhật
9	RC-700E (hóa chất giặt POLY)	0,11	0,10	Trung Quốc/Hàn/Nhật
10	Chất phân tán cho nhuộm ở nhiệt độ cao - Nicca sunsolt 7000NC	0,22	0,20	Trung Quốc/Hàn/Nhật
11	Chất ngăn chặn góc hoạt động tự do - Texport-sky	1,00	0,90	Trung Quốc/Hàn/Nhật

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nâng công suất và mở rộng nhà máy sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô tăng từ 90.000.000 m sản phẩm/năm lên thành 112.000.000 m sản phẩm/năm”

STT	Nội dung	Định mức sử dụng	Khối lượng (Tấn/năm)	Xuất xứ
12	Chất làm đều màu – Nicca sunsolt RM340-ECO	0,55	0,50	Trung Quốc/Hàn/Nhật
13	Chất tẩy và rửa vết dầu trên vải (FELOSAN KOR-D)	0,22	0,20	Trung Quốc/Hàn/Nhật
14	Mực in gốc nước các loại (SWS 60 tất cả các màu)	7,96	7,20	Trung Quốc/Hàn/Nhật
15	Dung dịch vệ sinh khung in	0,13	0,12	Trung Quốc/Hàn/Nhật
16	Keo dùng cho ngành in lụa	1,33	1,20	Trung Quốc/Hàn/Nhật
III	Hóa chất cho xử lý nước thải	Kg/m³	-	-
1	PAC	0,14	29,86	Trung Quốc
2	Polymer A	0,005	0,03	Trung Quốc
3	Polymer C	0,005	0,25	Trung Quốc
4	Metanol	0,06	12,59	Trung Quốc
5	Đạm urê	0,04	0,43	Trung Quốc
6	MA (chất khử màu)	0,01	1,84	Trung Quốc
7	NaOH	0,05	9,95	Trung Quốc
IV	Hóa chất cho xử lý khí thải	-	-	-
1	NaOH	-	23	Trung Quốc
2	Tấm lọc than hoạt tính	300 gr/tấm	0,01	Việt Nam
V	Nhiên liệu	-	-	-
1	Củi viên nén	-	12.580	Việt Nam
2	Dầu DO chạy máy phát điện	-	7	Việt Nam
3	Dầu DO chạy lò hơi 8,4 tấn/h	-	3524	Việt Nam

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nâng công suất và mở rộng nhà máy sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô tăng từ 90.000.000 m sản phẩm/năm lên thành 112.000.000 m sản phẩm/năm”

STT	Nội dung	Định mức sử dụng	Khối lượng (Tấn/năm)	Xuất xứ
B	NHÀ XƯỞNG THUÊ CỦA CÔNG TY TNHH CREATE PROFIT TẠI KCN CHƠN THÀNH II	-	-	-
1	Sợi polyamide	337,5	332,22	Trung Quốc/Hàn/Nhật
2	Sợi polyamide (draw texture Yarn, sợi DTY, sợi dún)	413,1	406,59	Trung Quốc/Hàn/Nhật
3	Sợi spandex	124,4	122,50	Trung Quốc/Hàn/Nhật

Nguồn: Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile, 2022

❖ Thành phần hóa học và đặc tính của các thuốc nhuộm và hoá chất

Bảng 1.3. Thành phần, tính chất hóa học hóa chất sử dụng của dự án

STT	Tên hóa chất	Thành phần	Mã CAS	Đặc tính chung	Tính nguy hại
I	Hóa chất nhuộm	-	-	-	-
1	Thuốc nhuộm nylon - ZETESAL NR	Benzenesulfonic acid (24-26%), hydroxy-, polymer with formaldehyde (<5%) , phenol and urea phenol 2-butoxyethanol (24-26%)	53817-89-3 108-95-2 111-76-2	Dạng lỏng, màu hơi đỏ, mùi đặc trưng. Giá trị pH (100 g/l) ở 20°C: 2,8 - 3,5. Điểm chớp cháy:> 105°C Mật độ ở 20°C: 1,18 g/ cm ³ . Khả năng trộn lẫn với nước: không giới hạn. Độ nhớt: động ở 20°C: < 2.000 mPas	Gây kích ứng da. Gây kích ứng mắt nghiêm trọng. Có hại cho đời sống thủy sinh với tác dụng lâu dài.
2	Thuốc nhuộm màu - ERIOPON OLS_SDS	2-Phenoxyethanol (>= 1 - < 10)	122-99-6	Dạng lỏng, màu vàng, màu xanh lá, giống mùi rượu. pH: 5,5-9,5 (20°C) Điểm sôi 100°C. Tự bốc cháy 430°C, Độ nhớt, động lực : 720 mPa.s (25°C).	Nếu hít phải, di chuyển ngay ra nơi không khí trong lành. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da: đến bác sĩ nếu vùng kích ứng lan rộng và dai dẳng. Trường hợp tiếp xúc theo đường mắt: Rửa

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nâng công suất và mở rộng nhà máy sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô tăng từ 90.000.000 m sản phẩm/năm lên thành 112.000.000 m sản phẩm/năm”

STT	Tên hóa chất	Thành phần	Mã CAS	Đặc tính chung	Tính nguy hại
					mắt bằng nước để phòng ngừa. Gỡ bỏ kính áp tròng. Liên hệ với bác sĩ nếu hiện tượng kích ứng ở mắt kéo dài. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa: Giữ sạch đường hô hấp. Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh. Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.
3	Thuốc nhuộm - DTE-JINLEVECO NLC	fatty alcohol polyoxyethylene ether chiếm 24-26%, nước chiếm 74-76%	61791-26-2 7732-18-5	Dạng lỏng, màu vàng nhạt, Khối lượng riêng (25°C) 1,00±0,03 hàm lượng rắn 25±1, giá trị pH (10%) 9±1, Điểm sôi ≥ 100°C.	Tiếp xúc với da: Có thể có kích ứng nhẹ tại vị trí tiếp xúc. Tiếp xúc mắt: Có thể có kích ứng và đỏ. Nuốt phải: Có thể bị kích thích nhẹ cổ họng
4	Chất chống ố vàng - RPY	Benzenesulfonic acid, C10-C13-alkyl (24-26%), derives, 2-(2-butoxyethoxy)ethanol (<10%)	68411-31-4 270-116-6 112-34-5 203-961-6 01-211947 5104-44	Dạng lỏng, màu vàng, mùi đặc trưng, pH: 6-7,5, Điểm sôi: >100°C Tỷ trọng: 1,07 g/cm ³ (20°C)	Hít phải: có thể gây kích ứng. Tiếp xúc ngoài da: dị ứng. Tiếp xúc mắt: dị ứng. Nuốt phải: có hại khi nuốt phải.
5	Chất làm đều màu - NEOTEX PD-50A	Polymer anion (CONH ₂ [CH ₂ -CH-]n) Nước	7732-18-5 H ₂ O	Chất lỏng nhớt không màu. Mùi axit formic. pH khoảng 4,5. Điểm sôi khoảng 100°C. Tan trong nước.	Hít phải: có thể gây kích ứng. Tiếp xúc ngoài da: dị ứng. Tiếp xúc mắt: dị ứng. Nuốt phải: có hại khi nuốt phải.
6	Hóa chất giặt - S44 (ARRISTAN S 44)	Nhũ tương dựa trên một silicon biến đổi Không có thành phần nguy hiểm		Dạng nhũ tương. Màu sắc: trắng, be. Mùi: đặc trưng.	Cởi bỏ tất cả quần áo bị dính hóa chất ngay lập tức. Nếu hít phải: Di chuyển đến nơi thoáng khí. Nếu triệu chứng không giảm, phải gọi bác sĩ. Trong trường hợp

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nâng công suất và mở rộng nhà máy sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô tăng từ 90.000.000 m sản phẩm/năm lên thành 112.000.000 m sản phẩm/năm”

STT	Tên hóa chất	Thành phần	Mã CAS	Đặc tính chung	Tính nguy hại
				pH: 4,0 - 6,0, 100 g/l (20°C). Điểm sôi/phạm vi sôi: ca. 100 CC (1.013 hPa).	tiếp xúc với da: Rửa sạch ngay bằng xà phòng và nhiều nước. Nếu triệu chứng không giảm, phải gọi bác sĩ. Trong trường hợp tiếp xúc với mắt: Rửa mắt ngay lập tức với nhiều nước. Nếu triệu chứng không giảm, phải gọi bác sĩ. Nếu nuốt phải: Súc miệng bằng nước. Nếu triệu chứng không giảm, phải gọi bác sĩ.
7	A-300 (Nước xả vải)	Hợp chất ester Chất hoạt động bề mặt anion Chất hoạt động bề mặt không ion Dung môi hữu cơ Cồn Isopropyl (C ₃ H ₈ O) Nước (40%)	7732-18-5 H ₂ O 67-63-0 Cồn isopropyl	Chất lỏng màu trắng, mùi nhẹ, pH khoảng 8,5. Điểm sôi khoảng 100°C. Hòa tan dạng nhũ tương trong nước.	Khi hít phải: Nếu cảm thấy không khỏe, cần tham vấn ý kiến bác sĩ. Khi nuốt phải: Nếu nuốt phải, tham vấn ý kiến bác sĩ ngay và đưa cho bác sĩ xem nhãn hoặc thùng chứa sản phẩm này. Khi tiếp xúc với da: Rửa ngay với nhiều nước ít nhất trong 10 phút. Khi tiếp xúc với mắt: Rửa mắt cẩn thận với nước trong vài phút. Gỡ bỏ kính sát trùng nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa sạch. Nếu vẫn còn kích ứng mắt: nên đi khám bác sĩ.
8	Chất giặt cho sợi nylon (Vitex-SPn)	Fatty Amine Polyethylene glycol ether 1-30% 2-methyl-4-isothiazoline-3-one < 1% 5-Chloro-2-methyl-4-isothiazoline-3-one < 1%	61791-26-2 2682-20-4 26172-55-4	Dung dịch màu vàng nhạt, Mùi nhẹ, pH 7.0 ± 1.0 (dd 100%), Nhiệt độ sôi >900C, Độ hòa tan dễ hòa tan trong nước .	Hít phải: có thể gây kích ứng. Tiếp xúc ngoài da: dị ứng. Tiếp xúc mắt: dị ứng. Nuốt phải: có hại khi nuốt phải.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nâng công suất và mở rộng nhà máy sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô tăng từ 90.000.000 m sản phẩm/năm lên thành 112.000.000 m sản phẩm/năm”

STT	Tên hóa chất	Thành phần	Mã CAS	Đặc tính chung	Tính nguy hại
9	Chất cảm màu acid (Vitex-NG5)	Các axit Sulphonic Acid thơm (R-S(=O) ₂ -OH)	-	Dung dịch màu nâu, pH 7.0 - 8.0 (dd 5%), Nhiệt độ sôi > 900C, Tỷ trọng ±1.0 g/cm ³ 25°C, Độ hòa tan dễ hòa tan trong nước .	
10	Axit citric (C ₆ H ₈ O ₇)	acid citric	5949-29-1	Dạng rắn. (Bột tinh thể rắn.) Mùi: Không có sẵn. Axit mạnh Trọng lượng phân tử: 210,14 g/mol Màu: Không màu. pH (1% sol/nước): 3 [Có tính axit.] Điểm sôi: Không có sẵn. Điểm nóng chảy: Phân hủy. (45°C hoặc 113°F). Nhiệt độ tới hạn: Không có sẵn. Trọng lượng riêng: 1,54 (Nước = 1).	Nguy hiểm trong trường hợp tiếp xúc với mắt (kích thích), hít phải (kích thích phổi). Hơi nguy hiểm trong trường hợp tiếp xúc với da (gây kích ứng, chất nhạy cảm), của ăn. Số lượng tổn thương mô phụ thuộc vào thời gian tiếp xúc. Giao tiếp bằng mắt có thể dẫn đến giác mạc thiệt hại hoặc mù lòa. Tiếp xúc với da có thể tạo ra viêm và phỏng rộp. Tiếp xúc quá nhiều có thể gây tổn thương phổi, nghẹt thở, bất tỉnh hoặc tử vong.
11	RC-700E (hóa chất giặt POLY)	Chất hoạt động bề mặt không ion Chất hoạt động bề mặt anion Ethylene glycol monobutyl ether 2% (C ₆ H ₁₄ O ₂)	111-76-2 67-63-0 7732-18-5	Chất lỏng trong màu nâu. Mùi ether nhẹ, pH khoảng 8 Điểm sôi khoảng 100°C Trọng lượng riêng khoảng 1.02 g/ml (20°C) Tan trong nước.	Khi hít phải: Nếu cảm thấy không khỏe, cần tham vấn ý kiến bác sĩ. Khi nuốt phải: Nếu nuốt phải, tham vấn ý kiến bác sĩ ngay và đưa cho bác sĩ xem nhãn hoặc thùng chứa sản phẩm này.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nâng công suất và mở rộng nhà máy sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô tăng từ 90.000.000 m sản phẩm/năm lên thành 112.000.000 m sản phẩm/năm”

STT	Tên hóa chất	Thành phần	Mã CAS	Đặc tính chung	Tính nguy hại
		Isopropyl alcohol 6% (C ₃ H ₈ O) Nước (40%)			Khi tiếp xúc với da: Rửa ngay với nhiều nước ít nhất trong 10 phút. Khi tiếp xúc với mắt: Rửa mắt cẩn thận với nước trong vài phút. Gỡ bỏ kính sát tròng nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa sạch. Nếu vẫn còn kích ứng mắt: nên đi khám bác sĩ.
12	Chất phân tán cho nhuộm ở nhiệt độ cao - Nicca sunsolt 7000NC	Hợp chất hoạt động bề mặt anion Nước (40%)	7732-18-5	Chất lỏng trong suốt màu vàng nhạt, nâu. Mùi: Không có mùi đặc biệt. pH (không pha loãng) khoảng 9 Điểm sôi 100°C Trọng lượng riêng Khoảng 1,07 g/ml (20°C) Tan trong nước.	Hít phải: có thể gây kích ứng. Tiếp xúc ngoài da: dị ứng. Tiếp xúc mắt: dị ứng. Nuốt phải: có hại khi nuốt phải.
13	Chất ngăn chặn gốc hoạt động tự do - Texport-sky	Polymer anion (CONH ₂ [CH ₂ -CH-] _n) Muối axit hữu cơ Nước (40%)	7732-18-5 H ₂ O	Chất lỏng trong không màu đến màu vàng. Mùi không có mùi đặc biệt pH (100% dung dịch) Khoảng 4,5. Điểm sôi khoảng 100°C. Trọng lượng riêng Khoảng 1,00 (20°C). Tan trong nước.	Khi hít phải: Nếu cảm thấy không khỏe, cần tham vấn ý kiến bác sĩ. Khi nuốt phải: Nếu nuốt phải, tham vấn ý kiến bác sĩ ngay và đưa cho bác sĩ xem nhãn hoặc thùng chứa sản phẩm này. Khi tiếp xúc với da: Rửa ngay với nhiều nước ít nhất trong 10 phút.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nâng công suất và mở rộng nhà máy sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô tăng từ 90.000.000 m sản phẩm/năm lên thành 112.000.000 m sản phẩm/năm”

STT	Tên hóa chất	Thành phần	Mã CAS	Đặc tính chung	Tính nguy hại
14	Chất làm đều màu – Nicca sunsolt RM340-ECO	Chất hoạt động bề mặt anion Chất hoạt động bề mặt không ion Rượu Isopropyl (C ₃ H ₈ O) Nước (40%)	7732-18-5 H ₂ O 67-63-0 Rượu isopropyl	Chất lỏng trong màu nâu. Mùi còn pH khoảng 8. Điểm sôi khoảng 100°C. Trọng lượng riêng khoảng 1,03 g/ml (20°C). Điểm chớp cháy khoảng 34°C. Cháy được (không liên tục). Tan trong nước.	Khi tiếp xúc với mắt: Rửa mắt cẩn thận với nước trong vài phút. Gỡ bỏ kính sát trùng nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa sạch. Nếu vẫn còn kích ứng mắt: nên đi khám bác sĩ.
15	Chất tẩy và rửa vết dầu trên vải (FELOSAN KOR-D)	fatty alcohol ethoxylate Nước (40%)	-	Dạng lỏng, màu vàng nhạt, mùi đặc trưng, pH: 6,0 – 8,0 tại 20°C, Điểm sôi: > 100°C, Áp suất hơi: ca. 23 hPa, Nước Mật độ: 1,00 g/cm ³ ở 20°C.	Cởi bỏ tất cả quần áo bị dính hóa chất ngay lập tức. Nếu hít phải: Di chuyển đến nơi thoáng khí. Nếu triệu chứng không giảm, phải gọi bác sĩ. Trong trường hợp tiếp xúc với da: Rửa sạch ngay bằng xà phòng và nhiều nước. Nếu triệu chứng không giảm, phải gọi bác sĩ. Trong trường hợp tiếp xúc với mắt: Rửa mắt ngay lập tức với nhiều nước. Nếu triệu chứng không giảm, phải gọi bác sĩ. Nếu nuốt phải: Súc miệng bằng nước. Nếu triệu chứng không giảm, phải gọi bác sĩ.
II	Mực in gốc nước	-	-	-	-
1	SWS-60	Base Resin (55~70%), Pigment (10~25%), Additive (3%), Other (water) (17~27%)	-	Chất lỏng, nhiều màu, mùi nhẹ, nhiệt độ sôi 1.000°C.	Có thể gây kích ứng, chảy nước mắt khi tiếp xúc với mắt, tiếp xúc thường xuyên gây khô da, nuốt phải có thể gây rối loạn tiêu hóa.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nâng công suất và mở rộng nhà máy sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô tăng từ 90.000.000 m sản phẩm/năm lên thành 112.000.000 m sản phẩm/năm”

STT	Tên hóa chất	Thành phần	Mã CAS	Đặc tính chung	Tính nguy hại
2	SWS-60 COLOR TOP CLEAR GLOSS	Ethanol (40%), Ipa (25%), Other (water) (35%)	-		
3	SWS-60 STITCHING GAUGE INK	Base Resin (15~20%), Pigment (50~60%), Other (water) (20~35%)	-		
4	SWS-60 TABLE BOND	Aqueous Acrylic (54%), Water (46%)	-		
5	SWS-60 TEXON GAUGE INK	Base Resin (30~40%), Pigment (25~35%), Other (water) (45~70%)	-		
6	SWS-60 TOP MAT CLEAR	Base Resin (65~80%), Additive (3%), Other (water) (17~27%)	-		
7	SWS-80 3D	Base Resin (75~85%), Pigment (15~25%), Other (water) (10~15%)	-	Chất lỏng nhớt, giống mùi cồn, nhiệt độ sôi 1.000°C.	Chảy nước mắt khi tiếp xúc với mắt, tiếp xúc thường xuyên gây khô da, nứt phải có thể gây rối loạn tiêu hóa.
8	SWS-80 POP	Base Resin (75~85%), Pigment (15~25%), Other (water) (10~15%)	-		
9	Dung dịch vệ sinh khung in	Hỗn hợp ethanol (C_2H_5OH , mã cas 64-17-5) và nước	-	-	Có thể gây kích ứng mắt, làm giác mạc bị thương tổn. Có thể gây kích ứng da và độc hại nếu ngấm qua da. Có thể làm suy yếu hệ thần kinh trung ương, làm hư hại thận và gan. Có thể gây kích ứng đường hô hấp và gây buồn ngủ ở nồng độ cao. Khi hít

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nâng công suất và mở rộng nhà máy sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô tăng từ 90.000.000 m sản phẩm/năm lên thành 112.000.000 m sản phẩm/năm”

STT	Tên hóa chất	Thành phần	Mã CAS	Đặc tính chung	Tính nguy hại
					phải có thể làm cho thanh quản và phế quản bị co thắt, phù sung, viêm phế nang, phổi sung vù và dẫn đến tử vong. Có thể làm hư hại thận. Tiếp xúc lâu dài và lặp lại qua da có thể gây viêm da.
III	Hóa chất xử lý nước thải				
1	NaOH	Natri hydroxit	1310-73-2	Điểm sôi (°C): 1.390, Màu sắc: Không màu, Điểm nóng chảy (°C): 318, Mùi đặc trưng: Không mùi. Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: 2,1g/cm ³ . Độ hòa tan trong nước : vô cùng Độ PH: >14. Khối lượng riêng (kg/m ³): 1356.	Đường mắt: Gây bỏng rát, sưng tấy đỏ. Đường thở: Tức ngực khó thở, ngứa, ho rát cổ. Đường da: Ngứa da, rát đỏ, nhót nếu nồng độ thấp, nồng độ cao rất nguy hiểm gây bỏng sâu có thể dẫn đến tử vong.
2	MA (chất khử màu nước thải)	Hợp chất polymer cationic bậc bốn	-	Dạng lỏng, màu đục, mùi hôi nhẹ, pH từ 3-5, độ sáng >100°C, độ nhớt 200-1.000, tan hoàn trong nước, mật độ 1,1 – 1,3. Ổn định ở nhiệt độ thông thường, không tương thích với acid mạnh, kali mạnh và polymer hữu cơ anionic, không phân hủy nếu được lưu trữ đúng theo	Sản phẩm không chứa hóa chất gây ảnh hưởng, nguy hiểm đến sức khỏe con người. Sản phẩm không phải là hàng hóa nguy hại. LD50 với cá/98 giờ: 1-10 mg/l. EC50 đối với rong rêu/72 giờ: 1-10 mg/l.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nâng công suất và mở rộng nhà máy sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô tăng từ 90.000.000 m sản phẩm/năm lên thành 112.000.000 m sản phẩm/năm”

STT	Tên hóa chất	Thành phần	Mã CAS	Đặc tính chung	Tính nguy hại
				quy định của nhà sản xuất. Khi bị phân hủy bằng nhiệt sẽ tạo ra hợp chất vô cơ hoặc hữu cơ, có thể dễ cháy, độc hại hoặc khó chịu. Các hợp chất được tạo ra khác nhau tùy thuộc vào nhiệt độ và vật liệu của sản phẩm, thời gian tiếp xúc và những yếu tố khác trong môi trường.	
3	PAC - Poly Aluminum Chloride	$[Al_2(OH)_nCl_{6-n}]_m$ trong đó 30 % Al_2O_3	1327-41-9	Dạng bột mịn, vàng nâu hoặc vàng chanh, không mùi, độ hòa tan trong nước 10%, Độ pH là 3-4, ổn định ở nhiệt độ và áp suất bình thường. - Vật liệu không tương thích: các chất mang tính kiềm như NaOH, javel, ... Khi phản ứng với các chất mang tính kiềm hay hòa tan vào nước đều tỏa nhiệt lớn. - Ăn mòn kim loại như: nikel, đồng, nhôm. - Phản ứng trùng hợp không xảy ra.	- Độc khi tiếp xúc. Có thể làm hồng mắt, tiếp xúc với da kéo dài có thể gây viêm da. - Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng: tránh tiếp xúc trực tiếp với da và mắt, sử dụng đầy đủ bảo hộ lao động khi tiếp xúc với hóa chất. - Đường mắt: Có thể gây kích ứng mắt đỏ và sưng. - Đường thở: kích thích niêm mạc - Đường da: có thể gây kích ứng, viêm da. - Đường tiêu hóa: Kích ứng miệng và dạ dày. - Đường tiết sữa: Chưa có thông tin. Đối với môi trường: Độc đối với đời sống thủy sinh và các hiệu ứng lâu dài.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nâng công suất và mở rộng nhà máy sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô tăng từ 90.000.000 m sản phẩm/năm lên thành 112.000.000 m sản phẩm/năm”

STT	Tên hóa chất	Thành phần	Mã CAS	Đặc tính chung	Tính nguy hại
4	Methanol	$(CH_3)_2CHCH_2OH$	67-56-1	Chất lỏng, không màu, trong suốt, mùi cồn dịu, áp suất hóa hơi: 12,8 kPa ở 20°C. Tỷ trọng hơi ở nhiệt độ và áp suất tiêu chuẩn: 1,105 (15°C). Điểm sôi 64,7°C, điểm nóng chảy - 97,8°C, nhiệt độ tự cháy 464°C, tỷ lệ hóa hơi 4,1. Ổn định trong các điều kiện sử dụng bình thường. Phản ứng với cái nguyên tố oxy hóa mạnh và axit mạnh. Tránh đun nóng, tia lửa, các ngọn lửa mở và các nguồn gây cháy nổ khác.	Bào mòn / kích ứng da: Kích ứng da vừa phải Kích ứng mắt: Kích ứng mắt vừa phải Kích ứng hô hấp: Hít vào hơi hay sương có thể gây kích ứng hệ hô hấp. Gây nhức đầu, buồn ngủ, buồn nôn, lảo đảo, bất tỉnh, rối loạn tiêu hóa và thị giác, thậm chí dẫn đến tử vong Mức độ nhạy cảm: Không là chất nhạy cảm đối với da. Liều độc tính lặp lại: Có thể gây tổn thương gan nếu tiếp xúc lặp lại hoặc kéo dài. Có thể làm khô da. LC50 (cá và các loài thủy sinh): 29.400 mg/l 96 giờ. Methanol nguyên chất hoặc trong nước muối có thể gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường thủy sinh. LD50 miệng chuột là 5.628 mg/kg, LD50 da thỏ là 20 ml/kg. Không được phân loại là chất gây ung thư theo IARC, NTP, ACGIH và OSHA

Nguồn: Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile, 2022

Căn cứ vào các MSDS của các hóa chất sử dụng cho nhuộm và in lụa tại Dự án không chứa thành phần kim loại nặng.

4.2. Nhu cầu sử dụng điện

❖ Địa điểm 1: Lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc

Điện được sử dụng cấp cho các máy móc thiết bị của nhà máy, phục vụ chiếu sáng công trình, điện chiếu sáng toàn Công ty. Điện năng tiêu thụ khoảng 700.000 kWh/tháng tương đương 8.400.000 kWh/năm.

Dự án sử dụng 02 máy phát điện dự phòng công suất 300 KVA/máy trong quá trình hoạt động.

Nguồn cung cấp điện: Toàn bộ nguồn điện cung cấp cho Dự án được sử dụng nguồn điện từ mạng lưới điện chung của Công ty điện lực Bình Phước – Điện lực Chơn Thành thông qua hệ thống đường dây cáp điện của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc.

❖ Địa điểm 2: Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Create Profit tại KCN Chơn Thành II

Mục đích sử dụng điện: cung cấp cho hoạt động sản xuất của dự án. Điện năng tiêu thụ khoảng 1.000 kW/tháng.

Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile sử dụng hạ tầng cấp điện do Công ty TNHH Create Profit Việt Nam xây dựng sẵn trong nhà xưởng cho thuê, không sử dụng thêm máy phát điện dự phòng.

Toàn bộ nguồn điện cung cấp cho các hoạt động của Nhà máy được cấp từ mạng điện chung của tỉnh Bình Phước thông qua hệ thống đường dây cáp điện của KCN Chơn Thành II.

4.3. Nhu cầu nước

Nước được sử dụng tại Nhà máy phục vụ cho hoạt động sản xuất và nhu cầu sinh hoạt của công nhân viên. Ngoài ra, nước còn dùng cho tưới cây và phòng cháy chữa cháy. Nhu cầu sử dụng nước của Dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng nước của Dự án

STT	Nội dung	Số lượng (m ³ /ngày)
A	Lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc	783,95
1	Nước cấp cho sinh hoạt	12,6
2	Nước cấp cho sản xuất	752,45
2.1	Nước cấp cho quá trình nhuộm	640,4
2.2	Nước cấp bổ sung cho lò hơi	48,0
2.3	Nước cấp cho hệ thống xử lý khí thải lò hơi	47,5
2.4	Nước cấp cho quá trình vệ sinh máy móc thiết bị và nhà xưởng	16,5
2.5	Nước cấp cho vệ sinh khung in lụa	0,05
3	Nước cấp cho tưới cây	18,9

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nâng công suất và mở rộng nhà máy sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô tăng từ 90.000.000 m sản phẩm/năm lên thành 112.000.000 m sản phẩm/năm”

STT	Nội dung	Số lượng (m ³ /ngày)
B	Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Create Profit tại KCN Chơn Thành II	11,2
1	Nước cấp cho sinh hoạt	11,2

Nguồn: Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile, 2022

Tính toán nhu cầu sử dụng nước

❖ Địa điểm 1: Lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc

Nhu cầu sử dụng nước trong giai đoạn sản xuất, các trang thiết bị và hoạt động sinh hoạt của công nhân viên của Dự án như sau:

Tổng lưu lượng nước phục vụ cho quá trình sản xuất và sinh hoạt của Công ty là 793,75 m³/ngày. Trong đó:

- Nước dùng cho sinh hoạt khoảng 12,6 m³/ngày, được tính toán dựa trên các cơ sở sau:
 - + Số lượng công nhân viên: 280 người. Công ty không tổ chức nấu ăn cho công nhân.
 - + Tiêu chuẩn cấp nước: 45 lít/người.ca (TCXDVN 33:2006/BXD).
- Nhu cầu dùng nước sản xuất: 752,45 m³/ngày.
- Nước cấp cho quá trình nhuộm khoảng 640,4 m³/ngày, được tính toán dựa trên các cơ sở sau:
 - + Định mức sử dụng nước cho nhuộm: 2,22 lít/m sản phẩm (theo kinh nghiệm sản xuất của Chủ đầu tư tại Nhà máy).
 - + Công suất sản xuất: 90.000.000 m sản phẩm/năm tương đương 288.462 m sản phẩm/ngày (làm việc 26 ngày/tháng và 12 tháng/năm).
- Nước cấp bổ sung cho lò hơi lớn nhất: 48 m³/ngày.
 - + Công ty đã lắp lò hơi 15 tấn/giờ để sử dụng trong quá trình sản xuất, lò hơi 8,4 tấn/giờ để dự phòng khi lò hơi 15 tấn/giờ bảo trì sửa chữa.
 - + 2 lò hơi (1 lò hơi 15 tấn/giờ và 1 lò hơi 8,4 tấn/giờ) hoạt động dự phòng/luân phiên nên trong ngày sản xuất chỉ có 1 lò hoạt động do đó lượng nước cấp lớn nhất nếu lò hơi 15 tấn/giờ hoạt động.
 - + Lò hơi vận hành 16 giờ/ngày, nước cấp lần đầu cho lò là 240 m³/ngày, sau mỗi ngày, lò hơi được xả đáy lò hơi 2 m³/ngày do đó nước cấp cho lò hơi để bù vào lượng hơi nước thất thoát 20% sau khi đã được tuần hoàn trong hệ thống lò hơi và xả đáy khoảng 48 m³/ngày.
- Nước cấp cho hệ thống xử lý khí thải: 47,5 m³/ngày.
 - + Nhà máy đã bố trí 1 hệ thống xử lý khí thải lò hơi 15 tấn/giờ.

- + Bể chứa dung dịch hấp thụ của hệ thống xử lý khí thải lò hơi 15 tấn/giờ có thể tích 52,8 m³. Thể tích chứa nước là 47,5 m³. Sau mỗi ngày vận hành, nước từ bể chứa sẽ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải nên được thay mới với lưu lượng khoảng 47,5 m³/ngày.
- Nước cấp cho quá trình vệ sinh máy móc thiết bị và nhà xưởng: 16,5 m³/ngày (theo kinh nghiệm của Công ty);
- Nước cấp cho vệ sinh khung in lụa: Đối với mực in gốc nước, Dự án có sử dụng nước để rửa khung in. Theo kinh nghiệm sản xuất của Công ty, công đoạn rửa bản mực in không thực hiện thường xuyên và chỉ thực hiện khi cần in mực in gốc nước với mẫu logo có nhiều màu sắc và hoa văn khác nhau đan xen. Ước tính số lượng khung in rửa lớn nhất trong 1 ngày khoảng 5 khung in. Định mức sử dụng cho 1 khung in là 10L/khung (bộ phận kỹ thuật tính theo thời gian phun nước bằng vòi áp lực với lưu lượng 300 lít/giờ cho 1 khung in, thời gian xịt lớn nhất tầm 2 phút). Lượng nước cấp cho việc vệ sinh khung in với lưu lượng nước cấp khoảng 0,05 m³/ngày.
- Nước tưới cây: 18,9 m³/ngày.
 - + Định mức cấp nước: 3 lít/m²/ngày.đêm (QCVN 01:2021/BXD).
 - + Diện tích cây xanh: 6.286,3 m².

❖ **Địa điểm 2: Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Create Profit tại KCN Chơn Thành II**

- Nước dùng cho sinh hoạt khoảng 11,2 m³/ngày, được tính toán dựa trên các cơ sở sau:
 - + Tổng số lượng công nhân viên: 140 người.
 - + Tiêu chuẩn cấp nước: 80 lít/người.ca (Căn cứ QCVN 01:2021/BXD).
- Dự án không nấu ăn cho công nhân, không dùng nước cho hoạt động sản xuất. Đối với nước tưới cây và rửa đường do Công ty TNHH Create Profit Việt Nam chịu trách nhiệm duy trì và thực hiện.

Ngoài ra, mỗi địa điểm sản xuất, Công ty còn dự trữ một lượng nước cho PCCC. Lượng nước dự trữ cấp nước cho hoạt động chữa cháy khoảng 162 m³, được tính cho 1 đám cháy trong 3 giờ liên tục với lưu lượng 15 lít/giây/đám cháy.

$$W_{cc} = 15 \text{ lít/giây/đám cháy} \times 3 \text{ giờ} \times 1 \text{ đám cháy} \times 3.600 \text{ giây/1.000} = 162 \text{ m}^3.$$

Nguồn cung cấp nước:

❖ **Địa điểm 1: Lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc**

Nguồn cấp nước: Nguồn nước phục vụ cho hoạt động sinh hoạt, sản xuất của Nhà máy được cung cấp từ nguồn nước thủy cục của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc.

❖ **Địa điểm 2: Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Create Profit tại KCN Chơn Thành II**

Nguồn cấp nước: Nguồn nước phục vụ cho hoạt động sinh hoạt, sản xuất của Nhà máy được cung cấp từ nguồn nước thủy cục của Công ty CP Nước – Môi trường Bình Dương – CN Cấp nước Chơn Thành cung cấp.

5. Các thông tin khác

5.1. Nhu cầu lao động

Phân bố lao động của Nhà máy được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.5. Nhu cầu lao động của Công ty

STT	Loại lao động	Người Việt Nam	Người nước ngoài
A	Lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc	280	
1	Quản lý	3	12
2	Nhân viên văn phòng	25	0
3	Công nhân	240	0
B	Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Create Profit tại KCN Chơn Thành II	140	
1	Nhân viên văn phòng	6	4
2	Công nhân	130	0

Nguồn: Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile, 2022

Thời gian làm việc: 8 giờ/ca, 2 ca/ngày và 6 ngày/tuần; số ngày làm việc trong tháng 26 ngày/tháng.

Ngày nghỉ làm việc là các ngày chủ nhật, các ngày lễ, nghỉ tết theo quy định của Nhà nước.

5.2. Nhu cầu máy móc, thiết bị

Nhu cầu máy móc, thiết bị phục vụ quá trình sản xuất cho Dự án trong giai đoạn hoạt động được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.6. Danh mục máy móc, thiết bị sản xuất

STT	Máy móc thiết bị	Số lượng (Máy)		Tình trạng máy, Năm sản xuất
		Theo ĐTM	Sau khi thay đổi	
A	Lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc			
1	Máy mở sợi	1	0	Mới 90%, 2018
2	Máy phân sợi	2	0	Mới 90%, 2018
3	Máy sang sợi	2	31	Mới 90%, 2018
4	Máy cuộn sợi	2	10	Mới 90%, 2018
5	Máy bao sợi	6	17	Mới 90%, 2018
6	Máy cuốn sợi	4	9	Mới 90%, 2017
7	Máy nén sợi	7	3	Mới 90%, 2018
8	Máy kéo sợi	9	7	Mới 90%, 2018
9	Máy dệt dây Muller	2	11	Mới 90%, 2018
10	Máy dệt dây tốc độ cao	46	0	Mới 90%, 2018
11	Máy dệt dây lớn	4	0	Mới 90%, 2018
12	Máy dệt kim	5	63	Mới 90%, 2018

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nâng công suất và mở rộng nhà máy sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô tăng từ 90.000.000 m sản phẩm/năm lên thành 112.000.000 m sản phẩm/năm”

STT	Máy móc thiết bị	Số lượng (Máy)		Tình trạng máy, Năm sản xuất
		Theo ĐTM	Sau khi thay đổi	
13	Máy nhuộm (500 kg/mẻ, 300 kg/mẻ, 100 kg/mẻ, 50 kg/mẻ, 30 kg/mẻ)	29	45	Mới 90%, 2018
14	Máy định hình	4	4	Mới 90%, 2018
15	Máy xử lý độ co của dây	1	1	Mới 90%, 2018
16	Máy giảm sức căng của sợi SSM	1	0	Mới 90%, 2018
17	Máy kiểm tra độ bền	22	23	Mới 90%, 2018 và mới 95%, 2020
19	Máy đóng gói	13	7	-
20	Máy ép đóng gói	8	9	Mới 90%, 2018 và mới 95%, 2020
21	Máy rà kim loại	1	1	Mới 90%, 2018
22	Máy thông dây	1	0	Mới 90%, 2018
23	Máy tăng độ đàn hồi của sợi	8	8	Mới 90%, 2018
24	Máy kiểm biên	1	0	Mới 90%, 2018
25	Máy sấy	1	4	Mới 90%, 2018
26	Bàn in lụa	10	5	Mới 95%, 2020
27	Máy dập	0	6	Mới 100%, 2022
28	Máy nén khí trực vít	0	5	Mới 97%, 2021
29	Máy in dây đai tự động	0	2	Mới 95%, 2020
30	Máy in chuyển nhiệt	0	2	Mới 90%, 2019
31	Máy phun âm, tăng độ ẩm	0	24	Mới 85%, 2017
32	Máy se sợi	0	2	Mới 85%, 2017
33	Máy luồng gong sợi	0	1	Mới 85%, 2017
34	Máy quần chỉ	0	1	Mới 85%, 2017
35	Máy suốt sợi	0	1	Mới 85%, 2017
36	Máy xoắn sợi	0	1	Mới 90%, 2018
37	Lò hơi 8,4 tấn/giờ	1	1	Mới 90%, 2018
38	Lò hơi 15 tấn/giờ	1	1	Mới 95%, 2020
39	Máy phát điện	2	2	Mới 95%, 2020
40	Hệ thống xử lý nước thải	1	1	Mới 90%, 2018
41	Hệ thống xử lý khí thải lò hơi 15 tấn/giờ	1	1	Mới 95%, 2020
42	Hệ thống xử lý hơi hóa chất khu vực cân đong hóa chất	1	1	Mới 95%, 2020
43	Hệ thống xử lý hơi hóa chất khu vực pha trộn hóa chất	1	1	Mới 95%, 2020
44	Hệ thống xử lý hơi hóa chất từ quá trình nhuộm dây	0	1	Mới 100%, 2022
B	Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Create Profit tại KCN Chơn Thành II			
1	Máy bọc sợi	18	17	Mới 95%, 2020
2	Máy sang sợi	4	4	Mới 95%, 2020

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nâng công suất và mở rộng nhà máy sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô tăng từ 90.000.000 m sản phẩm/năm lên thành 112.000.000 m sản phẩm/năm”

STT	Máy móc thiết bị	Số lượng (Máy)		Tình trạng máy, Năm sản xuất
		Theo ĐTM	Sau khi thay đổi	
3	Máy dệt dây (muller, tốc độ cao, lớn)	106	0	Chuyển từ Nhà máy 1 sang Nhà máy 2 (Mới 90%, 2018), và mua máy mới 95%, 2020
4	Máy cuốn sợi	10	8	Mới 95%, 2020
5	Máy dệt kim phẳng	31	242	Mới 95%, 2020
6	Máy dệt kim	4	0	Chuyển từ Nhà máy 1 sang Nhà máy 2 (Mới 90%, 2018)
7	Máy cuốn sợi dùng để sản xuất dây đai	1	5	Mới 95%, 2020
8	Máy se sợi	0	7	Mới 97%, 2021
9	Máy tăng độ ẩm	0	23	Mới 95%, 2020
10	Máy đánh, suốt sợi	0	2	Mới 97%, 2021
11	Máy bện dây tự động	0	4	Mới 97%, 2021
12	Máy bấm đầu dây tự động	0	1	Mới 97%, 2021
13	Máy đánh ống	0	1	Mới 97%, 2021
14	Máy nén khí	0	1	Mới 99%, 2022

Nguồn: Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile, 2022

5.3. Các hạng mục công trình của dự án

Tổng diện tích đất Dự án 32.527,8 m² thuộc 2 địa điểm khác nhau (Địa điểm 1: Nhà xưởng tại lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc diện tích 27.127,8 m²; Địa điểm 2: Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Create Profit tại KCN Chơn Thành II có diện tích 5.400 m²).

Đối với địa điểm 1: Công ty đã xây dựng nhà xưởng theo các Giấy phép xây dựng số 34/GPXD đã được Ban Quản lý Khu kinh tế cấp vào ngày 19/07/2016 trên phần diện tích 27.127,8 m².

Đối với địa điểm 2: Dự án thuê 3 nhà xưởng để sản xuất. Mỗi nhà xưởng có diện tích là 1.800 m². Tổng diện tích nhà xưởng thuê là 5.400 m².

Các hạng mục công trình của Dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.7. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất tại dự án

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
A	Lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc	27.127,8	-	-
1	Nhà văn phòng	691,2	2,55	4 tầng, đã xây dựng và tiếp tục sử dụng
2	Nhà xưởng	9.144	33,71	2 tầng, tổng diện tích sàn là 16.704 m ² , đã xây dựng và tiếp tục sử dụng

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nâng công suất và mở rộng nhà máy sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô tăng từ 90.000.000 m sản phẩm/năm lên thành 112.000.000 m sản phẩm/năm”

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
2.1	<i>Kho vực chứa nguyên liệu và thành phẩm</i>	4.000	-	<i>Tầng 1</i>
2.2	<i>Khu vực dệt</i>	960	-	<i>Tầng 1</i>
2.3	<i>Khu nhuộm dây</i>	720	-	<i>Tầng 1</i>
2.4	<i>Khu vực định hình</i>	720	-	<i>Tầng 1</i>
2.5	<i>Khu vực nhuộm và sấy chỉ</i>	756	-	<i>Tầng 1</i>
2.6	<i>Khu vực chuẩn bị hóa chất nhuộm (2 phòng)</i>	200	-	<i>Tầng 1</i>
2.7	<i>Khu vực kỹ thuật (phòng điện, thang máy, cầu thang, nhà vệ sinh)</i>	1.000	-	<i>Tầng 1 và 2</i>
2.8	<i>Lối đi trong xưởng</i>	4.048	-	<i>Tầng 1 và 2</i>
2.9	<i>Khu vực QC</i>	300	-	<i>Tầng 2</i>
2.10	<i>Khu vực in lụa</i>	700	-	<i>Tầng 2</i>
2.11	<i>Khu vực đang để trống</i>	3.300	-	<i>Tầng 1 và 2</i>
3	Nhà điều hành	240	0,88	Đã xây dựng và tiếp tục sử dụng
4	Nhà bảo vệ	27,4	0,10	Đã xây dựng và tiếp tục sử dụng
5	Nhà xe ô tô	108	0,40	Đã xây dựng và tiếp tục sử dụng
6	Nhà để xe máy	288	1,06	Đã xây dựng và tiếp tục sử dụng
7	Bãi lên hàng container	120	0,44	Đã xây dựng và tiếp tục sử dụng
8	Căn tin	800	2,95	Đã xây dựng và tiếp tục sử dụng
9	Hệ thống xử lý nước thải	1.392	5,13	Đã xây dựng và tiếp tục sử dụng
10	Kho chứa hoá chất	33	0,12	Đã xây dựng và tiếp tục sử dụng
11	Nhà lò hơi	1.134	4,18	Đã xây dựng và tiếp tục sử dụng
12	Kho chứa chất thải sinh hoạt	5	0,02	Đã xây dựng và tiếp tục sử dụng
13	Kho chứa chất thải rắn không nguy hại	25,4	0,09	Đã xây dựng và tiếp tục sử dụng
14	Kho chứa chất thải nguy hại	36	0,13	Đã xây dựng và tiếp tục sử dụng
15	Sân và đường nội bộ	6.797,5	25,06	Đã xây dựng và tiếp tục sử dụng
16	Cây xanh	6.286,3	23,17	Đã hoàn thành
B	Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Create	5.400		Thuê lại nhà xưởng Công ty TNHH Create Profit Việt Nam

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nâng công suất và mở rộng nhà máy sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô tăng từ 90.000.000 m sản phẩm/năm lên thành 112.000.000 m sản phẩm/năm”

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
	Profit tại KCN Chơn Thành II			
1	Nhà xưởng 1 (Nhà C)	1.800	33,33	-
1.1	<i>Khu vực máy dệt</i>	1.092	-	-
1.2	<i>Khu vực chứa tạm nguyên liệu</i>	250	-	-
1.3	<i>Khu chứa tạm thành phẩm</i>	250	-	-
1.4	<i>Kho chứa chất thải rắn không nguy hại</i>	5	-	-
1.5	<i>Kho chứa chất thải nguy hại</i>	3	-	-
1.6	<i>Lối đi trong xưởng</i>	200	-	-
2	Nhà xưởng 2 (Nhà D)	1.800	33,33	-
2.1	<i>Khu vực máy dệt</i>	1.092		-
2.2	<i>Khu vực chứa tạm nguyên liệu</i>	250	-	-
2.3	<i>Khu chứa tạm thành phẩm</i>	250	-	-
2.4	<i>Kho chứa chất thải rắn không nguy hại</i>	5	-	-
2.5	<i>Kho chứa chất thải nguy hại</i>	3	-	-
2.6	<i>Lối đi trong xưởng</i>	200	-	-
3	Nhà xưởng 3 (Nhà F)	1.800	33,33	-
2.1	<i>Khu vực máy dệt</i>	1.092		-
2.2	<i>Khu vực chứa tạm nguyên liệu</i>	250	-	-
2.3	<i>Khu chứa tạm thành phẩm</i>	250	-	-
2.4	<i>Kho chứa chất thải rắn không nguy hại</i>	5	-	-
2.5	<i>Kho chứa chất thải nguy hại</i>	3	-	-
2.6	<i>Lối đi trong xưởng</i>	200	-	-
4	Văn phòng	20	-	Diện tích 20 m ² , dùng chung với Công ty Nicever đang thuê xưởng của Công ty TNHH Create Profit Việt Nam nên không nằm trong phạm vi diện tích thuê để sản xuất

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nâng công suất và mở rộng nhà máy sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô tăng từ 90.000.000 m sản phẩm/năm lên thành 112.000.000 m sản phẩm/năm”

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
	Tổng diện tích 2 địa điểm	32.527,8	100	-

Nguồn: Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile, 2022

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có)

❖ Địa điểm 1: Lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc

Dự án nằm hoàn toàn trong KCN Minh Hưng – Hàn Quốc đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 15/01/2007 và Quyết định số 2368/QĐ-UBND ngày 24/8/2009. KCN Minh Hưng – Hàn Quốc được Bộ TNMT phê duyệt Báo cáo ĐTM tại các Quyết định: Quyết định số 1371/QĐ-BTNMT ngày 12/09/2007, quyết định số 1964/QĐ-BTNMT ngày 16/09/2014 (Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải giai đoạn 2), Quyết định số 2435/QĐ-BTNMT ngày 22/9/2015 (Hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 3 công suất 12.000 m³/ngày), Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN Minh Hưng – Hàn Quốc được Bộ Tài nguyên và Môi trường xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 78/GXN-TCMT ngày 14/07/2015, Giấy xác nhận số 94/GXN-BTNMT ngày 09/07/2019 (đối với Trạm xử lý nước thải giai đoạn 3).

Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số 3801102841 đăng ký lần đầu ngày 16/06/2015, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 20/10/2020.

Đồng thời, tại địa điểm 1, Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile có thực hiện quy trình dệt và nhuộm và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo ĐTM theo Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 05/03/2021. KCN Minh Hưng – Hàn Quốc đã được quy hoạch và xây dựng hoàn thiện về cơ sở hạ tầng trong đó được thu hút nhóm ngành nghề sản xuất về dệt, nhuộm, may mặc, in vải, giày da,... Do đó, dự án Nhà máy 1 hoàn toàn phù hợp về mặt quy hoạch kinh tế xã hội. Đồng thời, Lô C6-C8 được quy hoạch phân khu chức năng của KCN là các dự án kéo sợi, dệt, nhuộm và may mặc, giày da. Tính chất ngành nghề đầu tư của dự án tương tự với các ngành nghề như trên.

Do đó, vị trí thực hiện dự án phù hợp với quy hoạch của tỉnh.

❖ Địa điểm 2: Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Create Profit tại KCN Chơn Thành II

Dự án hoạt động tại địa điểm 2: thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Create Profit Việt Nam tại KCN Chơn Thành II, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. KCN Chơn Thành II có tổng diện tích định hướng quy hoạch là 76 ha. Hơn nữa, dự án thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Create Profit để sản xuất. Công ty TNHH Create Profit đã tiến hành hành lập báo cáo ĐTM cho dự án “Mở rộng nhà máy sản xuất sản phẩm dệt, sản phẩm ngành may mặc, phụ liệu ngành may mặc công suất 2.200.000 sản phẩm/năm diện tích từ 2.100 m² lên 2.483,25 m², xây mới nhà văn phòng diện tích 648 m² và mở rộng nhà xưởng cho thuê diện tích 7.686 m² lên 11.286 m²” và đã được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt với Quyết định số 1428/QĐ-UBND ngày 04/07/2019. Đồng thời, tại địa điểm 2, Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile thực hiện quy trình dệt và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo ĐTM theo Quyết định số

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nâng công suất và mở rộng nhà máy sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô tăng từ 90.000.000 m sản phẩm/năm lên thành 112.000.000 m sản phẩm/năm”

545/QĐ-UBND ngày 05/03/2021. Do đó, dự án tại địa điểm 2 hoàn toàn phù hợp về mặt quy hoạch.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có)

❖ *Địa điểm 1: Lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc*

Dự án nằm hoàn toàn trong KCN Minh Hưng – Hàn Quốc đã được UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 15/01/2007 và Quyết định số 2368/QĐ-UBND ngày 24/8/2009. KCN Minh Hưng – Hàn Quốc được Bộ TNMT phê duyệt Báo cáo ĐTM tại các Quyết định: Quyết định số 1371/QĐ-BTNMT ngày 12/09/2007, quyết định số 1964/QĐ-BTNMT ngày 16/09/2014 (Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải giai đoạn 2), Quyết định số 2435/QĐ-BTNMT ngày 22/9/2015 (Hệ thống xử lý nước thải tập trung giai đoạn 3 công suất 12.000 m³/ngày), Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN Minh Hưng – Hàn Quốc được Bộ Tài nguyên và Môi trường xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 78/GXN-TCMT ngày 14/07/2015, Giấy xác nhận số 94/GXN-BTNMT ngày 09/07/2019 (đối với Trạm xử lý nước thải giai đoạn 3).

Dự án “Nâng công suất và mở rộng nhà máy sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô tăng từ 90.000.000 m sản phẩm/năm lên thành 112.000.000 m sản phẩm/năm” do Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile làm Chủ đầu tư tại địa điểm 1: Lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước; địa điểm 2: Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Create Profit Việt Nam tại KCN Chơn Thành II, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước đã được Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9883267834 Chứng nhận lần đầu ngày 16/06/2015, Chứng nhận thay đổi lần thứ bảy ngày 25/01/2021.

Trong quá trình dự án đi vào vận hành có phát sinh nước thải (nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất), chất thải rắn (chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường), chất thải nguy hại và khí thải (khí thải từ quá trình sản xuất). Với những nguồn thải trên chủ dự án đã có biện pháp giảm thiểu, xử lý và quản lý phù hợp với từng nguồn phát sinh, không để chất thải chưa xử lý hoặc xử lý chưa đạt quy chuẩn theo quy định ra môi trường. Bên cạnh đó, ngành nghề hoạt động của dự án phù hợp với ngành nghề thu hút đầu tư của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc nên khá thuận lợi cho hoạt động của nhà máy, do đó, dự án phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận.

❖ *Địa điểm 2: Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Create Profit tại KCN Chơn Thành II*

Dự án hoạt động tại địa điểm 2: thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Create Profit Việt Nam tại KCN Chơn Thành II, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. KCN Chơn Thành II có tổng diện tích định hướng quy hoạch là 76 ha.

Dự án “Nâng công suất và mở rộng nhà máy sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô tăng từ 90.000.000 m sản phẩm/năm lên thành 112.000.000 m sản phẩm/năm” do Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile làm Chủ đầu tư tại địa điểm 1: Lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước; địa điểm 2: Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Create Profit

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nâng công suất và mở rộng nhà máy sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô tăng từ 90.000.000 m sản phẩm/năm lên thành 112.000.000 m sản phẩm/năm”

Việt Nam tại KCN Chơn Thành II, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước đã được Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9883267834 Chứng nhận lần đầu ngày 16/06/2015, Chứng nhận thay đổi lần thứ bảy ngày 25/01/2021.

Trong quá trình dự án đi vào vận hành có phát sinh nước thải (nước thải sinh hoạt), chất thải rắn (chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường), chất thải nguy hại. Với những nguồn thải trên chủ dự án đã có biện pháp giảm thiểu, xử lý và quản lý phù hợp với từng nguồn phát sinh, không để chất thải chưa xử lý hoặc xử lý chưa đạt quy chuẩn theo quy định ra môi trường. Hơn nữa, dự án thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Create Profit để sản xuất. Công ty TNHH Create Profit đã tiến hành hành lập báo cáo ĐTM cho dự án “Mở rộng nhà máy sản xuất sản phẩm dệt, sản phẩm ngành may mặc, phụ liệu ngành may mặc công suất 2.200.000 sản phẩm/năm diện tích từ 2.100 m² lên 2.483,25 m², xây mới nhà văn phòng diện tích 648 m² và mở rộng nhà xưởng cho thuê diện tích 7.686 m² lên 11.286 m²” và đã được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt với Quyết định số 1428/QĐ-UBND ngày 04/07/2019. Bên cạnh đó, ngành nghề hoạt động của dự án phù hợp với ngành nghề thu hút đầu tư của KCN Chơn Thành II nên khá thuận lợi cho hoạt động của nhà máy, do đó, dự án phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận.

CHƯƠNG III

KẾT QUẢ VẬN HÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

❖ Địa điểm 1: Lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc

Mạng lưới thu gom nước mưa được bố trí xung quanh nhà xưởng sản xuất, nhà văn phòng và đường nội bộ đảm bảo thu gom triệt để toàn bộ lượng nước trên toàn diện tích. Nước được đi vào hệ thống thu gom nước mưa đi âm dưới nền đất được xây dựng xung quanh các công trình xây dựng với đường kính BTCT Ø600 mm và một số khu vực bố trí mương thoát nước mưa bằng BTCT có nắp đậy sắt hoặc ống nhựa PVC Ø114 thoát nước bãi container. Tổng chiều dài đường ống, công, mương thoát nước tại Nhà máy khoảng 1.254 m, tổng số hố ga sử dụng là 19 cái. Nước mưa từ nhà máy được đầu nối với công thoát nước mưa của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc thông qua 02 điểm đầu nối trên đường Đ6.

Số lượng đường ống, hố ga của hệ thống thu gom thoát nước mưa của Dự án tại Địa điểm 1 được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 3.1. Thống kê số lượng đường ống, hố ga của hệ thống thu gom thoát nước mưa

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Vật liệu
1	Cống li tâm Ø=600	m	48	BTCT
2	Ống Ø=200	m	176	PVC
3	Ống Ø=114	m	44	PVC
4	Mương thoát nước loại 1	m	522	BTCT
5	Mương thoát nước loại 1a (có đan BTCT đáy)	m	229	BTCT
6	Mương thoát nước loại 1b (có đan BTCT đáy)	m	21	BTCT
7	Mương thoát nước loại 2	m	152	BTCT
8	Mương thoát nước loại 2a (có đan BTCT đáy)	m	62	BTCT
9	Hố ga (0,8m x 0,8m) có nắp	hố	15	BTCT
10	Hố ga (0,8m x 0,8m) không nắp	hố	1	BTCT
11	Hố ga (1m x 1m)	hố	3	BTCT

Hệ thống thoát nước mưa của Công ty được bố trí dọc theo Nhà máy và riêng biệt với tuyến thoát nước thải.

❖ Địa điểm 2: Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Create Profit tại KCN Chơn Thành II

Công ty TNHH Create Profit Việt Nam đã đầu tư hệ thống thu gom và thoát nước mưa hoàn chỉnh để thu gom và thoát nước mưa trong khu vực toàn Nhà máy (bao gồm cả 3 nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile thuê để sản xuất). Hệ thống thoát nước mưa bao gồm hệ thống mương kín bằng bê tông cốt thép (BTCT) kích thước sâu 0,5 m, ngang 0,3 m; tại các hố ga có nắp đậy có thể tháo dỡ để kiểm tra. Kích thước hố ga dài 0,5 m, rộng 0,5 m, sâu từ 1,1 – 2,3 m tùy theo cao độ để thuận tiện cho việc thoát nước mưa. Hiện tại có 18 hố ga thu gom nước mưa hiện hữu tại Nhà máy. Hệ thống mương thoát nước mưa được bố trí dọc theo nhà xưởng, sau đó dẫn ra hệ thống thoát nước mưa của KCN Chơn Thành II. Tổng chiều dài mương thoát nước mưa tại công ty là 910 m. Đầu nối tại 2 điểm hố ga bố trí dọc hàng rào nhà máy trên đường nội bộ KCN để đầu nối với hệ thống thoát nước mưa của KCN Chơn Thành II. Trong Công ty có 36 hố ga BTCT bố trí ngầm, dọc nhà xưởng và đường nội bộ.

Số lượng đường ống, hố ga của hệ thống thu gom thoát nước mưa của Dự án tại Địa điểm 2 được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 3.2. Thông kê số lượng đường ống, hố ga của hệ thống thu gom thoát nước mưa

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Vật liệu
1	Mương kín (0,5m x 0,3m)	m	910	BTCT
2	Hố ga (0,5m x 0,5m) có nắp	hố	18	BTCT

Hệ thống thu gom và thoát nước mưa của Công ty được bố trí riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước thải.

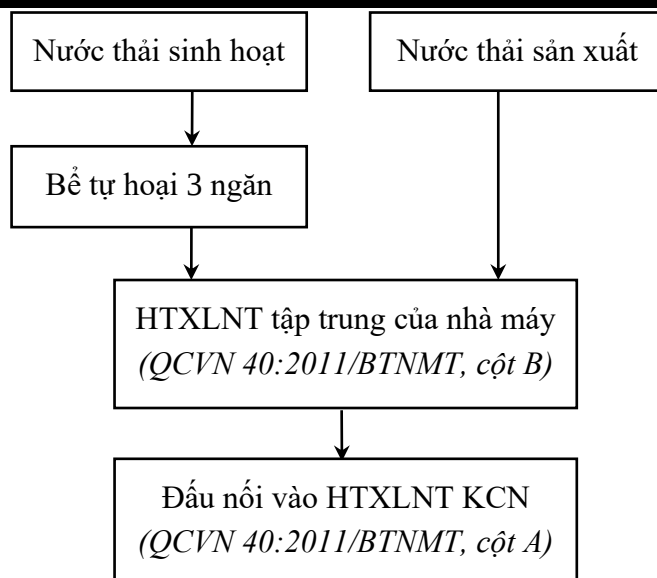
Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile sử dụng hệ thống thoát nước mưa do Công ty TNHH Create Profit Việt Nam xây dựng sẵn.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

a. Công trình thu gom nước thải

❖ Địa điểm 1: Lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc:

Sơ đồ thu gom nước thải tại Nhà máy hiện nay được trình bày như hình sau:



Hình 3.1. Sơ đồ thu gom nước thải tại Nhà máy hiện nay

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân làm trong Nhà máy sẽ được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn xử lý sơ bộ. Sau đó nguồn nước thải sinh hoạt sẽ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy với công suất 1.000 m³/ngày.đêm để xử lý chung với nước thải sản xuất.
- Nước thải sản xuất: nước thải từ quá trình nhuộm, nước thải từ quá trình xử lý khí thải, nước thải xả đáy lò hơi và nước thải từ vệ sinh nhà xưởng sẽ được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy để xử lý đạt Tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B). Công suất xử lý của hệ thống xử lý nước thải là 1.000 m³/ngày.

Tổng chiều dài đường ống thu gom nước thải tại Nhà máy là 432 m và 11 hố ga thu gom nước thải với kích thước 0,8m x 0,8m. Số lượng đường ống, hố ga của hệ thống thu gom nước thải của Dự án tại địa điểm 1 được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 3.3. Thống kê số lượng đường ống, hố ga của hệ thống thu gom nước thải tại địa điểm 1

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng
1	Ống PVC Ø=114	m	432
2	Hố ga (0,8m x 0,8m)	hố	11

❖ **Địa điểm 2: Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Create Profit tại KCN Chơn Thành II**

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt từ toàn bộ các nhà xưởng của Công ty TNHH Create Profit Việt Nam (bao gồm cả 3 nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile thuê để sản xuất) phát sinh từ nhà vệ sinh văn phòng, nhà vệ sinh công nhân được thu gom và xử lý sơ bộ bằng hệ thống bể tự hoại 3 ngăn. Nước thải sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH Create Profit Việt Nam đã xây dựng hoàn thiện với công suất 30 m³/ngày.đêm (nước thải sau xử lý đạt QCVN

40:2011/BTNMT, cột A). Công ty TNHH Create Profit Việt Nam chịu hoàn toàn trách nhiệm pháp lý liên quan đến chất lượng nước thải sau xử lý. Công ty TNHH Create Profit Việt Nam sẽ tuân thủ theo các quy định hiện hành.

- Nước thải sản xuất: không phát sinh nước thải trong quá trình sản xuất.

b. Công trình thoát nước thải

❖ Địa điểm 1: Lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc:

Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt và sản xuất của Nhà máy sẽ được dẫn đến hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy với công suất 1.000 m³/ngày.đêm để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Minh Hưng – Hàn Quốc. Nước thải của Nhà máy sau xử lý sẽ được dẫn đến hệ thống thoát nước của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc bằng đường ống nhựa PVC Ø114 với chiều dài 36,86 m và được đầu nối với cống thoát nước thải của KCN Mung Hưng – Hàn Quốc thông qua 01 điểm đầu nối trên đường Đ6.

Số lượng đường ống, hố ga của hệ thống thoát nước thải của Dự án tại địa điểm 1 được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 3.4. Thống kê số lượng đường ống, hố ga của hệ thống thoát nước thải tại địa điểm 1

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng
1	Ống PVC Ø=114	m	36,86
2	Hố ga (0,8m x 0,8m)	hố	1

❖ Địa điểm 2: Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Create Profit tại KCN Chơn Thành II

Nước thải sinh hoạt của Nhà máy sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn sẽ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH Create Profit Việt Nam với công suất 30 m³/ngày.đêm (nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A). Toàn bộ nước thải của Công ty TNHH Create Profit sau xử lý sẽ được dẫn đến hệ thống thoát nước của KCN Chơn Thành II bằng đường ống nhựa PVC Ø114 và được đầu nối với cống thoát nước thải của KCN Chơn Thành II thông qua 01 điểm đầu nối trên đường số 5.

c. Điểm xả nước thải sau xử lý:

❖ Địa điểm 1: Lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc

Nước thải sau khi xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung của Nhà máy với công suất 1.000 m³/ngày.đêm sẽ được đầu nối với cống thoát nước thải của KCN Mung Hưng – Hàn Quốc thông qua 01 điểm đầu nối trên đường Đ6, thuộc vị trí tiếp giáp phía Đông khu vực Dự án.

Hố ga đầu nối có kích thước 0,8m x0,8m.

Điểm đầu nối đã được KCN Minh Hưng – Hàn Quốc quy hoạch phù hợp về yêu cầu kỹ thuật cho toàn bộ các doanh nghiệp thứ cấp trong KCN và đã được UBND tỉnh

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nâng công suất và mở rộng nhà máy sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô tăng từ 90.000.000 m sản phẩm/năm lên thành 112.000.000 m sản phẩm/năm”

Bình Phước chấp thuận tại Quyết định phê duyệt ĐTM số 545/QĐ-UBND ngày 05/03/2021.

❖ **Địa điểm 2: Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Create Profit tại KCN Chơn Thành II**

Nước thải sau khi xử lý qua hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH Create Profit Việt Nam với công suất 30 m³/ngày.đêm sẽ được đầu nối với cống thoát nước thải của KCN Chơn Thành II thông qua 01 điểm đầu nối trên đường số 5.

Hố ga đầu nối có kích thước 0,8m x0,8m.

Điểm đầu nối đã được KCN Chơn Thành II quy hoạch phù hợp về yêu cầu kỹ thuật cho toàn bộ các doanh nghiệp thứ cấp trong KCN và đã được UBND tỉnh Bình Phước chấp thuận tại Quyết định phê duyệt ĐTM số 1428/QĐ-UBND ngày 04/07/2019.

d. Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải: (Thể hiện trong bản vẽ mặt bằng tổng thể thoát nước mưa, thoát nước thải được đính kèm trong Phụ lục báo cáo)

1.3. Xử lý nước thải

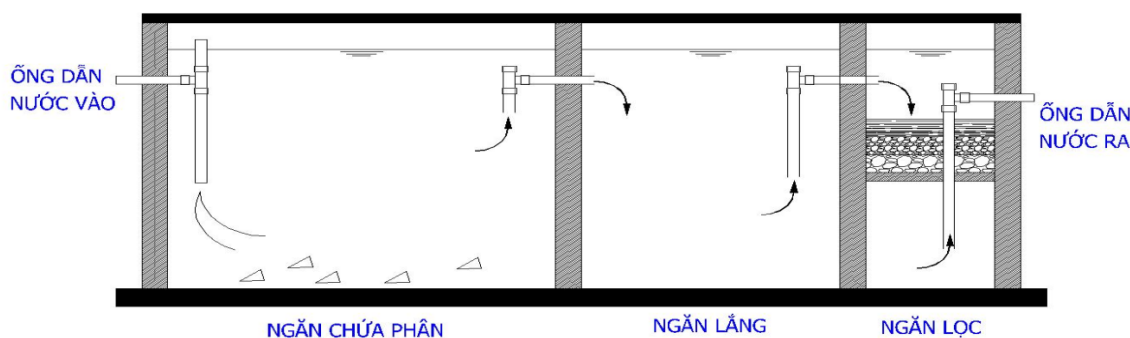
1.3.1. Nước thải sinh hoạt

a. Địa điểm 1: Lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc

Để giảm thiểu ô nhiễm do nước thải sinh hoạt tại địa điểm 1 nằm trong KCN Minh Hưng – Hàn Quốc, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

- Thu gom toàn bộ lượng nước thải phát sinh không để phát tán ra ngoài.
- Nước thải sinh hoạt sẽ được thu gom và xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn, sau đó được dẫn đến HTXL nước thải tập trung của Nhà máy với công suất 1.000 m³/ngày.đêm để tiếp tục xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc là Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, trước khi đầu nối vào hệ thống cống thoát nước thải chung của KCN dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc tiếp tục xử lý đạt Quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột A và thải ra nguồn tiếp nhận (suối Tiên).

Cấu tạo và nguyên lý hoạt động của bể tự hoại 3 ngăn được trình bày trong hình sau:



Hình 3.2. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

❖ **Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại:**

Nước thải sinh hoạt của của cán bộ, công nhân sẽ được thu gom về bể tự hoại để xử lý. Nước thải vào bể tự hoại đầu tiên sẽ qua ngăn lắng và phân hủy cặn. Tại ngăn này, các cặn rắn được giữ lại và phân hủy một phần với hiệu suất khoảng 20% dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí. Sau đó, nước qua ngăn chứa nước. Tại đây, các thành phần hữu cơ có trong nước thải tiếp tục bị phân hủy dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí. Sau ngăn lắng cặn, nước được đưa qua ngăn lọc với vật liệu lọc bao gồm sỏi, than, cát được bố trí từ dưới lên trên nhằm tách các chất rắn lơ lửng có trong nước thải. Bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy. Sau bể tự hoại, hàm lượng chất hữu cơ (BOD, COD) và dinh dưỡng (nitơ, phospho) giảm khoảng 60%; dầu mỡ động thực vật giảm khoảng 80%; chất rắn lơ lửng giảm khoảng 90%.

Thông số kỹ thuật bể tự hoại 3 ngăn:

Bảng 3.5. Thông số kỹ thuật của bể tự hoại hiện hữu tại địa điểm 1

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật bể tự hoại 3 ngăn		
		Kích thước (m)	Thể tích (m ³)	Vật liệu
1	Bể tự hoại loại 1 (5 bể)	Dài x Rộng x Cao = 4 x 2,7 x 1,7	18	Gạch
2	Bể tự hoại loại 2 (1 bể)	Dài x Rộng x Cao = 2,5 x 1,7 x 1,7	7,2	Gạch
Tổng thể tích bể 6 tự hoại			97,2	

Nguồn: Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile, 2022

Kiểm chứng kích thước bể tự hoại:

- Thể tích ngăn chứa

$$W_1 = a \times N \times T \times (1 - P) / 1000 \text{ (m}^3\text{)}$$

Trong đó:

a : Hệ số phát thải bùn: 400 g/người/ngày, tương đương 0,4 lít/người/ngày.

N : Số người sử dụng: 280 người.

T: Thời gian lưu bùn: T = 180 – 720 ngày, chọn T = 180 ngày

P: hệ số phân hủy bùn: P = 0,2

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nâng công suất và mở rộng nhà máy sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô tăng từ 90.000.000 m sản phẩm/năm lên thành 112.000.000 m sản phẩm/năm”

Vậy thể tích ngăn chứa $W_1 = 16,13 \text{ m}^3$. Chọn $W_1 = 16,5 \text{ m}^3$

- Thể tích ngăn lắng:

$$W_2 = Q \times t_2$$

Q: Lưu lượng nước thải qua bể tự hoại. Với định mức 12 lít/người.ca, lượng nước thải qua bể tự hoại là $3,36 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

t_2 : Thời gian lưu nước. Chọn $t_2 = 2 \text{ ngày}$

Vậy thể tích ngăn lắng $W_2 = 6,72 \text{ m}^3$. Chọn $W_2 = 7 \text{ m}^3$

- Thể tích ngăn lọc:

$$W_3 = Q \times t_3$$

Trong đó:

Q: Lưu lượng nước thải qua bể tự hoại. Với định mức 12 lít/người.ca, lượng nước thải qua bể tự hoại là $3,36 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

t_3 : thời gian lưu nước, Chọn $t_3 = 2 \text{ ngày}$

Vậy thể tích ngăn lọc $W_3 = 6,72 \text{ m}^3$, Chọn $W_3 = 7 \text{ m}^3$

Tổng thể tích bể tự hoại cần thiết: $W = W_1 + W_2 + W_3 = 16,5 + 7 + 7 = 30,5 \text{ m}^3$.

Hiện tại, Nhà xưởng đã có 06 bể tự hoại, tổng thể tích các bể tự hoại $97,2 \text{ m}^3 > 30,5 \text{ m}^3$, đủ khả năng tiếp nhận xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh. Vì vậy, Nhà máy tiếp tục sử dụng các bể tự hoại hiện hữu để xử lý nước thải sinh hoạt, mà không cần đầu tư xây dựng thêm bể tự hoại mới.

- Đơn vị thiết kế, thi công, giám sát thi công và thầu xây dựng: Công ty TNHH Xây dựng – Thương mại Vượng Đạt.
- Sơ đồ minh họa: (Đính kèm trong phụ lục)

b. Địa điểm 2: Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Create Profit tại KCN Chơn Thành II

Dự án đầu tư mở rộng tại địa điểm 2 trong KCN Chơn Thành II, tại đây số lượng công nhân là 140 người. Dự án thuê 3 nhà xưởng, mỗi nhà xưởng thuê sẵn đều có 01 nhà vệ sinh diện tích 10 m^2 nằm trong khu vực xưởng. Tại mỗi nhà vệ sinh bố trí 01 bể tự hoại 03 ngăn BTCT kích thước $D \times R \times H = 4 \times 2 \times 2 = 16 \text{ m}^3$.

Kiểm chứng kích thước bể tự hoại:

- Thể tích ngăn chứa

$$W_1 = a \times N \times T \times (1 - P) / 1000 (\text{m}^3)$$

Trong đó:

a : Hệ số phát thải bùn: 400 g/người/ngày , tương đương $0,4 \text{ lít/người/ngày}$

N : Số người sử dụng: 140 người.

T: Thời gian lưu bùn: $T = 180 - 720 \text{ ngày}$, chọn $T = 180 \text{ ngày}$

P: hệ số phân hủy bùn: $P = 0,2$

Vậy thể tích ngăn chứa bùn $W_1 = 8,06 \text{ m}^3$. Chọn $W_1 = 8 \text{ m}^3$

- Thể tích ngăn lắng:

$$W_2 = Q \times t$$

Q: Lưu lượng nước thải qua bể tự hoại. Với định mức 12 lít/người.ca, lượng nước thải qua bể tự hoại là $1,68 \text{ m}^3/\text{ngày}$

t_2 : Thời gian lưu nước. Chọn $t = 2 \text{ ngày}$

Vậy thể tích ngăn lắng $W_2 = 3,36 \text{ m}^3$. Chọn $W_2 = 3,5 \text{ m}^3$

- Thể tích ngăn lọc:

$$W_3 = Q \times t_3$$

Trong đó:

Q: Lưu lượng nước thải qua bể tự hoại. Với định mức 12 lít/người.ca, lượng nước thải qua bể tự hoại là $1,68 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

t_3 : thời gian lưu nước, Chọn $t_3 = 2 \text{ ngày}$

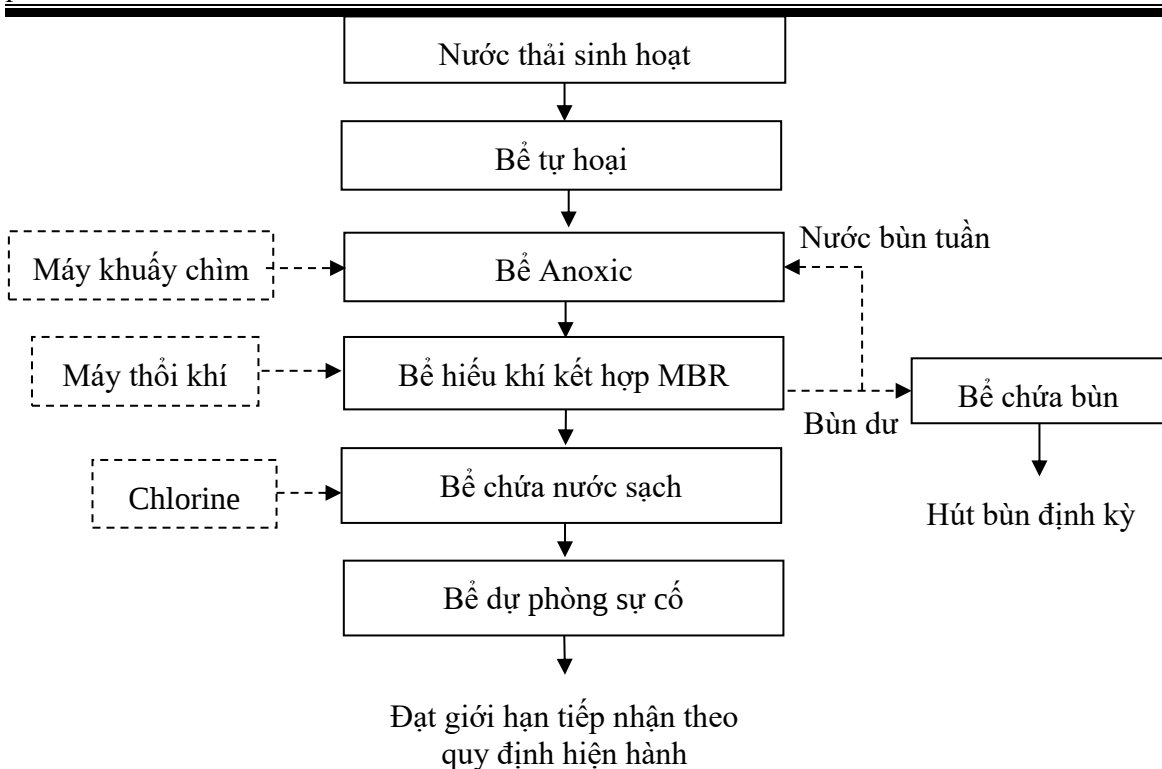
Vậy thể tích ngăn lọc $W_3 = 3,36 \text{ m}^3$, Chọn $W_3 = 3,5 \text{ m}^3$

Tổng thể tích bể tự hoại cần thiết: $W = W_1 + W_2 + W_3 = 8 + 3,5 + 3,5 = 15 \text{ m}^3$.

Hiện tại, 3 Nhà xưởng đã có 03 bể tự hoại, tổng thể tích các bể tự hoại $48 \text{ m}^3 > 15 \text{ m}^3$, đủ khả năng tiếp nhận xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh. Vì vậy, Nhà máy tiếp tục sử dụng các bể tự hoại hiện hữu để xử lý nước thải sinh hoạt, mà không cần đầu tư xây dựng thêm bể tự hoại mới.

Nước thải sinh hoạt từ toàn bộ các nhà xưởng của Công ty TNHH Create Profit Việt Nam (bao gồm cả 3 nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile thuê để sản xuất) phát sinh từ nhà vệ sinh văn phòng, nhà vệ sinh công nhân được thu gom và xử lý sơ bộ bằng hệ thống bể tự hoại 3 ngăn. Nước thải sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy công suất $30 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ của Công ty TNHH Create Profit Việt Nam để xử lý theo ĐTM được duyệt và các quy định hiện hành. Công ty TNHH Create Profit Việt Nam sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng nước thải sau xử lý.

Quy trình công nghệ xử lý nước thải công suất $30 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ của Công ty TNHH Create Profit Việt Nam đã xây dựng và đang được vận hành như sau:



Hình 3.3. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải của Công ty TNHH Create Profit Việt Nam

Thuyết minh quy trình:

Bể Anoxic:

Bể Anoxic được thiết kế nhằm tối ưu hóa quá trình loại bỏ các hợp chất hữu cơ, nitơ tổng và phospho tổng có trong nước thải. Nitơ tổng được loại bỏ bằng quá trình khử nitrat thành nitơ phân tử nhờ các vi khuẩn khử nitrat (nitrosonas và nitrobacter) trong điều kiện thiếu khí (không có hoặc rất ít oxy). Tương tự, phospho tổng cũng được loại bỏ bằng quá trình phosphorit hóa nhờ chủng vi khuẩn Acinetobacter trong điều kiện thiếu khí. Máy khuấy trộn được lắp đặt ở bể này nhằm khuấy trộn dòng nước tạo ra môi trường thiếu oxy cho hệ vi sinh vật thiếu khí phát triển. Bùn từ bể hiếu khí và nước thải tách từ bể chứa bùn sẽ được tuần hoàn về bể này để tăng khả năng xử lý và giúp cho bể hoạt động ổn định, không xảy ra sốc tải khi nồng độ chất bẩn và lưu lượng tăng cao đột ngột. Nước thải từ bể Anoxic sẽ được bơm chìm bơm vào bể sinh học kết hợp MBR nhờ vào hệ thống phao ở hai bể bể Anoxic và bể sinh học kết hợp MBR.

Bể hiếu khí kết hợp MBR:

Ở bể này gồm hai bể nhỏ tách riêng biệt. Bể thứ nhất là bể hiếu khí, bể thứ hai là bể lọc màng MBR.

Bể hiếu khí

Là một khối hình chữ nhật và được bố trí máy thổi khí và bên trong bể những đĩa phân phối khí đi khắp bể, những hệ thống chính gồm có đĩa thổi khí và ống phân phối khí. Hệ thống này nhằm tăng cường hệ thống điều hòa khí tại bể và tăng cường được nhiều lượng oxy hòa tan trong bể, cung cấp nguồn oxy cần thiết để nuôi sống được những vi sinh hữu ích trong bể.

Bể hiếu khí có thể loại bỏ những loại chất hữu cơ do nhà máy thải ra một cách hiệu quả góp phần lớn làm giảm thiểu mùi hôi thối bốc lên từ những chất thải đó, và điều đương nhiên là giúp ích rất nhiều giảm thiểu sự ô nhiễm của nước thải từ những nhà máy. Quá trình khi thực hiện xử lý nước thải bằng bể hiếu khí sẽ giúp loại bỏ các chất như: photpho và loại bỏ rất nhiều những mầm bệnh từ nước thải.

Không những thế, ưu điểm của bể hiếu khí còn có thể ổn định được lượng bùn mà còn có thể loại bỏ những chất rắn lơ lửng tới 97,56%. Lượng bùn sinh ra sau bể hiếu khí sẽ được tuần hoàn lên bể Anoxic để khử Nito có trong nước thải.

Bể MBR:

Bể được lắp đặt thêm màng lọc và bơm lọc để phù hợp với yêu cầu về công suất và chất lượng nước thải sau xử lý trước thải ra môi trường. Nước thải ra khỏi bể hiếu khí sẽ mang theo bùn sinh học (hầu hết bùn hoạt tính và xác vi sinh vật), vì vậy bể lọc được bố trí tại công đoạn này nhằm loại bỏ chúng ra khỏi nước thải.

Cơ chế hoạt động của bể lọc màng MBR này là các vi sinh vật, chất ô nhiễm, bùn hoàn toàn bị giữ lại tại bề mặt màng. Đồng thời chỉ có nước sạch mới qua được màng. Phần nước trong được bơm hút ra bể chứa nước sạch TK03, phần bùn nằm lại trong bể và định kỳ tháo về bể chứa bùn. Vì kích thước lỗ màng MBR rất nhỏ ($0.01 \sim 0.2 \mu\text{m}$), nên bùn sinh học sẽ được giữ lại trong bể, mật độ vi sinh cao và hiệu suất xử lý tăng. Nước sạch sẽ bơm hút thoát ra ngoài mà không cần qua bể lắng, lọc và khử trùng.

Bể chứa bùn:

Phần bùn dư từ bể lắng định kỳ sẽ được vận chuyển về bể chứa bùn nhờ vào bơm tại bể lọc màng, phần nước tách bùn sẽ được dẫn về bể điều hòa để xử lý lại từ đầu, phần bùn nén ở đáy bể định kỳ sẽ được xe bồn vận chuyển đi xử lý. Thời gian lưu bùn là 3 ngày.

Bể chứa nước sạch:

Nước thải sau khi được xử lý sẽ được chứa tại bể nước sạch. Chlorin sẽ được châm thẳng vào đường ống trước khi nước được dẫn vào bể.

Bể sự cố

Khi xảy ra sự cố từ các bể trước, nước thải sẽ được lưu trữ trong bể sự cố. Bể sự cố đảm bảo lưu chứa nước thải được 2-3 ngày.

Công ty TNHH Create Profit Việt Nam sẽ chịu trách nhiệm pháp lý về chất lượng nước xả thải theo quy định. Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile sẽ thỏa thuận với Công ty TNHH Create Profit Việt Nam về vấn đề chi phí xử lý nước thải.

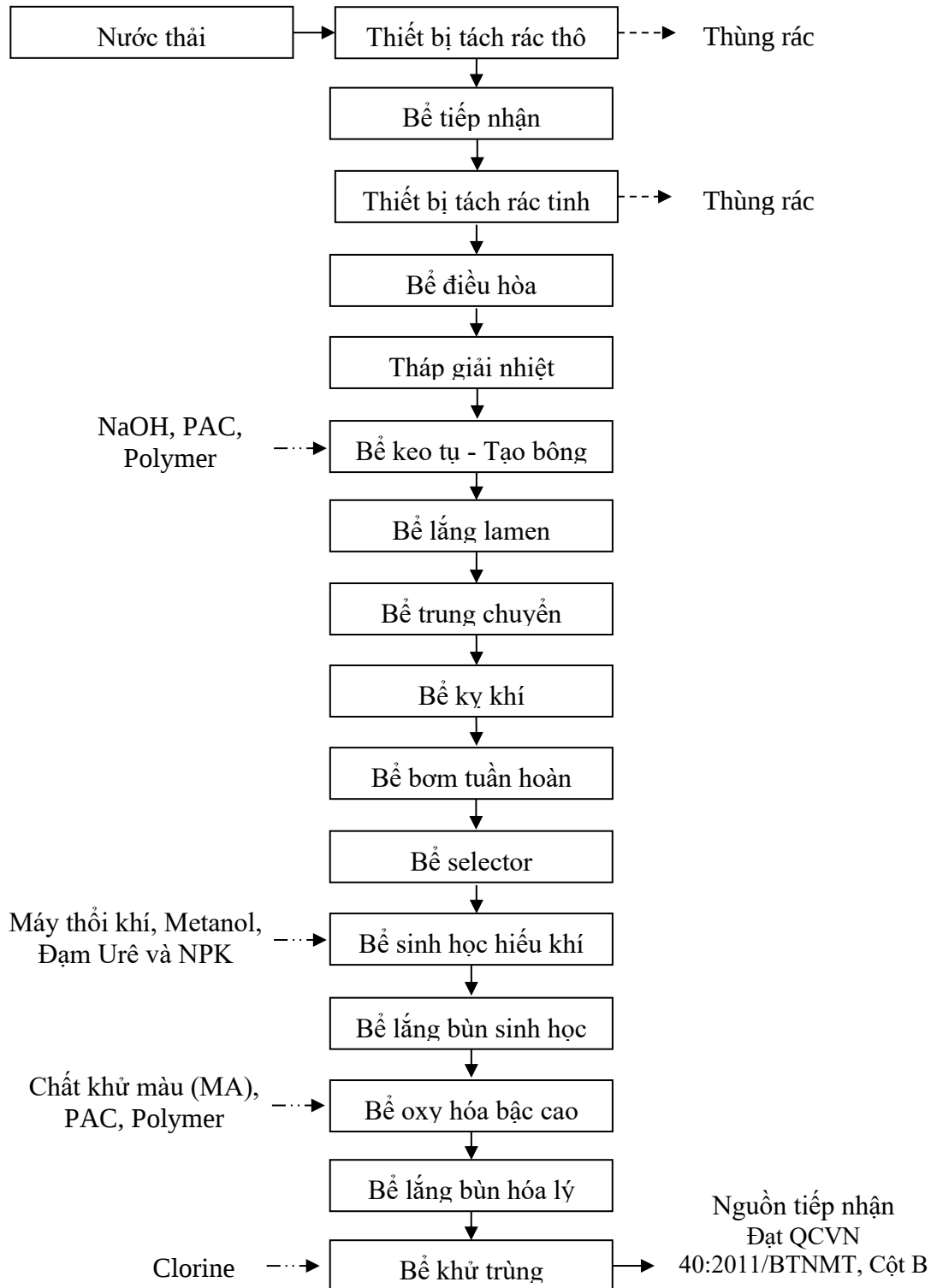
1.3.2. Nước thải sản xuất

a. Địa điểm 1: Lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc

Nước thải sản xuất phát sinh chủ yếu từ quá trình nhuộm, nước thải từ quá trình xử lý khí thải, nước thải xả đáy lò hơi và nước thải từ vệ sinh nhà xưởng. Nhà máy đi vào hoạt động với công suất nhuộm là 90.000.000 m sản phẩm/năm thì nước thải sẽ với tổng lưu lượng phát sinh là 752,45 m³/ngày (hệ số an toàn $k = 1,42$). HTXL nước thải

hiện hữu với công suất là 1.000 m³/ngày, đảm bảo khả năng tiếp nhận và xử lý nước thải của Nhà máy.

Nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn sẽ được dẫn đến hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.000 m³/ngày của Công ty. Quy trình xử lý nước thải hiện hữu được trình bày trong hình sau:



Hình 3.4. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải hiện hữu 1.000 m³/ngày.đêm của Nhà máy

Thuyết minh quy trình:

Bể tiếp nhận: được thiết kế để thu gom ban đầu toàn bộ nước thải phát sinh từ nhà máy. Thiết bị tách rác thô đặt tại bể có nhiệm vụ loại bỏ các chất như bao bì, vải, ni lông... nhằm tránh gây hư hại bơm hoặc tắc nghẽn các công trình phía sau. Sau khi tách rác, nước thải được bơm qua bể điều hòa.

Trước khi đến bể điều hòa, nước thải qua thiết bị tách rác tinh.

Bể điều hòa có nhiệm vụ điều hòa về lưu lượng, nồng độ chất hữu cơ và nhiệt độ trong nước thải nhằm tránh gây hiện tượng quá tải vào các giờ cao điểm cũng như thời gian mà lượng nước gia tăng đột ngột, giúp cho hệ thống làm việc ổn định, cải thiện hiệu quả và giảm kích thước, giá thành cho những công trình đơn vị phía sau. Nhờ hệ thống sục khí trong bể điều hòa làm nước thải được xáo trộn đều và tránh sự lắng cặn trong bể, tránh hiện tượng phân hủy kỵ khí tạo mùi hôi.

Nước thải từ bể điều hòa sẽ được bơm vào tháp giải nhiệt để làm giảm nhiệt độ nước thải trước khi qua công trình xử lý tiếp theo. Tháp giải nhiệt là thiết bị thuộc hệ thống kín, giải nhiệt gián tiếp bằng gió khi nước thải di chuyển vào đường ống.

Tại bể keo tụ nước thải được châm axit nhằm điều chỉnh pH trước khi châm hóa chất keo tụ PAC. Motor khuấy trộn có tốc độ 50÷60 vòng/phút nhằm tác động tốt giữa hóa chất và nước. Polymer được châm vào bể tạo bông làm chất trợ keo tụ. Motor khuấy trộn có tốc độ 15÷20 vòng/phút nhằm tránh sự phá vỡ của bông cặn. Nước thải tiếp tục chảy qua bể lắng lamén nhằm tách các bông bùn hóa lý từ quá trình keo tụ - tạo bông, giúp giảm lượng SS trước khi xử lý sinh học.

Tại bể trung chuyển, nước được châm dinh dưỡng trước khi qua bể kỵ khí

Bể kỵ khí thực hiện phân hủy các chất hữu cơ trong điều kiện kỵ khí thành các dạng khí sinh học và các sản phẩm hữu cơ khác. Quá trình phân hủy kỵ khí xảy ra theo 4 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Thủy phân và cắt mạch các hợp chất cao phân tử;
- Giai đoạn 2: Acid hoá;
- Giai đoạn 3: Acetate hoá;
- Giai đoạn 4: Methane hoá.

Các chất hữu cơ chứa nhiều chất hữu cơ cao phân tử như proteins, chất béo, carbohydrates, celluloses, lignin,... trong giai đoạn thủy phân, sẽ được cắt mạch tạo thành những phân tử đơn giản hơn, dễ phân hủy hơn. Các phản ứng thủy phân sẽ chuyển hoá proteins thành amino acids, carbohydrates thành đường đơn và chất béo thành các acid béo. Trong giai đoạn acid hoá, các chất hữu cơ đơn giản lại được tiếp tục chuyển hoá thành acetic acid, H_2 và CO_2 . Các acid béo dễ bay hơi chủ yếu là acetic acid, propionic acid và lactic acid. Bên cạnh đó, CO_2 và H_2 , methanol, các rượu đơn giản khác cũng được hình thành trong quá trình cắt mạch và carbohydrat. Vì sinh vật chuyển hoá methane chỉ có thể phân hủy một số loại chất hữu cơ nhất định như CO_2 và H_2 , formate, acetate, methanol, methylamines và CO.

Nước thải sau bể kỵ khí một phần chảy qua bể bơm tuần hoàn để tuần hoàn một phần bùn về bể kỵ khí; còn lại tiếp tục chảy qua bể Selector trước khi vào bể sinh học hiếu khí.

Bể sinh học hiếu khí: Trong bể sinh học hiếu khí có hệ thống sục khí trên khắp diện tích bể nhằm khuấy trộn đều nước thải với bùn hoạt tính, đồng thời cung cấp oxy hoà tan cho vi sinh vật. Vi sinh vật hiếu khí sẽ tiêu thụ các chất hữu cơ dạng keo và hòa tan có trong nước thải để sinh trưởng và phát triển. Vi sinh vật có mật độ cao và phát triển thành quần thể dạng bông bùn, tạo sinh khối được gọi là bùn hoạt tính. Hàm lượng bùn hoạt tính trong bể nên duy trì ở nồng độ khoảng 2.500 – 4.000 mg/l; do đó, một phần bùn lắng tại bể lắng sẽ được bơm tuần hoàn trở lại nhằm đảm bảo nồng độ bùn hoạt tính cần duy trì trong bể.

Bể lắng bùn sinh học: Nước thải sau khi ra khỏi bể Aerotank sẽ chảy tràn qua bể lắng. Tại đây, xảy ra quá trình lắng tách pha và giữ lại phần bùn (vi sinh vật). Phần bùn lắng này chủ yếu là vi sinh vật trôi ra từ bể Aerotank. Một phần bùn sau lắng (tại ngăn thu bùn) được bơm tuần hoàn về bể hiếu khí để duy trì nồng độ bùn trong bể. Phần bùn dư còn lại được bơm vào bể nén bùn để giảm độ ẩm vì bùn vừa bơm từ bể lắng thường chứa độ ẩm khá lớn. Bùn sau khi về bể nén bùn sẽ được bơm vào máy ép bùn.

Bể oxy hóa bậc cao: Mục đích làm giảm độ đục, khử màu và cặn lơ lửng. Nước thải sau khi được châm hóa chất oxy hóa, PAC và trung hòa pH sẽ chảy qua bể tạo bông. Tại bể tạo bông, hóa chất trợ keo tụ Polymer kích thích quá trình hình thành các bông cặn lớn hơn được châm vào hòa trộn với nước thải để đảm bảo sự vận hành hiệu quả của bể lắng phía sau.

Quá trình keo tụ sẽ làm phát sinh và gia tăng liên tục lượng bùn. Do đó, bể lắng bùn hóa lý được thiết kế để tách bùn phía sau. Bể lắng bùn hoá lý có tác dụng tách bông bùn hóa lý ra khỏi nước thải. Bông bùn lắng xuống đáy bể, được bơm về bể chứa bùn. Phần nước trong sẽ được thu bằng máng tràn, tiếp tục chảy sang bể khử trùng.

Bể khử trùng: Quá trình khử trùng nước xảy ra qua 2 giai đoạn: đầu tiên chất khử trùng (Chlorine) khuếch tán xuyên qua vỏ tế bào vi sinh vật sau đó phản ứng với men bên trong tế bào và phá hoại quá trình trao đổi chất dẫn đến vi sinh vật bị tiêu diệt.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc.

Bùn tại bể nén bùn, bùn được cô đặc bùn trước khi đưa qua máy ép bùn. Bùn sau ép được thu gom xử lý theo quy định. Nước từ ép bùn được dẫn về bể điều hòa để xử lý.

Các hạng mục bể và thiết bị chính của hệ thống xử lý nước thải được trình bày như sau.

Bảng 3.6. Các hạng mục bể của hệ thống xử lý nước thải

STT	Tên hạng mục	Kích thước (Dài x Rộng x Cao)	Thể tích lọt lòng (m ³)	Vật liệu	Tình trạng
1	Bể tiếp nhận – T01	8m x 4,9m x 5,3m	207,8	BTCT chống thấm	Đã xây dựng, tiếp tục sử dụng

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nâng công suất và mở rộng nhà máy sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô tăng từ 90.000.000 m sản phẩm/năm lên thành 112.000.000 m sản phẩm/năm”

STT	Tên hạng mục	Kích thước (Dài x Rộng x Cao)	Thể tích lọt lòng (m ³)	Vật liệu	Tình trạng
2	Bể điều hòa – T02	18,2m x 8m x 6,1m	888,2	BTCT chống thấm	Đã xây dựng, tiếp tục sử dụng
3	Bể keo tụ - B01	3,14 x (1,15m) ² x 4m	16,6	Thép CT3, sơn chống gỉ	Đã lắp đặt, tiếp tục sử dụng
4	Bể tạo bông – B01	3,14 x (1,15m) ² x 4m	16,6	Thép CT3, sơn chống gỉ	Đã lắp đặt, tiếp tục sử dụng
5	Bể lắng lamen – B02	5,3m x 4,4m x 4m	93,3	Thép CT3, sơn chống gỉ	Đã lắp đặt, tiếp tục sử dụng
6	Bể trung chuyển – T03A	2,3m x 2,3m x 2,5m	13,2	BTCT chống thấm	Đã xây dựng, tiếp tục sử dụng
7	Bể kỵ khí – T03	23,4m x 6,4m x 8,1m	1.213,1	BTCT chống thấm	Đã xây dựng, tiếp tục sử dụng
8	Bể bơm tuần hoàn – T04	2,9m x 2,85m x 6,1m	50,4	BTCT chống thấm	Đã xây dựng, tiếp tục sử dụng
9	Bể selector – T05	2,9m x 2,85m x 6,1m	50,4	BTCT chống thấm	Đã xây dựng, tiếp tục sử dụng
10	Bể sinh học hiếu khí 01 – T06A	17,1m x 9,2m x 6,1m	959,7	BTCT chống thấm	Đã xây dựng, tiếp tục sử dụng
11	Bể sinh học hiếu khí 02 – T06B	(23,1m x 11,2m x 6,1m) + (6,3m x 3,3m x 6,1m)	1.580,3	BTCT chống thấm	Đã xây dựng, tiếp tục sử dụng
12	Bể lắng bùn sinh học – T07	13,1m x 13,1m x 6,1m	1.046,8	BTCT chống thấm	Đã xây dựng, tiếp tục sử dụng
13	Bể oxy hóa bậc cao – T08	(3,1m x 3,0m x 6,1m) x (4 bể) + (3,2m x 3,0m x 6,1m)	285,5	BTCT chống thấm	Đã xây dựng, tiếp tục sử dụng
14	Bể lắng bùn hóa lý – T09	10m x 10m x 6,1m	610	BTCT chống thấm	Đã xây dựng, tiếp tục sử dụng
15	Bể khử trùng – T10	8,3m x 2,8m x 6,1m	141,8	BTCT chống thấm	Đã xây dựng, tiếp tục sử dụng
16	Bể nén bùn – T11	6m x 6m x 6,1m	219,6	BTCT chống thấm	Đã xây dựng, tiếp tục sử dụng
17	Bồn bơm bùn – T12	2,8m x 1,5m x 6,1m	25,6	BTCT chống thấm	Đã xây dựng, tiếp tục sử dụng

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nâng công suất và mở rộng nhà máy sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô tăng từ 90.000.000 m sản phẩm/năm lên thành 112.000.000 m sản phẩm/năm”

Nguồn: Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile, 2022

- Đơn vị thi thiết kế, thi công và lắp đặt: Trung tâm Công nghệ Môi trường CEFINEA.
- Sơ đồ minh họa: (Đính kèm trong phụ lục).
- Hóa chất sử dụng trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải:

Bảng 3.7. Nhu cầu hóa chất trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải 1.000 m³/ngày.đêm

STT	Nội dung	Khối lượng (tấn/năm)	Xuất xứ
1	PAC	29,86	Trung Quốc
2	Polymer A	0,03	Trung Quốc
3	Polymer C	0,25	Trung Quốc
4	Metanol	12,59	Trung Quốc
5	Đạm urê	0,43	Trung Quốc
6	MA (chất khử màu)	1,84	Trung Quốc
7	NaOH	9,95	Trung Quốc

Nguồn: Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile, 2022

- Định mức tiêu hao điện năng: cho hệ thống xử lý nước thải công suất 1.000 m³/ngày của Nhà máy là 969,6 kWh/ngày.
- Yêu cầu về quy chuẩn áp dụng đối với nước thải sau xử lý:

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi thải ra nguồn tiếp nhận (Suối Tiên).

b. Địa điểm 2: Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Create Profit tại KCN Chơn Thành II

Dự án không phát sinh nước thải sản xuất.

2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Khí thải từ máy phát điện dự phòng

a. Địa điểm 1: Lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc

Tại địa điểm 1 trong KCN Minh Hưng – Hàn Quốc, Nhà máy đã bố trí 2 máy phát điện dự phòng dùng nhiên liệu dầu DO công suất 300 KVA/máy. Để giảm thiểu ô nhiễm do bụi và khí thải từ máy phát điện dự phòng, Công ty đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Máy phát điện dự phòng được đặt trong phòng cách âm;
- Nền móng đặt các máy phát điện được xây dựng bằng bê tông có chất lượng cao;
- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của các máy phát điện để giảm độ rung;

- Lắp đặt bộ phận giảm thanh cho các máy phát điện;
- Kiểm tra độ cân bằng của máy phát điện và hiệu chỉnh nếu cần thiết;
- Bảo dưỡng các máy phát điện định kỳ;
- Sử dụng nguyên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp ($S = 0,05\%$);
- Phát tán khí thải bằng ống khói cao qua mái nhà bảo vệ, cao 10m đường kính 0,15m để không ảnh hưởng đến môi trường không khí mặt đất.

b. Địa điểm 2: Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Create Profit tại KCN Chơn Thành II

Địa điểm 2 Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Create Profit tại KCN Chơn Thành II không sử dụng máy phát điện dự phòng.

2.2. Bụi từ quá trình sản xuất

2.2.1. Bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển, bốc dỡ nguyên liệu

a. Địa điểm 1: Lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc

Tại địa điểm 1, đối với bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển, bốc dỡ nguyên liệu, Công ty đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu tác động bao gồm:

- Nguyên liệu nhập về, sản phẩm xuất xưởng của nhà máy đã được đóng gói theo đúng quy cách, cẩn thận;
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân như găng tay, khẩu trang,...
- Bố trí hệ thống làm mát và thông gió nhà xưởng để giảm thiểu bụi bên trong khu vực sản xuất;
- Hệ thống giao thông, sân đường nội bộ, kho chứa đã được bê tông hóa;
- Duy trì diện tích cây xanh khu vực bao quanh phân xưởng sản xuất để cải thiện điều kiện vi khí hậu và chất lượng môi trường không khí;
- Củi viên nén được chuyển vào dự án dạng đóng bao jumbo 1 tấn để dễ sử dụng, bảo quản và hạn chế bụi;
- Thường xuyên quét dọn khu vực kho chứa và đường cho xe nâng ra vào Dự án.

b. Địa điểm 2: Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Create Profit tại KCN Chơn Thành II

Dự án tại Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Create Profit tại KCN Chơn Thành II để hoạt động dệt (không nhuộm). Công ty sẽ áp dụng các biện pháp sau đây để giảm thiểu ô nhiễm bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển, bốc dỡ nguyên liệu:

- Nguyên liệu nhập về, sản phẩm xuất xưởng của nhà máy đã được đóng gói theo đúng quy cách, cẩn thận;

- Yêu cầu Công ty TNHH Create Profit Việt Nam hoàn thiện đường giao thông nội bộ và duy trì cây xanh theo yêu cầu;
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân như găng tay, khẩu trang,...

2.2.2. Bụi phát sinh từ công đoạn dệt

a. Địa điểm 1: Lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc

Tại địa điểm 1, đối với bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển, bốc dỡ nguyên liệu, Công ty đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu tác động bao gồm:

- Nhà xưởng được xây dựng thoáng mát với nhiều cửa sổ và cửa ra, tạo điều kiện thông gió tự nhiên, áp dụng biện pháp thông gió nhà xưởng bằng quạt hút và quạt đẩy;
- Trang bị quạt hút trên các mái nhà xưởng nhằm trao đổi gió liên tục;
- Sau mỗi ca sản xuất, Công ty đều cho công nhân phải tiến hành quét dọn và vệ sinh khu vực làm việc của mình trước khi giao ca;
- Công nhân được trang bị đầy đủ trang bị bảo hộ lao động.

b. Địa điểm 2: Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Create Profit tại KCN Chơn Thành II

Tại địa điểm 2, Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Create Profit tại KCN Chơn Thành II chỉ hoạt động dệt (không nhuộm). Công ty đã áp dụng các biện pháp sau đây để giảm thiểu ô nhiễm bụi phát sinh từ quá trình dệt:

- Bố trí hệ thống điều hòa làm lạnh để làm mát bên trong nhà xưởng, xung quanh nhà xưởng lắp kính để giảm thiểu bụi ra môi trường;
- Sau mỗi ca sản xuất, Công ty đều cho công nhân tiến hành quét dọn bằng máy hút bụi cầm tay và vệ sinh khu vực làm việc của mình trước khi giao ca;
- Công nhân được trang bị đầy đủ trang bị bảo hộ lao động.

2.3. Hơi hóa chất trong quá trình sản xuất

a. Địa điểm 1: Lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc

Tại địa điểm 1, Dự án có tiến hành nhuộm sau khi dệt. Hơi hóa chất phát sinh tại các công đoạn bao gồm: hơi hóa chất từ quá trình lưu trữ, cân đo và pha hóa chất và hơi hóa chất từ quá trình nhuộm sấy theo tính toán đều thấp. Để giảm thiểu tác động do hơi hóa chất do hoạt động sản xuất, Công ty đã áp dụng các biện pháp sau:

Hơi hóa chất từ quá trình nhuộm:

Hơi hóa chất từ quá trình nhuộm sợi:

Để giảm thiểu tác động do hơi hóa chất trong quá trình nhuộm, Công ty đã áp dụng các biện pháp sau:

- Nhà xưởng được xây dựng thoáng mát với nhiều cửa sổ và cửa ra, tạo điều kiện thông gió tự nhiên, áp dụng biện pháp thông gió nhà xưởng bằng quạt hút và quạt đẩy.

- Các công đoạn nhuộm được thực hiện hoàn toàn trong các thiết bị kín.
- Hơi quá áp khi xả được dẫn vào một ống dẫn riêng và xả ra hồ ga thoát nước.
- Thường xuyên bảo trì máy nhuộm để đạt hiệu suất tốt nhất, hạn chế phát tán hơi hóa chất và hơi dung môi ra môi trường;
- Sau mỗi ca sản xuất, Công ty đều cho công nhân phải tiến hành quét dọn và vệ sinh khu vực làm việc của mình trước khi giao ca.
- Công nhân làm việc trong xưởng nhuộm bắt buộc phải mang khẩu trang, mũ, các dụng cụ bảo hộ lao động bắt buộc.
- Duy trì diện tích cây xanh khu vực bao quanh phân xưởng sản xuất để cải thiện điều kiện vi khí hậu và chất lượng môi trường không khí.
- Ngoài ra, nhằm hỗ trợ thêm cho quá trình thông gió nhà xưởng và lọc không khí chứa hơi hóa chất trong quá trình nhuộm sợi, Công ty đã lắp các quạt hút công nghiệp âm tường, sau tám quạt có lắp thêm tám lọc than hoạt tính để tăng cường trao đổi gió trong khu vực nhuộm, định hình và lọc không khí có mang hơi hoá chất. Công ty đã lắp 7 quạt hút công nghiệp, công suất điện 0,75W, lưu lượng gió mỗi quạt là 8.000 m³/h, kích thước khung phủ bì 1,3m x 1,3m x 0,4m. Sau 7 quạt, sử dụng 7 tấm lọc than hoạt tính có kích thước 1,3m x 1,3m x 0,01m, Công ty tiến hành thay mới tám lọc than hoạt tính định kỳ 3 tháng/lần.
- Các loại hóa chất, chất xúc tác sử dụng:

Tại khu vực nhuộm sợi, Công ty đã lắp đặt 07 quạt hút công nghiệp âm tường phía sau mỗi quạt có gắn tám lọc than hoạt tính. Khối lượng than than hoạt tính cần thiết cho mỗi quạt là 1,2 kg/năm. Tổng khối lượng than than hoạt tính cần thiết cho 07 quạt hút tại khu vực in lụa và vệ sinh khung in là 8,4 kg/năm.

- Định mức tiêu hao điện năng:

Định mức tiêu hao điện năng ở hệ thống xử lý hơi hóa chất từ quá trình nhuộm khoảng 24 kWh/ngày.

- Đơn vị thiết kế, thi công, giám sát thi công và thầu xây dựng: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt.

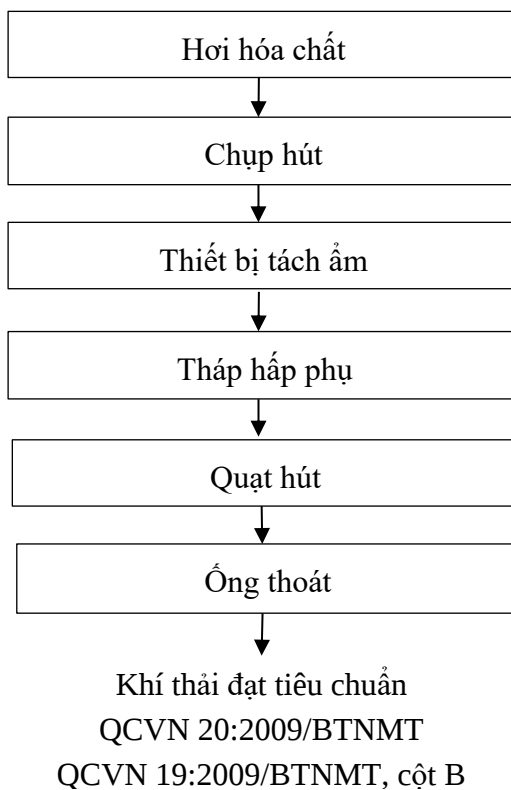
❖ *Hơi hóa chất từ quá trình nhuộm dây:*

Để giảm thiểu tác động do hơi hóa chất từ quá trình nhuộm dây, Công ty đã áp dụng các biện pháp sau:

- Nhà xưởng được xây dựng thoáng mát với nhiều cửa sổ và cửa ra, tạo điều kiện thông gió tự nhiên, áp dụng biện pháp thông gió nhà xưởng bằng quạt hút và quạt đẩy.
- Hơi quá áp khi xả được dẫn vào một ống dẫn riêng và xả ra hồ ga thoát nước.
- Thường xuyên bảo trì máy nhuộm để đạt hiệu suất tốt nhất, hạn chế phát tán hơi hóa chất và hơi dung môi ra môi trường;
- Công nhân làm việc trong xưởng nhuộm bắt buộc phải mang khẩu trang, mũ, các dụng cụ bảo hộ lao động bắt buộc;

- Duy trì diện tích cây xanh khu vực bao quanh phân xưởng sản xuất để cải thiện điều kiện vi khí hậu và chất lượng môi trường không khí;
- Công ty đã lắp đặt và vận hành hệ thống xử lý hơi hóa chất phát sinh từ quá trình nhuộm dây.

Quy trình công nghệ hệ thống xử lý hơi hóa chất từ quá trình nhuộm dây như sau:



Hình 3.5. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý hơi hóa chất từ quá trình nhuộm dây

Thuyết minh quy trình:

Hơi hóa chất từ quá trình nhuộm dây, nhờ quạt hút tạo lực hút sẽ được thu gom qua chụp hút được bố trí tại các vị trí phát sinh hơi hóa chất nhuộm dây. Hơi hóa chất sau đó đi qua thiết bị tách ẩm để giữ lại lượng hơi nước có trong dòng khí. Sau đó dòng khí tiếp tục được dẫn về tháp hấp phụ của HTXL hơi hóa chất từ quá trình nhuộm dây. Tại tháp hấp phụ, hơi hóa chất sẽ được giữ lại trong các lỗ rỗng của than hoạt tính thông qua lực hút trên bề mặt lớp than. Dòng khí sạch đi qua lớp than và phát thải qua ống thoát ra ngoài môi trường đạt QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B với $K_v=1$ và $K_p=1$ và QCVN 20:2009/BTNMT.

Bảng thông số công trình của HTXL hơi hóa chất từ quá trình nhuộm dây được trình bày như sau:

Bảng 3.8. Thông số kỹ thuật các hạng mục công trình của HTXL hơi hóa chất từ quá trình nhuộm dây

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật
1	Chụp hút	Kích thước: Dài x Rộng x Cao = 0,4m x 0,2m x 0,2m

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nâng công suất và mở rộng nhà máy sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô tăng từ 90.000.000 m sản phẩm/năm lên thành 112.000.000 m sản phẩm/năm”

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật
		Vật liệu: sus304 Số lượng: 24 cái
2	Quạt hút	Lưu lượng: 24.000 m ³ /giờ. Công suất: 20 HP Số lượng: 01 cái
3	Thiết bị tách ẩm	Kích thước: Dài x Rộng x Cao = 0,9m x 0,8m x 0,8m Số lượng: 01 cái Vật liệu: Inox
4	Tháp hấp phụ	Kích thước: Dài x Rộng x Cao = 1,05m x 0,68m x 0,65 m Than hoạt tính 6 lớp, mỗi lớp dày 5 mm. Vật liệu: Inox Số lượng: 01
5	Ống thoát	Đường kính: 0,7 m Chiều cao: 12 m. Vật liệu: Inox Số lượng: 01 cái

Nguồn: Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile, 2022

- Yêu cầu về quy chuẩn áp dụng đối với khí thải sau xử lý:

Khí thải sau xử lý đạt QCVN 20:2009/BTNMT và QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và được thải qua ống thoát ra môi trường tiếp nhận.

- Các loại hóa chất, chất xúc tác sử dụng:

Tại khu vực nhuộm, Công ty đã lắp đặt 01 hệ thống xử lý hơi hóa chất bằng biện pháp sử dụng tháp hấp phụ bằng than hoạt tính. Lượng than than hoạt tính sử dụng cho hệ thống xử lý hơi hóa chất từ quá trình nhuộm khoảng 64,26 kg/năm.

- Định mức tiêu hao điện năng:

Định mức tiêu hao điện năng ở hệ thống xử lý hơi hóa chất từ quá trình nhuộm khoảng 240 kWh/ngày.

- Đơn vị thiết kế, thi công, giám sát thi công và thầu xây dựng: Công ty TNHH Golden Flag Việt Nam.
- Sơ đồ minh họa: *(Đính kèm phụ lục).*

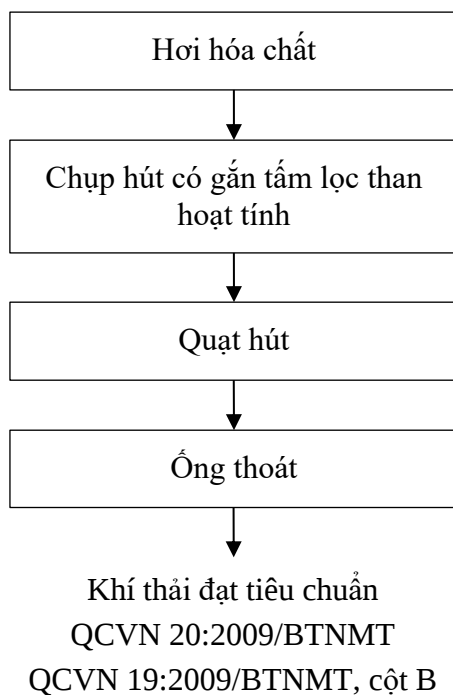
 Hơi hóa chất từ quá trình cân đong, pha trộn hóa chất

Để giảm thiểu các tác động hơi hóa chất từ quá trình cân đong, pha trộn hóa chất. Công ty đã tiến hành thực hiện các biện pháp như sau:

- Khu vực cân đong, pha hóa chất được bố trí trong khu vực riêng;
- Sử dụng quạt hút để thông thoáng cường bức khu vực cân đong, pha hóa chất;
- Duy trì diện tích cây xanh khu vực bao quanh phân xưởng sản xuất để cải thiện điều kiện vi khí hậu và chất lượng môi trường không khí;

- Công nhân thao tác trực tiếp với hóa chất được trang bị đầy đủ trang bị bảo hộ lao động như găng tay, kính bảo hộ, khẩu trang than hoạt tính, áo, quần, ủng bảo hộ lao động,...;
- Lắp đặt 2 hệ thống xử lý hơi hóa chất phát sinh từ 2 khu cân đong, pha trộn hóa chất;
- Vận hành hệ thống xử lý hơi hóa chất.

Quy trình công nghệ hệ thống xử lý hơi hóa chất từ quá trình cân đong, pha trộn hóa chất như sau:



Hình 3.6. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý hơi hóa chất từ quá trình cân đong, pha trộn hóa chất

Thuyết minh quy trình:

Hơi hóa chất từ quá trình cân đong, pha trộn hóa chất, nhờ quạt hút tạo lực hút sẽ được thu gom qua chụp hút có gắn tấm lọc than hoạt tính. Dòng khí khi đi qua lớp than hoạt tính, hơi hóa chất sẽ được giữ lại trong các lỗ rỗng của than hoạt tính thông qua lực hút trên bề mặt lớp than. Dòng khí sạch đi qua lớp than và phát thải qua ống thoát ra ngoài môi trường đạt QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B với $K_v=1$ và $K_p=1$ và QCVN 20:2009/BTNMT.

Bảng thông số công trình của HTXL hơi hóa chất khu cân đong, pha trộn hóa chất được trình bày như sau:

Bảng 3.9. Thông số kỹ thuật các hạng mục công trình của HTXL hơi hóa chất từ quá trình cân đong, pha trộn hóa chất

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	
		HT1 – Phòng vi lượng	HT2 – Phòng cân hóa chất nhuộm
1	Chụp hút	Xuất xứ: Việt Nam	Xuất xứ: Việt Nam

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nâng công suất và mở rộng nhà máy sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô tăng từ 90.000.000 m sản phẩm/năm lên thành 112.000.000 m sản phẩm/năm”

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	
		HT1 – Phòng vi lượng	HT2 – Phòng cân hóa chất nhuộm
		Kích thước: LBH = 0,4x0,4x0,3m Vật liệu: Thép CT3, sơn chống gỉ Bao gồm tấm lọc than hoạt tính Ống thu gom: D140mm, D250mm Số lượng: 2 cái	Kích thước: LBH = 1x1x0,5m Vật liệu: Thép CT3, sơn chống gỉ Bao gồm tấm lọc than hoạt tính Ống thu gom: D150mm, D300 Số lượng: 4 cái
2	Quạt hút	Lưu lượng: 2.000 m ³ /giờ Công suất: 3HP/380V/3 pha Kết cấu: Thép Xuất xứ: Việt Nam Số lượng: 1 cái	Lưu lượng: 4.000 m ³ /giờ Công suất: 5HP/380V/3 pha Kết cấu: Thép Xuất xứ: Việt Nam Số lượng: 1 cái
3	Ống thoát	Xuất xứ: Việt Nam Vật liệu: Thép CT3, dày =1,2mm Đường kính D250mm Chiều cao 12 m. Số lượng: 1 cái	Xuất xứ: Việt Nam Vật liệu: Thép CT3, dày =1,2mm Đường kính D300mm Chiều cao 12 m. Số lượng: 1 cái

Nguồn: Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile, 2022

- Sơ đồ minh họa: (Đính kèm phụ lục).
- Yêu cầu về quy chuẩn áp dụng đối với khí thải sau xử lý:

Khí thải sau xử lý đạt QCVN 20:2009/BTNMT và QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và được thải qua ống thoát ra môi trường tiếp nhận.

- Đơn vị thiết kế, thi công, giám sát thi công và thầu xây dựng: Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt.
- Các loại hóa chất, chất xúc tác sử dụng:

Tại khu vực cân đong và pha trộn hóa chất, Công ty đã lắp đặt 02 hệ thống xử lý hơi hóa chất bằng biện pháp sử dụng chụp hút có tấm lọc than hoạt tính. Lượng than hoạt tính sử dụng cho 02 hệ thống xử lý hơi hóa chất từ quá trình cân đong và pha trộn hóa chất được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3.10. Khối lượng than hoạt tính sử dụng cho 02 hệ thống xử lý hơi hóa chất từ quá trình cân đong và pha trộn hóa chất

STT	Công trình	Khối lượng than hoạt tính sử dụng (kg/năm)
1	Hệ thống xử lý hơi hóa chất ở khu vực cân đong hóa chất	12,8
2	Hệ thống xử lý hơi hóa chất ở khu vực pha trộn hóa chất	160

- Định mức tiêu hao điện năng:

Định mức tiêu hao điện năng ở 02 hệ thống xử lý hơi hóa chất từ quá trình cân đong hóa chất và khu vực pha trộn hóa chất được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3.11. Định mức tiêu hao điện năng tại 02 hệ thống xử lý hơi hóa chất từ quá trình cân đong hóa chất và khu vực pha trộn hóa chất

STT	Công trình	Định mức tiêu hao điện năng (kWh/ngày)
1	Hệ thống xử lý hơi hóa chất từ quá trình cân đong hóa chất	59,6
2	Hệ thống xử lý hơi hóa chất từ quá trình pha trộn hóa chất	35,8

 Hơi hóa chất từ kho chứa hóa chất

Để giảm thiểu các tác động hơi hóa chất từ kho chứa hóa chất. Công ty đã tiến hành thực hiện các biện pháp như sau:

- Đã bố trí kho hóa chất riêng biệt tại khu vực sản xuất;
- Đảm bảo các điều kiện kỹ thuật về lưu trữ, bảo quản hóa chất an toàn tại Nhà máy;
- Đã lắp đặt các biển hướng dẫn, biển cảnh báo an toàn tại khu vực kho chứa hóa chất;
- Khu vực kho hóa chất được xây dựng khu vực riêng tách biệt với các khu khác trong xưởng, trong khu vực kho có bố trí hệ thống thông gió với các cửa lấy gió bố trí dọc tường;
- Công nhân thao tác trực tiếp với hóa chất được trang bị đầy đủ trang bị bảo hộ lao động như găng tay, kính bảo hộ, khẩu trang than hoạt tính, áo, quần, ủng bảo hộ lao động,...

 Hơi hóa chất từ quá trình in lụa và vệ sinh khung in

Địa điểm 1 trong KCN Minh Hưng – Hàn Quốc có công đoạn in lụa logo thương hiệu khách hàng lên sản phẩm dây sau khi nhuộm. Công đoạn in này chỉ hoạt động khi khách hàng có nhu cầu cần in, do đó cũng ít phát sinh hơi hóa chất hoặc có sẽ phát sinh không nhiều. Tuy nhiên, để giảm thiểu tác động do hơi hóa chất từ quá trình in lụa và vệ sinh khung in bằng dung môi, Công ty đã áp dụng các biện pháp sau:

- Nhà xưởng được xây dựng thoáng mát với nhiều cửa sổ và cửa ra, tạo điều kiện thông gió tự nhiên, áp dụng biện pháp thông gió nhà xưởng bằng quạt hút và quạt đẩy;
- Bố trí khu vực in lụa và vệ sinh khung in rộng và thoáng, tách riêng với các khu vực khác. Khu vực in lụa nằm trên tầng lửng nhà xưởng sản xuất, dọc theo mảng tường nhà xưởng khu vực in lụa, lắp thêm các quạt hút công nghiệp âm tường, sau tấm quạt có lắp thêm tấm lọc than hoạt tính để tăng cường trao đổi gió trong vùng làm việc và lọc không khí có mang hơi hoá chất. Công ty đã lắp 06 quạt hút công nghiệp, công suất điện 0,75W, lưu lượng gió mỗi quạt là 8.000 m³/h, kích thước khung phủ bì 0,9m x 0,9m x 0,4m. Sau 06 quạt, sử dụng 6 tấm lọc than hoạt tính có kích thước 0,9m x 0,9m x 0,01m, do tính toán nồng độ hơi hóa chất phát sinh tại quá

trình in lụa nằm trong giới hạn cho phép nên Công ty chỉ cần thay tấm lọc than hoạt tính định kỳ được 3 tháng;

- Các công đoạn sấy nhanh sau khi in lụa được thực hiện hoàn toàn trong các thiết bị kín;
- Sau mỗi ca sản xuất, Công ty đều cho công nhân phải tiến hành quét dọn và vệ sinh khu vực làm việc của mình trước khi giao ca;
- Công nhân làm việc trong khu vực in lụa bắt buộc phải mang khẩu trang, mũ, các dụng cụ bảo hộ lao động bắt buộc;
- Duy trì diện tích cây xanh khu vực bao quanh phân xưởng sản xuất để cải thiện điều kiện vi khí hậu và chất lượng môi trường không khí.
- Các loại hóa chất, chất xúc tác sử dụng:

Tại khu vực in lụa và vệ sinh khung in, Công ty đã lắp đặt 06 quạt hút công nghiệp âm tường phía sau mỗi quạt có gắn tấm lọc than hoạt tính. Khối lượng than hoạt tính cần thiết cho mỗi quạt là 1,2 kg/năm. Tổng khối lượng than hoạt tính cần thiết cần thiết cho 06 quạt hút tại khu vực in lụa và vệ sinh khung in là 7,2 kg/năm.

- Định mức tiêu hao điện năng: Định mức tiêu hao điện năng cho 06 quạt hút bố trí tại khu vực in lụa và vệ sinh khung in khoảng 24 kWh/ngày.

b. Địa điểm 2: Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Create Profit tại KCN Chơn Thành II

Dự án tại địa điểm 2 tại Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Create Profit Việt Nam tại KCN Chơn Thành II để hoạt động dệt (không nhuộm) do đó không phát sinh hơi hóa chất.

2.4. Mùi hôi từ quá trình xử lý nước thải, khu vực lưu chứa chất thải tại Nhà máy

a. Địa điểm 1: Lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc

Để giảm thiểu mùi hôi từ quá trình xử lý nước thải và khu vực chứa chất thải, Công ty đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu sau:

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom, thoát nước thải;
- Định kỳ tổ chức vệ sinh nhà xưởng, máy móc thiết bị;
- Sử dụng bổ sung thêm các chế phẩm khử mùi nước thải;
- Chu kỳ lấy bùn từ hệ thống xử lý nước thải được tổ chức thường xuyên và ép thành bùn khô nhằm đảm bảo hệ thống vận hành tốt và hạn chế mùi phát sinh từ hệ thống;
- Hệ thống xử lý nước thải, chất thải được bố trí tránh hướng gió để hạn chế phát tán khí thải, mùi hôi về khu vực văn phòng và khu vực sản xuất cũng như ảnh hưởng đến các dự án lân cận;
- Thông thoáng nhà xưởng, kho chứa bằng hệ thống quạt thông gió hay cửa hợp lý;
- Bảo quản, lưu trữ nguyên liệu, sản phẩm, chất thải đúng cách, có phân định khu vực lưu trữ đối với từng loại khác nhau;

- Tuân thủ đúng các quy trình xử lý chất thải, nước thải;
- Trang bị phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân như: khẩu trang, găng tay, quần áo hạn chế tác động của mùi hôi đến sức khỏe.

b. Địa điểm 2: Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Create Profit tại KCN Chơn Thành II

Để giảm thiểu mùi hôi từ khu vực chứa chất thải, Công ty đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu sau:

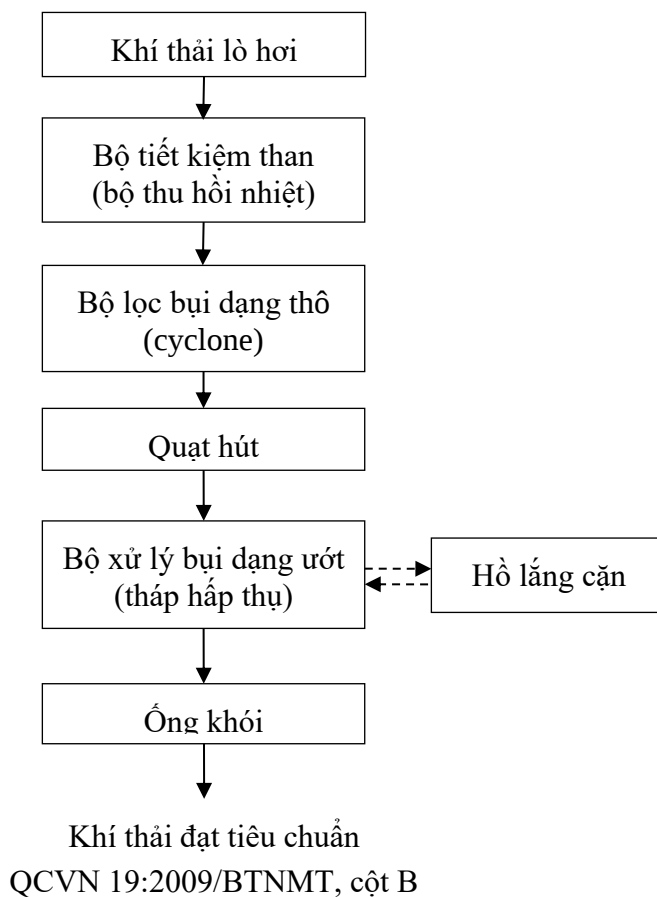
- Định kỳ tổ chức vệ sinh nhà xưởng, máy móc thiết bị;
- Khu vực lưu trữ chất thải được bố trí tránh hướng gió để hạn chế phát tán khí thải, mùi hôi về khu vực văn phòng và khu vực sản xuất cũng như ảnh hưởng đến các dự án lân cận;
- Bảo quản, lưu trữ nguyên liệu, sản phẩm, chất thải đúng cách, có phân định khu vực lưu trữ đối với từng loại khác nhau;
- Trang bị phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân như: khẩu trang, găng tay, quần áo hạn chế tác động của mùi hôi đến sức khỏe.

Đối với Dự án tại địa điểm 2 Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Create Profit Việt Nam tại KCN Chơn Thành II để hoạt động dệt (không nhuộm), do đó nhà máy không phát sinh nước thải sản xuất. Nước thải sinh hoạt tại địa điểm 2 sẽ do Công ty TNHH Create Profit Việt Nam chịu trách nhiệm thu gom và xử lý.

2.5. Khí thải từ lò hơi

Tại địa điểm 1 trong KCN Minh Hưng – Hàn Quốc, Công ty đã đầu tư 02 lò hơi để sử dụng cho quá trình sản xuất gồm 01 lò hơi công suất 15 tấn/giờ và 01 lò hơi công suất 8,4 tấn/giờ (dự phòng khi lò hơi 15 tấn/giờ bảo trì hoặc cần sửa chữa).

- Lò hơi công suất 8,4 tấn/giờ sử dụng nhiên liệu đốt là dầu DO. Khí thải phát sinh từ lò hơi được quạt hút đẩy ra ống khói cao 10 m qua mái nhà xưởng.
- Lò hơi công suất 15 tấn/giờ sử dụng nhiên liệu đốt là củi viên nén. Để giảm thiểu bụi và khí thải phát sinh Công ty đã lắp đặt 01 HTXL khí thải mới cho lò hơi này. Quy trình công nghệ xử lý được trình bày như sau:



Hình 3.7. Quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải lò hơi 15 tấn/giờ

Thuyết minh quy trình:

Khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu cấp nhiệt cho lò hơi được dẫn qua bộ thu hồi nhiệt nhằm tận thu phần nhiệt từ dòng khí để tiết kiệm nhiên liệu đốt, sau đó dòng khí thải được thu gom đưa về bộ lọc bụi dạng thô (Cyclone). Khí thải đi vào cyclone theo dạng lốc xoáy thông qua các ống trụ sứ dẫn khí thải được lắp bên trong thiết bị cyclone, dưới tác dụng của lực ly tâm, bụi bị giảm tốc độ va đập vào thành sau đó tách ra khỏi dòng khí và rơi xuống thùng tập hợp bụi bên dưới. Còn dòng khí sẽ hình thành luồng hơi lên trên thông qua đường ống và quạt hút dẫn đến bộ xử lý bụi dạng ướt (tháp hấp thụ).

Tại bộ xử lý bụi dạng ướt, dung dịch hấp thụ được cấp vào tháp nhằm loại bỏ bụi và khí thải CO. Khí thải đi từ dưới lên, dòng dung dịch đi từ trên xuống tiếp xúc với dòng khí trong khoảng không gian của tháp. Tại đây, bụi mịn và CO bị lôi cuốn, hấp thụ vào dòng dung dịch. Mặt khác nhiệt từ khí thải cũng giảm xuống đáng kể nhờ quá trình phun nước tại khoảng không gian rộng của tháp. Dòng dung dịch được thu về bể chứa và tuần hoàn bơm lên tháp để xử lý khí thải. Nước thải sau bể chứa dung dịch hấp thụ sau mỗi lần xả thải được bơm xả về hệ thống xử lý nước thải tập trung của công ty để xử lý cùng nước thải sản xuất trước khi đầu nối với KCN. Dung dịch hấp thụ sử dụng là xút.

Phần trên của bộ xử lý bụi dạng ướt có bố trí lớp vật liệu tách ẩm nhằm loại bỏ hơi nước ra khỏi dòng khí. Các hạt ẩm va đập vào vật liệu tách ẩm tạo thành hạt nước có kích thước lớn và rơi xuống và được dẫn về bể chứa dung dịch.

Cuối cùng, dòng khí được chuyển qua ống thoát và thải ra ngoài, đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, $K_v = 0,9$; $K_p = 1,0$.

Các hạng mục công trình của 01 HTXL khí thải lò hơi 15 tấn/giờ được trình bày như sau:

Bảng 3.12. Thông số kỹ thuật các hạng mục của hệ thống xử lý khí thải lò hơi 15 tấn/giờ

TT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Bộ tiết kiệm than (bộ thu hồi nhiệt)	Xuất xứ: Đài Loan Kích thước: D x R x H = 1,5m x 1,5m x 4,5m Dàn ống trao đổi nhiệt bên trong Vật liệu: Thép	1 cái
2	Bộ lọc bụi dạng thô (cyclone)	Xuất xứ: Đài Loan Kích thước: D x R x H = 2,0m x 2,0m x 4,3m Bên trong: trụ sứ tạo lực ly tâm 10 cái Vật liệu: Thép	1 bộ
3	Quạt hút	Xuất xứ: Đài Loan Công suất: 15KW/ 380V/ 3 phase Lưu lượng: 12.000 m ³ /giờ Vật liệu: Lòng, cánh: SUS304. Bệ đỡ: Thép	1 bộ
4	Bộ xử lý bụi dạng ướt (tháp hấp thụ)	Xuất xứ: Đài Loan Kích thước: D x H = 2,0m x 10,5m Vật liệu: Thép	1 bộ
5	Ống thoát	Kích thước: D x H = 0,9m x 5m (chiều cao ống thoát tính từ đỉnh tháp hấp thụ đến đỉnh ống khói, cao qua mái nhà lò hơi), chiều cao ống thoát tính từ mặt đất lên tới đỉnh ống khói là 15,5m Vật liệu: SUS304	1 bộ
6	Hồ lắng cặn	Kích thước phủ bì: L x W x H = 7,6m x 4,7m x 2,0m Kết cấu: Đáy: BTCT M250 dày 25cm; Thành: Tường bao: BTCT M250 dày 25cm. Tường ngăn: Gạch ống dày 25cm; Nắp: BTCT M250 dày 30cm Bên trong bể chứa chia đều thành 6 ngăn chứa nước để lắng bụi	1 bể

Nguồn: Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile, 2022

- Sơ đồ minh họa: (Đính kèm phụ lục).
- Các loại hóa chất, chất xúc tác sử dụng:

Hệ thống xử lý khí thải lò hơi 15 tấn/giờ có sử dụng dung dịch hấp thụ NaOH để cấp vào bộ xử lý bụi dạng ướt (tháp hấp thụ) nhằm loại bỏ bụi và khí thải CO. Khối lượng NaOH cần thiết để cung cấp cho quá trình xử lý này khoảng 23 tấn/năm.

- Định mức tiêu hao điện năng: cho hệ thống xử lý khí thải lò hơi 15 tấn/giờ khoảng 1.200 kWh/ngày.
- Yêu cầu về quy chuẩn áp dụng đối với khí thải sau xử lý:

Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và được thải qua ống thoát ra môi trường tiếp nhận.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

a. Chất thải rắn sinh hoạt

Địa điểm 1: Lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc

Để giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt tại địa điểm 1: Lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc, Công ty đã áp dụng các biện pháp sau:

- Trong quá trình sản xuất hiện nay Công ty đã bố trí các thùng chứa rác bằng nhựa, có nắp đậy, dung tích 240 Lít để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại Dự án;
- Rác sinh hoạt sẽ được nhân viên thu gom vào thùng rác bố trí nhiều nơi trong văn phòng và khuôn viên nhà xưởng. Toàn bộ rác sinh hoạt được thu gom vào các bao bì chuyên dụng và vận chuyển đến kho tập kết rác. Rác sinh hoạt sẽ được thu gom hằng ngày vào thời điểm tan ca chiều;
- Rác thải sinh hoạt được thu gom vào thùng rác và tập kết về kho chứa rác thải sinh hoạt có diện tích 5 m². Kho có kết cấu là mái tole, nền bê tông, vách tường gạch. Sức chứa của kho được 1 tấn. Khối lượng CTRSH phát sinh là 145,6 kg/ngày tương đương 0,15 tấn/ngày, kho vẫn đảm bảo khả năng lưu chứa;
- Công ty đã hợp đồng với Công ty TNHH MTV Dịch vụ Vệ sinh Môi trường Tiến Dũng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định của pháp luật. Tần suất thu gom rác thải sinh hoạt về khu vực lưu chứa CTR sinh hoạt là 1 ngày/lần. Tần suất đơn vị có chức năng đến thu gom đi xử lý rác thải sinh hoạt là 2 lần/tuần. Tần suất thu gom xử lý có thể tăng lên tùy thuộc vào khối lượng phát sinh tại Nhà máy.

Địa điểm 2: Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Create Profit tại KCN Chơn Thành II

Để giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt, Công ty đã áp dụng các biện pháp sau:

- Trong quá trình lắp đặt máy móc thiết bị Công ty đã bố trí 03 thùng chứa rác bằng nhựa, có nắp đậy, dung tích 240 Lít để thu gom chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại mỗi nhà xưởng thuê, các thùng chứa rác đảm bảo khả năng lưu chứa trong thời gian chờ đơn vị chức năng đến thu gom;
- Toàn bộ rác sinh hoạt được thu gom vào các bao bì chuyên dụng và vận chuyển đến kho tập kết rác. Rác sinh hoạt sẽ được thu gom hằng ngày vào thời điểm tan ca

chiều. Rác thải sinh hoạt được thu gom vào thùng rác và bố trí tại các lối ra vào, bên trong nhà xưởng thuê để sản xuất;

- Công ty đã hợp đồng với Công ty TNHH MTV Dịch vụ Vệ sinh Môi trường Tiến Dũng để thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt theo quy định. Tần suất đơn vị có chức năng đến thu gom đi xử lý rác thải sinh hoạt 2 lần/tuần.

b. Chất thải rắn sản xuất không nguy hại

📍 Địa điểm 1: Lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc

Để giảm thiểu tác động do chất thải rắn sản xuất không nguy hại của quá trình vận hành tại địa điểm 1 nằm trong KCN Minh Hưng – Hàn Quốc, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

- Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn của quá trình sản xuất phát sinh;
- Tiếp tục phân loại chất thải rắn sản xuất không nguy hại; thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn sản xuất không nguy hại phát sinh đưa vào khu vực lưu trữ với diện tích 25,4 m² hiện hữu. Kho có kết cấu là mái tole, nền bê tông, vách tường gạch. Sức chứa của kho được 100 tấn. Quá trình sản xuất phát sinh khoảng 88,09 kg/tháng chất thải rắn sản xuất không nguy hại, kho chứa vẫn đảm bảo khả năng tiếp nhận và lưu trữ;
- Công ty đã hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường Thảo Dương Xanh để thu gom, xử lý chất thải rắn sản xuất không nguy hại theo đúng quy định của pháp luật. Tần suất thu gom tùy vào khối lượng chất thải phát sinh hoặc theo yêu cầu của Công ty.

📍 Địa điểm 2: Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Create Profit tại KCN Chơn Thành II

Để giảm thiểu tác động do chất thải rắn sản xuất không nguy hại, Công ty đã áp dụng các biện pháp sau:

- Phân loại chất thải rắn sản xuất không nguy hại;
- Công ty sẽ bố trí kho thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn sản xuất không nguy hại phát sinh đưa vào khu vực lưu trữ với diện tích 5 m² bên trong mỗi xưởng thuê để sản xuất, tổng diện tích 3 khu vực tại 3 nhà xưởng thuê là 15 m². Sức chứa của kho được 6 tấn. Quá trình sản xuất làm phát sinh 62,71 kg/tháng chất thải rắn không nguy hại, kho chứa đảm bảo khả năng tiếp nhận và lưu trữ;
- Công ty đã ký hợp đồng với Công ty cổ phần Môi trường Thảo Dương Xanh để thu gom, xử lý theo đúng quy định của pháp luật. Tần suất thu gom tùy vào khối lượng chất thải phát sinh hoặc theo yêu cầu của Công ty.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

4.1. Dự báo về khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành

Lượng chất thải nguy hại phát sinh tại 2 địa điểm của Dự án chủ yếu là chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải; hộp mực in thải; phẩm màu và chất nhuộm thải; bóng đèn huỳnh quang thải; pin, ắc quy thải; bao bì mềm thải; dầu

động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; bao bì cứng thải bằng kim loại; bao bì cứng thải bằng nhựa; chất hấp phụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải thải dính dầu nhớt, hoá chất; bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải; tro bụi thải từ HTXL khí thải; tấm lọc than hoạt tính. Khối lượng chất thải nguy hại tại 2 địa điểm của Dự án được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3.13. Số lượng và mã số chất thải nguy hại phát sinh

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg/tháng)
A	Địa điểm 1: Lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc	-	7.840,73
1	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải (cặn lắng từ quá trình hấp thụ khí thải)	04 02 03	2.768,1
2	Hộp mực in thải dính thành phần nguy hại	08 02 04	4,0
3	Phẩm màu và chất nhuộm thải có chứa các thành phần nguy hại	10 02 02	110,33
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	4,0
5	Pin, ắc quy thải	16 01 12	2,0
6	Bao bì mềm thải	18 01 01	132,40
7	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	35,0
8	Bao bì cứng thải bằng kim loại	18 01 02	176,53
9	Bao bì cứng thải bằng nhựa (vỏ can nhựa đựng dầu nhớt, hóa chất thải)	18 01 03	132,40
10	Chất hấp phụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải thải dính dầu nhớt, hoá chất	18 02 01	20,0
11	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	12 06 05	1.682,5
12	Tro, bụi thải từ HTXL khí thải	04 02 01	2.768,1
13	Tấm lọc than hoạt tính thải	12 01 04	5,37
B	Địa điểm 2: Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Create Profit tại KCN Chơn Thành II	-	42,0
1	Hộp mực in thải dính thành phần nguy hại	08 02 04	3,0
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	3,0
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	1,0
4	Chất hấp phụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải thải dính dầu nhớt, hoá chất	18 02 01	35,0

Nguồn: Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile, 2022

4.2. Công trình lưu giữ chất thải nguy hại

a. Địa điểm 1: Lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc

Để giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại, Công ty đã áp dụng các biện pháp sau:

- Đã đăng ký chủ nguồn thải CTNH với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước. Sổ chủ đăng ký chủ nguồn thải CTNH số 70.000326.T, ngày 28/01/2019;
- Thu gom, phân loại và lưu giữ trong các thùng nhựa có dung tích khác nhau có dán nhãn cảnh báo;
- Công ty đã yêu cầu công nhân tiến hành thu gom, phân loại chất thải nguy hại phát sinh tại các khu vực phát sinh sau mỗi ca làm việc. Các loại chất thải được chứa trong các thùng chuyên dụng, sau đó công nhân đưa vào khu vực lưu trữ hiện hữu để chờ đơn vị đến thu gom xử lý định kỳ;
- Chất thải nguy hại được lưu trữ trong khu vực lưu chứa có thành kín, mái che, nền láng xi măng, mái lợp bằng tôn, tường xây gạch, rãnh, rốn, bình phòng cháy chữa cháy, cát, xẻng, phân khu, dán nhãn theo đúng quy định. Kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 36 m². Sức chứa của kho khoảng 7,2 tấn, kho chứa vẫn đảm bảo khả năng tiếp nhận và lưu trữ;
- Công ty đã ký hợp đồng với Công ty cổ phần Môi trường Thảo Dương Xanh để thu gom, xử lý theo quy định. Tần suất thu gom và xử lý tùy vào khối lượng chất thải phát sinh hoặc theo yêu cầu của Công ty.

b. Địa điểm 2: Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Create Profit tại KCN Chơn Thành II

Để giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại, Công ty đã áp dụng các biện pháp sau:

- Thu gom, phân loại và lưu giữ trong các thùng nhựa có dung tích khác nhau có dán nhãn cảnh báo.
- Công ty đã yêu cầu công nhân tiến hành thu gom, phân loại chất thải nguy hại phát sinh tại các khu vực phát sinh sau mỗi ca làm việc. Các loại chất thải được chứa trong các thùng chuyên dụng, sau đó công nhân đưa vào khu vực lưu trữ để chờ đơn vị đến thu gom xử lý định kỳ.
- Chất thải nguy hại được lưu trữ trong khu vực lưu chứa có thành kín, mái che, nền láng xi măng, mái lợp bằng tôn, tường xây gạch, rãnh, rốn, bình phòng cháy chữa cháy, cát, xẻng, phân khu, dán nhãn theo đúng quy định. Công ty sẽ bố trí kho với diện tích 3 m² bên trong mỗi xưởng thuê để sản xuất, tổng diện tích 3 khu vực tại 3 nhà xưởng thuê là 9 m². Sức chứa của kho khoảng 0,6 tấn, kho chứa vẫn đảm bảo khả năng tiếp nhận và lưu trữ. Kho chứa đã được lắp đặt và bố trí theo quy định bên trong 3 nhà xưởng đã thuê.
- Công ty đã ký hợp đồng với Công ty cổ phần Môi trường Thảo Dương Xanh để thu gom, xử lý theo quy định tại địa điểm 1 và sẽ bổ sung phụ lục hợp đồng để thu gom cho địa điểm 2 này. Tần suất thu gom và xử lý tùy vào khối lượng chất thải phát sinh hoặc theo yêu cầu của Công ty.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ hoạt động sản xuất, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

- Lắp đặt thiết bị có chất lượng tốt đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật;
- Gia cố nền móng để giảm độ rung và tiếng ồn;
- Lắp đệm chống rung cho các máy móc thiết bị có độ rung cao;
- Thường xuyên bảo dưỡng trang thiết bị;
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp sản xuất;
- Trồng cây xanh xung trong phạm vi Nhà máy, đảm bảo tỷ lệ cây xanh theo tỷ lệ yêu cầu.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành

a. Sự cố bể tự hoại

Để phòng ngừa sự cố bể tự hoại, Công ty đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu, cụ thể như sau:

- Định kỳ hợp đồng hút bùn thải từ bể tự hoại;
- Thường xuyên kiểm tra đường ống dẫn nước, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn;
- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với bể tự hoại.

b. Sự cố hệ thống xử lý nước thải

Để phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, Công ty đã áp dụng các biện pháp sau:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải, tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu vận hành, và bảo trì, bảo dưỡng HTXLNT;
- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn;
- Luôn trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng. Trong trường hợp sự cố thiết bị, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố;
- Ngưng hoạt động sản xuất nếu hệ thống xử lý nước thải không có khả năng xử lý nước thải đạt quy chuẩn môi trường cho phép.

c. Sự cố hệ thống xử lý khí thải lò hơi, hệ thống xử lý hơi hóa chất

Để phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải lò hơi, hệ thống xử lý hơi hóa chất, Công ty đã thực hiện các biện pháp như sau:

Biện pháp phòng ngừa:

- Tiến hành bảo dưỡng định kỳ nhằm duy trì hiệu suất lò hơi và sự hoạt động hiệu quả của lò hơi;

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nâng công suất và mở rộng nhà máy sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô tăng từ 90.000.000 m sản phẩm/năm lên thành 112.000.000 m sản phẩm/năm”

- Tuân thủ hướng dẫn vận hành lò hơi;
- Van an toàn luôn duy trì trong tình trạng hoạt động tốt;
- Kiểm tra thiết bị và bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên hệ thống xử lý khí thải.

Biện pháp ứng phó:

- Dừng và kiểm tra tình trạng lò ngay khi phát hiện dấu hiệu bất thường;
- Công ty sẽ tạm ngưng sản xuất nếu lò hơi gặp sự cố;
- Công ty sẽ nhanh chóng kiểm tra và khắc phục lỗi lò hơi trước khi vận hành trở lại;
- Vận hành theo yêu cầu thiết kế;
- Kiểm tra thiết bị và bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên;

Định kỳ thay than hoạt tính theo hướng dẫn vận hành.

d. Biện pháp giảm thiểu tai nạn lao động

Để đảm bảo an toàn lao động trong Nhà máy, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

Phòng ngừa tai nạn lao động:

Các biện pháp để bảo vệ an toàn lao động cho người công nhân là không thể thiếu. Vì vậy Công ty phải quan tâm đến các yếu tố vi khí hậu nhằm đảm bảo môi trường lao động an toàn và hợp vệ sinh cho công nhân như sau:

- Thường xuyên huấn luyện cho công nhân thực thi đầy đủ và kiểm tra để không xảy ra tai nạn lao động do không thực hiện đúng nội quy vận hành sử dụng an toàn thiết bị;
- Toàn bộ máy móc thiết bị sẽ được kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ theo kế hoạch để bảo đảm luôn ở tình trạng tốt;
- Về an toàn kỹ thuật điện: Công ty sẽ chú trọng công tác thực hiện các biện pháp an toàn kỹ thuật tại các bộ phận của các phân xưởng. Tất cả các bộ phận đều có bảng nội quy an toàn kỹ thuật điện tại nơi làm việc, đảm bảo công nhân phải tuân thủ đúng nội quy;
- Đào tạo định kỳ về an toàn lao động;
- Trang bị đầy đủ các phục trang cần thiết về an toàn lao động và hạn chế những tác hại cho sức khỏe công nhân. Các trang phục này bao gồm: quần áo bảo hộ lao động, mũ, găng tay, kính bảo vệ mắt, ủng...
- Ngoài ra, trong những trường hợp cần thiết phải sử dụng thêm quạt thông gió để làm thoáng và mát cục bộ;
- Điều kiện về ánh sáng và tiếng ồn cũng cần được tuân thủ chặt chẽ;
- Trong những trường hợp sự cố, công nhân vận hành phải được hướng dẫn và thực tập xử lý theo đúng quy tắc an toàn. Các dụng cụ và thiết bị cũng như những địa chỉ cần thiết liên hệ khi xảy ra sự cố cần được chỉ thị rõ ràng: địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: bệnh viện, cứu hỏa...

Ứng phó tai nạn lao động:

- Trang bị các dụng cụ và thiết bị cần thiết cho việc sơ cấp cứu người bị tai nạn lao động;
- Ghi rõ các địa chỉ liên hệ cần thiết như người liên hệ trong trường hợp khẩn cấp, trạm xá, bệnh viện,... tại vị trí dễ thấy để liên hệ;
- Tiến hành sơ cấp cứu cho người bị tai nạn hoặc chuyển người bị nạn đến trạm xá, bệnh viện gần nhất hoặc gọi cấp cứu để kịp thời cứu chữa người bị nạn.

Nhà máy cũng tổ chức bộ phận sơ cứu tai nạn, bố trí phòng y tế ngay tại nhà máy và ký hợp đồng chăm sóc sức khỏe với cơ sở y tế tại địa phương, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công nhân làm việc tại nhà máy. Bố trí cán bộ an toàn vệ sinh lao động làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

e. Biện pháp đảm bảo an toàn giao thông

Để đảm bảo an toàn giao thông tại khu vực dự án, Công ty đã thực hiện các biện pháp như sau:

- Cấu trúc đường giao thông trong nội bộ Công ty sẽ được bố trí hợp lý, tránh xung đột giao thông, gây nguy hiểm cho người và phương tiện ra vào bốc dỡ hàng hóa;
- Bố trí hợp lý tuyến đường vận chuyển và đi lại. Hạn chế vận chuyển vào giờ cao điểm có mật độ người qua lại cao;
- Chở đúng tải trọng quy định;
- Bố trí xe có trọng tải phù hợp để tránh làm hư hỏng đường sá;
- Lập rào chắn cách ly các khu vực nguy hiểm như trạm biến thế, vật liệu dễ cháy nổ...

f. Phòng chống cháy nổ

Để giảm phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, Công ty đã thực hiện các biện pháp sau:

Biện pháp phòng ngừa sự cố chống cháy:

- Thiết lập khoảng cách ly an toàn của kho chứa nguyên liệu, kho thành phẩm với các công trình khác hoặc khu vực sản xuất. Sắp xếp bố trí nguyên vật liệu theo thứ tự, dễ bảo quản, vận chuyển và sử dụng. Lập kế hoạch sử dụng để tránh tồn kho nhiều dễ phát sinh cháy nổ mùa nắng nóng;
- Bông bụi được thu gom, lưu trữ hợp lý, không để gần nguồn phát sinh lửa để hạn chế tối đa khả năng cháy bụi bông xảy ra;
- Dung môi trong không khí có khả năng gây cháy khi đạt nồng độ nhất định và có tác nhân phát lửa gây cháy hoặc nguồn nhiệt phát ra do bất cẩn, do ma sát, do động cơ điện, tiếp điểm điện,... Chính vì vậy, khi xây dựng cần quy định rõ khu nhà kho đảm bảo vệ sinh công nghiệp, gọn sạch khi vận chuyển nguyên vật liệu và khi lắp đặt máy móc thiết bị cần thiết phải thực hiện hệ thống thông gió để giảm nồng độ chất gây cháy, giảm nhiệt độ không khí cũng như cách ly các bảng điện, tủ điện điều khiển,... Đồng thời trong các giai đoạn công nghệ cần lưu ý tiếp đất cho các thiết bị;

- Cần định rõ khu nhà kho, khu trữ nguyên liệu đảm bảo vệ sinh công nghiệp, dọn sạch khi vận chuyển nguyên vật liệu và khi lắp đặt máy móc thiết bị cần thiết phải thực hiện hệ thống thông gió để giảm nồng độ chất gây cháy, giảm nhiệt độ không khí cũng như cách ly các bảng điện, tủ điện điều khiển,... Đồng thời trong các giai đoạn công nghệ cần lưu ý tiếp đất cho các thiết bị;
- Đã đầu tư hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống cảnh báo tự động đảm bảo đúng quy định; thiết lập các hệ thống báo cháy, đèn hiệu và thông tin tốt, các phương tiện và thiết bị chữa cháy hiệu quả;
- Trang bị đầy đủ trang thiết bị sẵn sàng ứng phó với sự cố cháy nổ: cát chữa cháy, bình khí CO₂ và bình bột cầm tay tại các khu vực dễ phát sinh cháy nổ như kho chứa hóa chất, kho chứa nguyên liệu vải, khu vực lưu trữ CTNH để kịp thời ngăn chặn khi có đám cháy nhỏ phát sinh;
- Có phương án PCCC và đội PCCC của Công ty được phân công nhiệm vụ và trách nhiệm khi có sự cố cháy nổ;
- Tập huấn và đào tạo cho đội PCCC của Công ty và định kỳ 1 lần/năm diễn tập PCCC cho toàn bộ công nhân trong nhà máy;
- Thường xuyên kiểm tra các trang thiết bị, đến niên hạn thay mới phải lập kế hoạch thay mới, tránh trường hợp khi có sự cố cháy nổ lại không sử dụng được;
- Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và tuân thủ các qui định về Phòng cháy Chữa cháy của tỉnh Bình Phước.

Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ:

1. **Dập lửa:** Ngay từ khi phát hiện có cháy, lực lượng chữa cháy tại các công trường và các lực lượng khác cần tiến hành ngay các công tác dập lửa. Sử dụng các dụng cụ như: bình chữa cháy, nước để dập lửa.

Khi xảy ra sự cố cháy nổ tại nhà máy: đặc biệt tại các khu vực cháy có liên quan đến hóa chất, nhanh chóng khóa hoặc chặn hệ thống thoát nước mưa, nhằm hạn chế khả năng nước sau quá trình dập lửa có thể nhiễm hoá chất, chảy vào hệ thống thoát nước mưa. Đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh từ quá trình chữa cháy được dẫn về hệ thống thu gom nước thải để xử lý.

2. **Dọn dẹp:** Sau khi ngọn lửa được dập tắt, điều động nhân công dọn dẹp sạch sẽ khu vực bị cháy, các chi tiết, thiết bị, máy móc bị hỏng cũng được tháo dỡ và vận chuyển ra khỏi khu vực.

3. **Báo cáo điều tra nguyên nhân và rút kinh nghiệm:** Ngay sau khi phát hiện cháy, cần báo cáo ngay với cơ quan hữu quan để phối hợp trong công tác chữa cháy. Sau đó Công ty sẽ cùng với cơ quan hữu quan sẽ cùng tiến hành công tác điều tra xác định nguyên nhân và lập thành báo cáo gửi các bên có liên quan. Ngoài ra Công ty sẽ tiến hành công tác đánh giá thiệt hại, xác định những hư hại và phân cần sửa chữa để có kế hoạch cụ thể khắc phục.

g. Sự cố rò rỉ, rơi vãi, tràn đổ hóa chất

Để phòng ngừa sự cố rò rỉ, rơi vãi, tràn đổ hóa chất trong Nhà máy, Công ty đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu, cụ thể như sau:

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn khi vận chuyển. Tránh chất đồng bừa bãi trong quá trình vận chuyển. Những thùng chứa chất lỏng dễ cháy phải được sắp xếp một cách có khoa học để đảm bảo chống va đập và ngăn chặn sự phát sinh lửa do chính chất lỏng tạo ra;
- Thường xuyên kiểm tra các phương tiện khi vận chuyển, đảm bảo phương tiện không làm hỏng thùng chứa hóa chất. Phải kiểm tra trên xe có đinh hoặc vật sắc nhọn;
- Hóa chất được lưu trữ thích hợp trong khu vực chứa, lập kế hoạch để việc lưu kho hóa chất tối thiểu;
- Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình lưu trữ và sử dụng các loại hóa chất theo hướng dẫn của nhà sản xuất;
- Khi làm việc với hóa chất, công nhân phải mang bảo hộ lao động phù hợp như khẩu trang, kính, găng tay...
- Lựa chọn nhà cung cấp hóa chất uy tín, đảm bảo chất lượng hóa chất và bao bì an toàn, không rách, thủng trong quá trình di chuyển;
- Công nhân quản kho và trực tiếp sử dụng hóa chất được huấn luyện an toàn hóa chất theo Thông tư số 32/2017/TT-BCT và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP;
- Việc lưu trữ, sử dụng hóa chất phải thực hiện tuân thủ theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5507:2002 về Hóa chất nguy hiểm - Quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

h. Sự cố an toàn vệ sinh thực phẩm

Để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong Nhà máy, Công ty đã ký kết với nhà thầu nấu ăn uy tín, có giấy phép và giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Thực phẩm phải được bảo quản đúng quy trình vệ sinh thực phẩm;
- Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm;
- Đảm bảo thực phẩm tươi, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và đã được kiểm định vệ sinh An toàn vệ sinh thực phẩm và An toàn vệ sinh thú y;
- Đảm bảo điều kiện lưu trữ thực phẩm an toàn, sạch sẽ, tránh lây nhiễm chéo;
- Khám sức khỏe định kỳ cho nhân viên.

Ứng phó khi xảy ra ngộ độc thực phẩm

- Ghi rõ các địa chỉ liên hệ cần thiết như người liên hệ trong trường hợp khẩn cấp, trạm xá, bệnh viện,... tại vị trí dễ thấy để liên hệ;
- Tiến hành sơ cấp cứu cho người bị ngộ độc hoặc chuyển người bị ngộ độc đến trạm xá, bệnh viện gần nhất hoặc gọi cấp cứu để kịp thời cứu chữa người bị ngộ độc.

7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Trong quá trình hoạt động sản xuất, Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile nhìn thấy được nhu cầu trong việc cải tạo các hệ thống xử lý hơi hóa chất phát sinh từ

công đoạn nhuộm. Do đó, Công ty đã tiến hành điều chỉnh hệ thống xử lý để phù hợp với hiện trạng. Các nội dung thay đổi được trình bày cụ thể trong bảng sau:

Bảng 3.14. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt ĐTM

STT	Nội dung thay đổi	Phương án đề đề xuất trong báo cáo ĐTM	Phương án điều chỉnh thay đổi đã thực hiện	Đánh giá sự thay đổi
A	Lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc			
1	Hệ thống xử lý hơi hóa chất từ quá trình nhuộm	Sử dụng 6 quạt hút công nghiệp 500, công suất điện 250W, lưu lượng gió mỗi quạt là 8.000 m ³ /h, kích thước khung phủ bì 500x500x300mm. Sau 6 quạt, sử dụng 6 tấm lọc than hoạt tính có kích thước 500x500x20mm và định kỳ thay mới tấm lọc than.	Khu vực nhuộm dây: Lắp đặt hệ thống xử lý hơi hóa chất. Quy trình xử lý như sau: Hơi hóa chất từ quá trình nhuộm dây → Chụp hút → Thiết bị tách ẩm → Tháp hấp phụ → Quạt hút → Ống thoát. Khu vực nhuộm sợi: Sử dụng 7 quạt hút công nghiệp, công suất điện 0,75 kW, lưu lượng gió mỗi quạt là 8.000 m³/h, kích thước khung phủ bì 1,3m x 1,3m x 0,4m. Sau 7 quạt, sử dụng 7 tấm lọc than hoạt tính có kích thước 1,3m x 1,3m x 0,01 m và định kỳ thay mới tấm lọc than.	Sự thay đổi này giúp việc kiểm soát hơi hóa chất từ quá trình nhuộm ở từng khu vực được hiệu quả, đạt hiệu suất xử lý cao hơn.
2	Máy móc, thiết bị	Đã trình bày tại Bảng 1.6		Công ty loại bỏ một số máy móc chưa đảm bảo hiệu suất làm việc và bổ sung một số máy móc cần thiết để tối ưu công nghệ sản xuất tại Nhà máy, giúp giảm thiểu các tác động tiêu cực do máy móc phát sinh

Nguồn: Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile, 2022

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Nước thải của Dự án phát sinh từ hoạt động sinh hoạt và sản xuất tại 02 địa điểm, địa điểm 1 Lô C6 – C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước và địa điểm 2 Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Create Profit Việt Nam tại KCN Chơn Thành II, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên, đối với lượng nước thải phát sinh tại địa điểm 2: Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Create Profit Việt Nam tại KCN Chơn Thành II, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước sẽ do Công ty TNHH Create Profit Việt Nam chịu trách nhiệm xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh của Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile. Đồng thời, nước thải phát sinh từ Dự án tại địa điểm 1 sau khi xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT sẽ được đầu nối về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi thải ra môi trường. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì Dự án không thuộc đối tượng xin cấp phép đối với nước thải. *(Hợp đồng đầu nối với KCN đính kèm phụ lục).*

1.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.2.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải

1.2.1.1. Mạng lưới thu gom và thoát nước mưa

❖ Địa điểm 1: Lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc

- Nước mưa trên mái nhà xưởng sản xuất, nhà kho, khối văn phòng được thu gom bằng hệ thống máng thu, dẫn bằng ống nhựa PVC có đường kính Ø140mm xuống hệ thống thoát nước mưa dưới đất cùng với nước mưa chảy tràn trên mặt đất thông qua các hố ga thu gom nước mưa kết hợp với song chắn rác dẫn về hệ thống thu gom, thoát nước mưa tại dự án.
- Mạng lưới thu gom nước mưa tại dự án là các đoạn ống bê tông cốt thép chịu lực nối liền với nhau có đường kính Ø600mm và một số khu vực bố trí mương thoát nước mưa bằng BTCT có nắp đậy sắt hoặc ống nhựa PVC Ø114, Ø200 tùy đoạn; chế độ tự chảy; độ dốc $i=0,2\%$, được lắp đặt bao quanh các nhà xưởng, công trình hạng mục và lấp ngầm dưới lòng đất. Nước mưa sau khi được thu gom tại dự án sẽ đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc.
- Tại địa điểm 1, Công ty bố trí 03 hố ga đầu nối nước mưa, có kích thước $D \times R = 1 \times 1(m)$ tại vị trí trên đường số Đ6 của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc *(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $106^{\circ}15'$, vĩ tuyến 3°)*, gồm:
 - + Hố ga đầu nối số 1 với tọa độ $X=1270813$; $Y=540556$;
 - + Hố ga đầu nối số 2 với tọa độ $X=1270948$; $Y=540553$;
 - + Hố ga đầu nối số 3 với tọa độ $X=1270992$; $Y=540548$.

Dự án có 19 hố ga BTCT, khoảng cách giữa các hố ga là khoảng 9-27m, tại mỗi hố ga bố trí 01 cửa thu nước mặt đường, trên cửa có lắp đặt thanh chắn rác để tách rác. Thông số kỹ thuật các hố ga thu nước mưa là $D \times R = 0,8 \times 0,8(m)$ có nắp và không có nắp; $D \times R = 1 \times 1(m)$.

❖ **Địa điểm 2: Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Create Profit tại KCN Chơn Thành II**

Công ty TNHH Create Profit Việt Nam đã đầu tư hệ thống thu gom và thoát nước mưa hoàn chỉnh để thu gom và thoát nước mưa trong khu vực toàn Nhà máy (bao gồm cả 3 nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile thuê để sản xuất).

- Hệ thống thoát nước mưa bao gồm hệ thống mương kín bằng bê tông cốt thép (BTCT) kích thước sâu 0,5 m, ngang 0,3 m; tại các hố ga có nắp đậy có thể tháo dỡ để kiểm tra. Kích thước hố ga dài 0,5 m, rộng 0,5 m, sâu từ 1,1 – 2,3 m tùy theo cao độ để thuận tiện cho việc thoát nước mưa. Hiện tại có 18 hố ga thu gom nước mưa hiện hữu tại Nhà máy. Hệ thống mương thoát nước mưa được bố trí dọc theo nhà xưởng, sau đó dẫn ra hệ thống thoát nước mưa của KCN Chơn Thành II. Nước mưa sau khi được thu gom tại dự án sẽ đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của KCN Chơn Thành II.
- Tại địa điểm 2, Công ty bố trí 01 hố ga đầu nối nước mưa, có kích thước $D \times R = 1 \times 1(m)$ tại vị trí trên đường Số 5, của KCN Chơn Thành II (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $106^{\circ}15'$, múi chiếu 3°), với tọa độ $X=1260124$; $Y=538305$.

1.2.1.2. Mạng lưới thu gom nước thải

❖ **Địa điểm 1: Lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc**

Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa. Toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom theo hệ thống thoát nước thải nội bộ.

Nước thải sinh hoạt từ khu nhà vệ sinh của công nhân viên sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn và nước thải từ quá trình sản xuất sẽ được thu gom bằng đường ống nhựa PVC Ø114mm, tự chảy về hố thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.000 m³/ngày.đêm của Dự án để tiếp tục xử lý.

Nước thải sau xử lý của HTXL nước thải trung công suất 1.000 m³/ngày.đêm của Dự án đạt Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc, sẽ được thu gom bằng đường ống nhựa PVC Ø114mm, L=36,86m, tự chảy về 01 hố ga đầu nối nước thải có cấu tạo vật liệu BTCT, có kích thước $D \times R = 0,8 \times 0,8(m)$ trên đường Đ6 được đặt bên ngoài phạm vi dự án (ngoài tường rào dự án) để đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc có tọa độ X(m): 1270802; Y(m): 540515 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $106^{\circ}15'$, múi chiếu 3°) để được tiếp tục xử lý theo quy định.

❖ **Địa điểm 2: Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Create Profit tại KCN Chơn Thành II**

Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa. Toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom theo hệ thống thoát nước thải nội bộ.

Nước thải sinh hoạt từ toàn bộ các nhà xưởng của Công ty TNHH Create Profit Việt Nam (bao gồm cả 3 nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile thuê để sản xuất) phát sinh từ nhà vệ sinh văn phòng, nhà vệ sinh công nhân được thu gom và xử lý sơ bộ bằng hệ thống bể tự hoại 3 ngăn. Nước thải sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH Create Profit Việt Nam đã xây dựng hoàn thiện với công suất 30 m³/ngày.đêm (nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A). Công ty TNHH Create Profit Việt Nam chịu hoàn toàn trách nhiệm pháp lý liên quan đến chất lượng nước thải sau xử lý. Công ty TNHH Create Profit Việt Nam sẽ tuân thủ theo các quy định hiện hành.

Nước thải sau xử lý của HTXL nước thải trung công suất 30 m³/ngày.đêm của Dự án đạt Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Chơn Thành II, sẽ được thu gom bằng đường ống nhựa PVC Ø114mm, tự chảy về 01 hố ga đầu nối nước thải có cấu tạo vật liệu BTCT, có kích thước D×R=0,8×0,8(m) trên đường Số 5 được đặt bên ngoài phạm vi dự án (ngoài tường rào dự án) để đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Chơn Thành II có tọa độ X(m): 1260126; Y(m): 538305 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 106°15', múi chiều 3°) để được tiếp tục xử lý theo quy định.

1.1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

❖ Địa điểm 1: Lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc

- Công ty xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 1.000 m³/ngày.đêm để xử lý toàn bộ nước thải phát sinh (nước thải sinh hoạt của công nhân viên; nước thải từ quá trình sản xuất).
- Tóm tắt quy trình công nghệ:
 - + Nước thải từ nhà vệ sinh → Bể tự hoại 3 ngăn (1)
 - + (2) Nước thải sản xuất
 - + (1) + (2) → Thiết bị tách rác thô → Bể tiếp nhận → Thiết bị tách rác tinh → Bể điều hòa → Tháp giải nhiệt → Bể keo tụ, tạo bông → Bể lắng lamen → Bể trung chuyển → Bể kỵ khí → Bơm tuần hoàn → Bể selector → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng bùn sinh học → Bể oxy hóa bậc cao → Bể lắng bùn hóa lý → Bể khử trùng → Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải KCN Minh Hưng – Hàn Quốc → Nguồn tiếp nhận.
 - + Bùn thải → Bể nén bùn → Thu gom xử lý theo quy định.

Thông số kỹ thuật máy móc, thiết bị đi kèm của hệ thống xử lý nước thải:

Bảng 4.1. Thông số kỹ thuật máy móc, thiết bị đi kèm của hệ thống xử lý nước thải công suất 1.000 m³/ngày.đêm của Công ty

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
A	Bể tiếp nhận			
1	Bơm chìm	Xuất xứ: Zenit-Ý Công suất: 4,6 KW/380V/3phase Lưu lượng: Q = 85 m ³ /h Vật liệu: SUS304 và Gang	Bộ	02
2	Thiết bị tách rác thô	Xuất xứ: Việt Nam	Bộ	01

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nâng công suất và mở rộng nhà máy sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô tăng từ 90.000.000 m sản phẩm/năm lên thành 112.000.000 m sản phẩm/năm”

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
		Lưu lượng: 100m ³ /h Kích thước khe: 5mm Vật liệu: SUS304		
B	Bể điều hòa			
1	Thiết bị tách rác tinh	Xuất xứ: Việt Nam Lưu lượng: 85m ³ /h Kích thước khe: 2mm Vật liệu: SUS304	Bộ	01
2	Bơm chìm	Xuất xứ: Zenit-Ý Công suất: 2 KW/380V/3phase Lưu lượng: Q = 42 m ³ /h Vật liệu: SUS304 và Gang	Bộ	02
3	Tháp giải nhiệt	Xuất xứ: Đài Loan Kích thước: LxBxH = 1,5m x 3,06m x 3,01m Lưu lượng: 42 m ³ /h	Cái	01
C	Bể trung hòa			
1	Motor khuấy trộn bể trung hòa	Xuất xứ: Nord - Đức Công suất: 1,5KW/380V/50Hz Tốc độ: 50 vòng /phút	Bộ	01
2	Bơm định lượng	Xuất xứ: Ý Công suất: 0,37 KW/380V/3phase Lưu lượng: Q = 408 l/h	Bộ	04
3	Bồn chứa hóa chất	Xuất xứ: Việt Nam Thể tích: 3m ³ Tốc độ: 22 vòng /phút	Bộ	02
4	Motor khuấy hóa chất	Xuất xứ: Nord - Đức Công suất: 0,75KW/380V/50Hz Tốc độ: 50 vòng /phút	Bộ	01
D	Bể UAF			
1	Tấm tách khí và nước	Kích thước: LxB = 24m x 3,6m Xuất xứ: Việt Nam Tại cột áp: H = 7 m Vật liệu: SS304	Bộ	02
2	Máng thu nước răng cưa	Kích thước: LxH = 24m x 0,2m Xuất xứ: Việt Nam Tại cột áp: H = 7 m	Bộ	02

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nâng công suất và mở rộng nhà máy sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô tăng từ 90.000.000 m sản phẩm/năm lên thành 112.000.000 m sản phẩm/năm”

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
		Vật liệu: SS304		
E	Bể bơm tuần hoàn			
1	Bơm chìm	Xuất xứ: Ý Công suất: 1,8KW/380V/50Hz Lưu lượng: 21 m ³ /h Vật liệu: SS304 và Gang	Bộ	02
F	Bể selector			
1	Motor khuấy	Xuất xứ: Nord - Đức Công suất: 1,5KW/380V/50Hz Tốc độ: 50 vòng /phút	Bộ	01
G	Bể sinh học hiếu khí			
1	Máy thổi khí	Xuất xứ: Nhật Công suất: 37KW/380V/50Hz Lưu lượng: 24,37 m ³ /phút	Bộ	02
2	Đĩa thổi khí	Xuất xứ: Mỹ Kiểu đĩa; bọt mịn	Bộ	450
H	Bể lắng bùn sinh học			
1	Motor gạt bùn	Xuất xứ: Nord – Đức Công suất: 0,37KW/380V/50Hz Tốc độ: 1,5-2m/phút	Bộ	01
2	Hệ thống gạt bùn	Xuất xứ: Việt Nam Kích thước: RxH=6,55m x 5m	Bộ	01
I	Bể bơm bùn			
1	Bơm bùn nhúng chìm tuần hoàn	Xuất xứ: Ý Công suất: 1,8KW/380V/50Hz Lưu lượng: 21 m ³ /h Vật liệu: SS304 và Gang	Bộ	02
2	Bơm bùn nhúng chìm dư	Xuất xứ: Ý Công suất: 1,1KW/380V/50Hz Lưu lượng: 8 m ³ /h Vật liệu: SS304 và Gang	Bộ	02
J	Bể keo tụ-tạo bông			
1	Motor khuấy keo tụ	Xuất xứ: Nord - Đức Công suất: 1,5KW/380V/50Hz Tốc độ: 50 vòng /phút	Bộ	04

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nâng công suất và mở rộng nhà máy sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô tăng từ 90.000.000 m sản phẩm/năm lên thành 112.000.000 m sản phẩm/năm”

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
2	Motor khuấy keo tụ	Xuất xứ: Nord - Đức Công suất: 1,5KW/380V/50Hz Tốc độ: 20 vòng /phút	Bộ	01
3	Bơm định lượng	Xuất xứ: Ý Công suất: 0,37 KW/380V/3phase Lưu lượng: Q = 408 l/h	Bộ	08
4	Bồn chứa hóa chất	Xuất xứ: Việt Nam Thể tích: 3m ³ Tốc độ: 22 vòng /phút	Bộ	04
5	Motor khuấy hóa chất	Xuất xứ: Nord - Đức Công suất: 0,75KW/380V/50Hz Tốc độ: 50 vòng /phút	Bộ	04
K	BỂ lắng bùn hóa lý			
1	Motor giảm tốc gạt bùn	Xuất xứ: Nord - Đức Công suất: 0,37KW/380V/50Hz Tốc độ: 0,04 vòng /phút	Bộ	01
2	Hệ thống gạt bùn	Xuất xứ: Việt Nam Kích thước: DxH = 10m x 4,5m Vật liệu: Inox 304	Bộ	01
L	BỂ khử trùng			
1	Bơm định lượng	Xuất xứ: Ý Công suất: 0,37 KW/380V/3phase Lưu lượng: Q = 408 l/h	Bộ	02
2	Bồn chứa hóa chất	Xuất xứ: Việt Nam Thể tích: 3m ³ Tốc độ: 22 vòng /phút	Bộ	01
3	Motor khuấy hóa chất	Xuất xứ: Nord - Đức Công suất: 0,75KW/380V/50Hz Tốc độ: 50 vòng /phút	Bộ	01
M	BỂ nén bùn			
1	Motor giảm tốc gạt bùn	Xuất xứ: Nord - Đức Công suất: 0,37KW/380V/50Hz Tốc độ: 0,16 vòng /phút	Bộ	01
2	Hệ thống gạt bùn	Xuất xứ: Việt Nam Kích thước: DxH = 6m x 5,5m Vật liệu: Inox 304	Bộ	01

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
3	Bơm bùn trực vít	Xuất xứ: Ý Công suất: 2,2KW/380V/50Hz Lưu lượng: 10 m ³ /h Vật liệu: SS304	Bộ	01
4	Máy ép bùn băng tải	Xuất xứ: Đài Loan Công suất: 4-8m ³ /h Kích thước băng tải: 1.000mm	Bộ	01

Nguồn: Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile, 2022

- Công suất thiết kế HTXL NT: 1.000 m³/ ngày đêm.
- Hóa chất sử dụng: PAC, Polymer A, Polymer C, Metanol, Đạm urê, MA (chất khử màu), NaOH.

❖ Địa điểm 2: Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Create Profit tại KCN Chơn Thành II

- Nước thải sinh hoạt từ toàn bộ các nhà xưởng của Công ty TNHH Create Profit Việt Nam (bao gồm cả 3 nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile thuê để sản xuất) phát sinh từ nhà vệ sinh văn phòng, nhà vệ sinh công nhân được thu gom và xử lý sơ bộ bằng hệ thống bể tự hoại 3 ngăn. Nước thải sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy công suất 30 m³/ngày.đêm của Công ty TNHH Create Profit Việt Nam để xử lý theo ĐTM được duyệt và các quy định hiện hành. Công ty TNHH Create Profit Việt Nam sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng nước thải sau xử lý.
- Tóm tắt quy trình công nghệ:
 - + Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại → Bể Anoxic → Bể hiếu khí kết hợp MBR → Bể chứa nước sạch → Bể dự phòng sự cố → Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải KCN Chơn Thành II → Nguồn tiếp nhận.
 - + Bùn thải → Bể chứa bùn → Thu gom xử lý theo quy định.

1.1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

1.1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, nước thải sẽ được lưu chứa tạm thời trong các bể của hệ thống xử lý nước thải trong thời gian khắc phục sự cố. Đối với trường hợp hệ thống xử lý nước thải có sự cố nghiêm trọng, chưa thể khắc phục ngay, Công ty phải báo ngay với cơ quan có chức năng để kịp thời xử lý và dừng các công đoạn phát sinh nước thải để khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong nước thải sẽ được bơm từ các bể lưu chứa lên bể điều hoà rồi tiếp tục xử lý theo quy trình công nghệ xử lý của hệ thống.

- Trang bị phương tiện, thiết bị dự phòng cho hệ thống để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý. Thường xuyên kiểm tra đường ống, công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.
- Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo trì và bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải.
- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

1.1.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Chủ đầu tư hạ tầng KCN, không xả thải trực tiếp ra môi trường.
- Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.
- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải, bao gồm các sự cố xảy ra và các biện pháp khắc phục sự cố.
- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.
- Tuân thủ các quy định đúng theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Dự án được triển khai sản xuất tại 2 địa điểm: địa điểm 1 Lô C6 – C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc tiến hành dệt và có nhuộm, có in lụa và địa điểm 2 Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Create Profit Việt Nam tại KCN Chơn Thành II chỉ thực hiện công đoạn dệt, không có nhuộm và không có công đoạn in lụa. Công ty không tiến hành xây dựng hệ thống xử lý bụi, khí thải tại địa điểm 2, chỉ tiến hành các biện pháp về quản lý để giảm thiểu lượng bụi phát sinh ra ngoài môi trường. Do đó, báo cáo chỉ đề nghị cấp phép đối với khí thải của Nhà máy tại địa điểm 1 Lô C6 – C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc, cụ thể như sau:

2.1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Hơi hóa chất từ quá trình nhuộm dây;
- Nguồn số 02: Hơi hóa chất từ quá trình cân đong hóa chất;
- Nguồn số 03: Hơi hóa chất từ quá trình trộn hóa chất;
- Nguồn số 04: Khí thải từ lò hơi 15 tấn/giờ;
- Nguồn số 05: Khí thải từ lò hơi 8,4 tấn/giờ (dự phòng).

2.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.2.1. Vị trí xả khí thải

Vị trí xả thải và lưu lượng xả khí thải lớn nhất đối với từng nguồn thải được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 4.2. Vị trí xả thải và lưu lượng xả khí thải lớn nhất

TT	Vị trí	Tọa độ VN-2000: Kinh tuyến trực Bình Phước: 106 ⁰ 15', múi chiều 3 ⁰		Lưu lượng xả thải lớn nhất
		X (m)	Y (m)	
1	Tại ống thoát HTXL hơi hóa chất từ quá trình nhuộm dây	1270941	540423	24.000 m ³ /giờ
2	Tại ống thoát HTXL hơi hóa chất từ quá trình cân đong hóa chất	1270893	540425	4.000
3	Tại ống thoát HTXL hơi hóa chất từ quá trình pha trộn hóa chất	1270884	540426	2.000
4	Tại ống thoát HTXL khí thải từ lò hơi 15 tấn/giờ	1270838	540452	12.000
5	Tại ống thoát khí thải từ lò hơi 8,4 tấn/giờ (dự phòng)	1270825	540432	12.000

Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục theo thời gian hoạt động dự án.

2.2.2. Các chất ô nhiễm và giá trị tới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

- Nguồn số 01: Các chất ô nhiễm trong khí thải sau HTXL hơi hóa chất từ quá trình nhuộm dây và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm được thể hiện cụ thể tại bảng sau:

Bảng 4.3. Các chất ô nhiễm trong khí thải sau HTXL hơi hóa chất từ quá trình nhuộm dây tại địa điểm 1 Lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc và giá trị giới hạn

STT	Chất ô nhiễm	QCVN 20:2009/ BTNMT	QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B
1	Benzen	5	-
2	Formaldehyde	20	-
3	Phenol	19	-
4	H ₂ SO ₄	-	50

- Nguồn số 02: Các chất ô nhiễm trong khí thải sau HTXL hơi hóa chất từ khu cân đong hóa chất và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm được thể hiện cụ thể tại bảng sau:

Bảng 4.4. Các chất ô nhiễm trong khí thải sau HTXL hơi hóa chất từ khu cân đong hóa chất và giá trị giới hạn

STT	Chất ô nhiễm	QCVN 20:2009/ BTNMT	QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B
1	Benzen	5	-
2	Formaldehyde	20	-
3	Phenol	19	-
4	H ₂ SO ₄	-	50

- Nguồn số 03: Các chất ô nhiễm trong khí thải sau HTXL hơi hóa chất từ khu cân pha trộn hóa chất và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm được thể hiện cụ thể tại bảng sau:

Bảng 4.5. Các chất ô nhiễm trong khí thải sau HTXL hơi hóa chất từ khu cân pha trộn hóa chất và giá trị giới hạn

STT	Chất ô nhiễm	QCVN 20:2009/ BTNMT	QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B
1	Benzen	5	-
2	Formaldehyde	20	-
3	Phenol	19	-
4	H ₂ SO ₄	-	50

- Nguồn số 04: Các chất ô nhiễm trong khí thải sau HTXL khí thải lò hơi 15 tấn/giờ và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm được thể hiện cụ thể tại bảng sau:

Bảng 4.6. Các chất ô nhiễm trong khí thải sau HTXL khí thải lò hơi 15 tấn/giờ và giá trị giới hạn

STT	Các thông số	QCVN 19:2009/ BTNMT - Cột B
1	Bụi	200
2	SO ₂	500
3	NO _x	850
4	CO	1.000

- Nguồn số 05: Các chất ô nhiễm trong khí thải lò hơi 8,4 tấn/giờ (dự phòng) và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm được thể hiện cụ thể tại bảng sau:

Bảng 4.7. Các chất ô nhiễm trong khí thải lò hơi 8,4 tấn/giờ (dự phòng) và giá trị giới hạn

STT	Các thông số	QCVN 19:2009/ BTNMT - Cột B
1	Bụi	200
2	SO ₂	500
3	NO _x	850

STT	Các thông số	QCVN 19:2009/ BTNMT - Cột B
4	CO	1.000

2.3. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có)

2.3.1. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Hệ thống xử lý hơi hóa chất từ quá trình nhuộm dây:

+ Quy trình công nghệ: Hơi hóa chất → Chụp hút → Thiết bị tách ẩm → Tháp hấp phụ → Quạt hút → Khí thải thoát ra môi trường qua 01 ống thải (D700, chiều cao 12m).

Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý hơi hóa chất từ quá trình nhuộm dây như sau:

Bảng 4.8. Thông số kỹ thuật các hạng mục công trình của HTXL hơi hóa chất từ quá trình nhuộm dây

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật
1	Chụp hút	Kích thước: Dài x Rộng x Cao = 0,4m x 0,2m x 0,2m Vật liệu: sus304 Số lượng: 24 cái
2	Quạt hút	Lưu lượng: 24.000 m ³ /giờ. Công suất: 20 HP Số lượng: 01 cái
3	Thiết bị tách ẩm	Kích thước: Dài x Rộng x Cao = 0,9m x 0,8m x 0,8m Số lượng: 01 cái Vật liệu: Inox
4	Tháp hấp phụ	Kích thước: Dài x Rộng x Cao = 1,05m x 0,68m x 0,65 m Than hoạt tính 6 lớp, mỗi lớp dày 5 mm. Vật liệu: Inox Số lượng: 01
5	Ống thoát	Đường kính: 0,7 m Chiều cao: 12 m. Vật liệu: Inox Số lượng: 01 cái

Nguồn: Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile, 2022

- + Công suất thiết kế: 24.000 m³/giờ.
- + Hóa chất, vật liệu sử dụng: than hoạt tính.
- Hệ thống xử lý hơi hóa chất từ khu cân đong hóa chất:
 - + Quy trình công nghệ: Hơi hóa chất → Chụp hút có gắn tấm lọc than hoạt tính → Quạt hút → Khí thải thoát ra môi trường qua 01 ống thải (D300, chiều cao 12m).

Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý hơi hóa chất từ khu cân đong hóa chất như sau:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nâng công suất và mở rộng nhà máy sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô tăng từ 90.000.000 m sản phẩm/năm lên thành 112.000.000 m sản phẩm/năm”

Bảng 4.9. Thông số kỹ thuật các hạng mục công trình của HTXL hơi hóa chất từ quá trình cân đong hóa chất

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật
1	Chụp hút	Xuất xứ: Việt Nam Kích thước: LBH = 1x1x0,5m Vật liệu: Thép CT3, sơn chống gỉ Bao gồm tấm lọc than hoạt tính Ống thu gom: D150mm, D300 Số lượng: 4 cái
2	Quạt hút	Lưu lượng: 4.000 m ³ /giờ Công suất: 5HP/380V/3 pha Kết cấu: Thép Xuất xứ: Việt Nam Số lượng: 1 cái
3	Ống thoát	Xuất xứ: Việt Nam Vật liệu: Thép CT3, dày =1,2mm Đường kính D300mm Chiều cao 12 m. Số lượng: 1 cái

Nguồn: Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile, 2022

- + Công suất thiết kế: 4.000 m³/giờ.
- + Hóa chất, vật liệu sử dụng: tấm lọc than hoạt tính.
- Hệ thống xử lý hơi hóa chất từ khu pha trộn hóa chất:
 - + Quy trình công nghệ: Hơi hóa chất → Chụp hút có gắn tấm lọc than hoạt tính → Quạt hút → Khí thải thoát ra môi trường qua 01 ống thải (D250, chiều cao 12m).

Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý hơi hóa chất từ khu pha trộn hóa chất như sau:

Bảng 4.10. Thông số kỹ thuật các hạng mục công trình của HTXL hơi hóa chất từ quá trình cân đong, pha trộn hóa chất

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật
1	Chụp hút	Xuất xứ: Việt Nam Kích thước: LBH = 0,4x0,4x0,3m Vật liệu: Thép CT3, sơn chống gỉ Bao gồm tấm lọc than hoạt tính Ống thu gom: D140mm, D250mm Số lượng: 2 cái
2	Quạt hút	Lưu lượng: 2.000 m ³ /giờ Công suất: 3HP/380V/3 pha Kết cấu: Thép

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nâng công suất và mở rộng nhà máy sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô tăng từ 90.000.000 m sản phẩm/năm lên thành 112.000.000 m sản phẩm/năm”

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật
		Xuất xứ: Việt Nam Số lượng: 1 cái
3	Ống thoát	Xuất xứ: Việt Nam Vật liệu: Thép CT3, dày =1,2mm Đường kính D250mm Chiều cao 12 m. Số lượng: 1 cái

Nguồn: Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile, 2022

- + Công suất thiết kế: 2.000 m³/giờ.
- + Hóa chất, vật liệu sử dụng: tấm lọc than hoạt tính.
- Hệ thống xử lý khí thải lò hơi 15 tấn/giờ:
 - + Quy trình công nghệ: Hơi hóa chất → Bộ tiết kiệm than (Bộ thu hồi nhiệt) → Bộ lọc bụi dạng thô (Cyclone) → Quạt hút → Bộ xử lý bụi dạng ướt (tháp hấp thụ) → Khí thải thoát ra môi trường qua 01 ống thải (D900, chiều cao 15,5m).

Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải lò hơi 15 tấn/giờ như sau:

Bảng 4.11. Thông số kỹ thuật các hạng mục của hệ thống xử lý khí thải lò hơi 15 tấn/giờ

TT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Bộ tiết kiệm than (bộ thu hồi nhiệt)	Xuất xứ: Đài Loan Kích thước: D x R x H = 1,5m x 1,5m x 4,5m Dàn ống trao đổi nhiệt bên trong Vật liệu: Thép	1 cái
2	Bộ lọc bụi dạng thô (cyclone)	Xuất xứ: Đài Loan Kích thước: D x R x H = 2,0m x 2,0m x 4,3m Bên trong: trụ sứ tạo lực ly tâm 10 cái Vật liệu: Thép	1 bộ
3	Quạt hút	Xuất xứ: Đài Loan Công suất: 15KW/ 380V/ 3 phase Lưu lượng: 12.000 m ³ /giờ Vật liệu: Lòng, cánh: SUS304. Bộ đỡ: Thép	1 bộ
4	Bộ xử lý bụi dạng ướt (tháp hấp thụ)	Xuất xứ: Đài Loan Kích thước: D x H = 2,0m x 10,5m Vật liệu: Thép	1 bộ
5	Ống thoát	Kích thước: D x H = 0,9m x 5m (chiều cao ống thoát tính từ đỉnh tháp hấp thụ đến đỉnh ống khói, cao qua mái nhà lò hơi), chiều cao ống thoát tính từ mặt đất lên tới đỉnh ống khói là 15,5m Vật liệu: SUS304	1 bộ

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nâng công suất và mở rộng nhà máy sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô tăng từ 90.000.000 m sản phẩm/năm lên thành 112.000.000 m sản phẩm/năm”

TT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng
6	Hồ lắng cặn	Kích thước phủ bì: L x W x H = 7,6m x 4,7m x 2,0m Kết cấu: Đáy: BTCT M250 dày 25cm; Thành: Tường bao: BTCT M250 dày 25cm. Tường ngăn: Gạch ống dày 25cm; Nắp: BTCT M250 dày 30cm Bên trong bể chứa chia đều thành 6 ngăn chứa nước để lắng bụi	1 bể

Nguồn: Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile, 2022

- + Công suất thiết kế: 12.000 m³/giờ.
- + Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH.
- Lò hơi công suất 8,4 tấn/giờ sử dụng nhiên liệu đốt là dầu DO. Khí thải phát sinh từ lò hơi được quạt hút đẩy ra ống khói cao 10 m qua mái nhà xưởng.

2.3.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.3.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải.
- Kiểm tra thường xuyên và định kỳ thay các lớp than hoạt tính, dung dịch hấp thụ nhằm đảm bảo hiệu suất xử lý của HTXL.
- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống như:
 - + Trong trường hợp thiết bị gặp sự cố, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.
 - + Giám sát hệ thống xử lý khí thải thường xuyên để kịp thời phát hiện sự cố có thể xảy ra.
 - + Ngưng hoạt động nếu hệ thống xử lý không có khả năng xử lý khí thải đạt quy chuẩn môi trường cho phép. Trong trường hợp này, nhà máy phải điều chỉnh kế hoạch sản xuất, tạm ngừng sản xuất các dây chuyền phát sinh. Đồng thời, thực hiện kiểm tra, xác định nguyên nhân. Sau đó thực hiện bảo trì, bảo dưỡng, khắc phục sự cố liên quan đến HTXL. Sau khi khắc phục sự cố, ổn định hoạt động và ổn định chất lượng khí thải đầu ra sau HTXL mới tiến hành sản xuất bình thường.

2.4. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi xả thải ra ngoài môi trường.
- Thực hiện vận hành hệ thống xử lý khí thải đảm bảo chất lượng khí thải ra ngoài môi trường đáp ứng QCVN 19:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải

công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

- Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.
- Tuân thủ các quy định đúng theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Nội dung đề nghị cấp giấy phép đối với tiếng ồn (nếu có):

3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

❖ Địa điểm 1: Lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc

- Nguồn số 01: từ khu vực dệt
- Nguồn số 02: từ khu vực cuốn, sang sợi
- Nguồn số 03: từ khu vực nhuộm sợi
- Nguồn số 04: từ khu vực nhuộm dây
- Nguồn số 05: từ máy phát điện (nhà máy phát điện)
- Nguồn số 06 : từ khu vực lò hơi (nhà lò hơi)
- Nguồn số 07: từ khu vực thống xử lý hơi hóa chất khu vực cân đong hóa chất
- Nguồn số 08: từ khu vực thống xử lý hơi hóa chất khu vực pha trộn hóa chất
- Nguồn số 09: từ khu vực thống xử lý hơi hóa chất từ quá trình nhuộm dây

❖ Địa điểm 2: Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Create Profit tại KCN Chơn Thành II

- Nguồn số 01: từ khu vực dệt
- Nguồn số 02: từ khu vực cuốn, sang sợi

3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Bảng 4.12. Vị trí phát sinh tiếng ồn của Dự án

TT	Vị trí	Tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục Bình Phước: 106 ⁰¹ 5', múi chiều 3 ⁰)	
		X(m)	Y(m)
I	Địa điểm 1: Lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc		
1	Khu vực dệt	1270988	540473
2	Khu vực cuốn, sang sợi	1270965	540508
3	Khu vực nhuộm sợi	1270900	540434

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nâng công suất và mở rộng nhà máy sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô tăng từ 90.000.000 m sản phẩm/năm lên thành 112.000.000 m sản phẩm/năm”

TT	Vị trí	Tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục Bình Phước: 106 ⁰¹ 5', múi chiều 3 ⁰)	
		X(m)	Y(m)
4	Khu vực nhuộm dây	1270959	540449
5	Máy phát điện (nhà máy phát điện)	1270851	540447
6	Khu vực lò hơi (nhà lò hơi)	1270838	540452
7	Khu vực thống xử lý hơi hóa chất khu vực cân đong hóa chất	1270893	540425
8	Khu vực thống xử lý hơi hóa chất khu vực pha trộn hóa chất	1270884	540426
9	Khu vực thống xử lý hơi hóa chất từ quá trình nhuộm dây	1270941	540423
II	Địa điểm 2: Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Create Profit tại KCN Chơn Thành II		
1	Khu vực dệt	1260260	538275
2	Khu vực cuốn, sang sợi	1260262	538198

3.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Tất cả các điểm ngoài sát hàng rào nhà máy (<i>khu vực thông thường</i>)

Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

3.3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Tất cả các điểm ngoài sát hàng rào nhà máy (khu vực thông thường)

Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

3.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất. Thông thường, chu kỳ bảo dưỡng đối với thiết bị mới là 4-6 tháng/lần, các thiết bị cũ là 3 tháng/lần.
- Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn
- Trang bị tai nghe chống ồn cho các công nhân làm việc tại các khu vực phát ra tiếng ồn lớn;
- Áp dụng biện pháp bóc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng các biện pháp sử dụng xe nâng để bóc dỡ, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.
- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy để khi hoạt động tránh va chạm, giảm thiểu tiếng ồn;

3.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.
- Trường hợp khi có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.
- Tuân thủ các quy định đúng theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG V

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải của Dự án đầu tư được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 5.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư

STT	Công trình xử lý chất thải	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được
1	Hệ thống xử lý hơi hóa chất trong quá trình nhuộm dây	01/2023	03/2023	24.000 m ³ /giờ
2	Hệ thống xử lý hơi hóa chất từ quá trình cân đong hóa chất	01/2023	03/2023	4.000 m ³ /giờ
3	Hệ thống xử lý hơi hóa chất từ quá trình pha trộn hóa chất	01/2023	03/2023	2.000 m ³ /giờ
4	Hệ thống xử lý khí thải lò hơi 15 tấn/giờ	01/2023	03/2023	12.000 m ³ /giờ
5	Hệ thống xử lý nước thải công suất 1.000 m ³ /ngày.đêm	01/2023	03/2023	1.000 m ³ /ngày.đêm

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải của công trình trước khi thải ra môi trường.

a. Khí thải

Dự án sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô 112.000.000 m sản phẩm/năm tương đương 5.600.000 m² sản phẩm/năm thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất trung bình theo quy định tại mục số 5 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Căn cứ Khoản 5, Điều 21, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Công ty thuộc đối tượng thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý khí thải.

Thời gian dự kiến lấy mẫu khí thải: 18/01/2023 – 20/01/2023; Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nâng công suất và mở rộng nhà máy sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô tăng từ 90.000.000 m sản phẩm/năm lên thành 112.000.000 m sản phẩm/năm”

nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (với $K_p = 0,9$ và $K_v = 1$), QCVN 20:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu khí thải trước khi thải ra môi trường được trình bày như sau:

Bảng 5.2. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu khí thải trước khi thải ra môi trường

STT	Tên mẫu, vị trí lấy mẫu	Thông số phân tích	Số lần lấy mẫu	Thời gian dự kiến lấy mẫu
1	Khí thải tại ống thoát hơi hóa chất từ quá trình nhuộm dây	Lưu lượng, bụi, H_2SO_4 , phenol, formaldehyde, benzen, ethanol	3	- 18/01/2023 - 19/01/2023 - 20/01/2023
2	Khí thải tại ống thoát từ quá trình cân đong hóa chất	Lưu lượng, bụi, H_2SO_4 , phenol, formaldehyde, benzen	3	- 18/01/2023 - 19/01/2023 - 20/01/2023
3	Khí thải tại ống thoát từ quá trình pha trộn hóa chất	Lưu lượng, bụi, H_2SO_4 , phenol, formaldehyde, benzen	3	- 18/01/2023 - 19/01/2023 - 20/01/2023
4	Khí thải tại ống thoát lò hơi 15 tấn/giờ	Lưu lượng, bụi, CO , SO_2 , NO_x	3	- 18/01/2023 - 19/01/2023 - 20/01/2023

b. Nước thải

Dự án sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô 112.000.000 m sản phẩm/năm tương đương 5.600.000 m² sản phẩm/năm thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất trung bình theo quy định tại mục số 5 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Căn cứ Khoản 5, Điều 21, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường, Công ty thuộc đối tượng thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải.

Thời gian dự kiến lấy mẫu nước thải: 18/01/2023 – 20/01/2023; Quy chuẩn so sánh: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp).

Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu nước thải trước khi thải ra môi trường được trình bày như sau:

Bảng 5.3. Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu nước thải trước khi thải ra môi trường

STT	Tên mẫu, vị trí lấy mẫu	Thông số phân tích	Số lần lấy mẫu	Thời gian dự kiến lấy mẫu
1	Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tại hố ga đầu nổi	Nhiệt Độ, Độ Màu, pH, TSS, COD, BOD ₅ , Amoni, Tổng Nitơ, Tổng Phospho, Clo Dư, As, Cu, Pb, Cr ³⁺ và Cr ⁶⁺ , Dầu mỡ khoáng, Tổng Coliform	3	- 18/01/2023 - 19/01/2023 - 20/01/2023

❖ **Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch:**

- Tên công ty: Công ty CP đầu tư phát triển môi trường Đại Việt (DVE).
- Đại diện: Bà Phan Thanh Quý - Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Địa chỉ liên lạc: 4C1 KDC Nam Long, Hà Huy Giáp, P.Thạnh Lộc, Q.12, TP.HCM.
- Điện thoại: 028.37010199 - Fax: 028.37010198.
- Email: daiviet@dve.vn.

 Điều kiện năng lực:

- Công ty CP Đầu tư Phát triển Môi trường Đại Việt đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường với mã số chứng nhận VIMCERTS 066 kèm theo quyết định số 386/QĐ-BTNMT cấp ngày 04 tháng 03 năm 2021 về việc đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.
- Chứng nhận VILAS số hiệu VILAS 718 của Bộ Khoa học và công nghệ - Văn phòng công nhận chất lượng kèm theo quyết định số 660.2020/QĐ-VPCNCL ngày 11 tháng 08 năm 2020 về việc công nhận phòng thí nghiệm phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

(A). Địa điểm 1: Lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc

a. Giám sát khí thải

Căn cứ tại khoản 2, điều 98 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, công trình xử lý khí thải của Công ty không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải định kỳ. Tuy nhiên, để đảm bảo công tác quản lý môi trường chặt chẽ, Công ty sẽ đề xuất chương trình giám sát khí thải tại Nhà máy như sau:

- Vị trí giám sát: 04 vị trí:
 - + 01 vị trí tại ống thoát khí sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải lò hơi 15 tấn/giờ;
 - + 01 vị trí tại ống thoát hơi hóa chất từ quá trình cân đong hóa chất;
 - + 01 vị trí tại ống thoát hơi hóa chất từ quá trình pha trộn hóa chất;
 - + 01 vị trí tại ống thoát hơi hóa chất từ quá trình nhuộm dây.
- Thông số giám sát:
 - + 01 vị trí tại ống thoát khí sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải lò hơi 15 tấn/giờ: Lưu lượng, bụi, NO_x, SO₂, CO;
 - + 01 vị trí tại ống thoát hơi hóa chất từ quá trình cân đong hóa chất: Lưu lượng, H₂SO₄, phenol, formaldehyde, benzen;
 - + 01 vị trí tại ống thoát hơi hóa chất từ quá trình pha trộn hóa chất: Lưu lượng, H₂SO₄, phenol, formaldehyde, benzen;
 - + 01 vị trí tại ống thoát hơi hóa chất từ quá trình nhuộm dây: Lưu lượng, H₂SO₄, phenol, formaldehyde, benzen.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, Kp=0,9, Kv=1, và QCVN 20:2009/BTNMT, cột B.

b. Giám sát nước thải

Căn cứ tại khoản 2, điều 97 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, công trình xử lý nước thải của Công ty không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ. Tuy nhiên, nhằm đảm bảo chất lượng nước thải đạt quy chuẩn cho phép trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc, Công ty sẽ thực hiện chương trình giám sát nước thải như sau:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại điểm đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của KCN.
- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ màu, pH, TSS, COD, BOD₅, amoni, tổng nitơ, tổng phospho, clo dư, As, Cu, Pb, Cr³⁺ và Cr⁶⁺, dầu mỡ khoáng, tổng Coliform.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Minh Hưng – Hàn Quốc (QCVN 40:2011/BTNMT – cột B).

c. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt

- Vị trí giám sát: Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt.
- Thông số giám sát: Giám sát khối lượng, thành phần và chứng từ.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên.
- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

d. Giám sát chất thải rắn sản xuất không nguy hại

- Vị trí giám sát: Khu vực tập kết chất thải sản xuất không nguy hại.
- Thông số giám sát: Giám sát khối lượng, thành phần và chứng từ.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên.
- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

e. Giám sát chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: Khu vực tập kết chất thải nguy hại.
- Thông số giám sát: Giám sát khối lượng, thành phần và chứng từ.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên.
- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

Về chất thải, Công ty sẽ tiếp tục ký kết hợp đồng với các đơn vị chức năng để chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất không nguy hại, chất thải nguy hại xử lý theo đúng quy định hiện hành.

(B). Địa điểm 2: Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Create Profit VN tại KCN Chơn Thành II

a. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt

- Vị trí giám sát: Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt.
- Thông số giám sát: Giám sát khối lượng, thành phần và chứng từ.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên.
- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

b. Giám sát chất thải rắn sản xuất không nguy hại

- Vị trí giám sát: Khu vực tập kết chất thải sản xuất không nguy hại.
- Thông số giám sát: Giám sát khối lượng, thành phần và chứng từ.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên.
- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

c. Giám sát chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: Khu vực tập kết chất thải nguy hại.
- Thông số giám sát: Giám sát khối lượng, thành phần và chứng từ.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên.
- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.

Về chất thải, Công ty sẽ tiếp tục ký kết hợp đồng với các đơn vị chức năng để chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn sản xuất, chất thải nguy hại xử lý theo đúng quy định hiện hành.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Căn cứ tại khoản 2, điều 97 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, công trình xử lý nước thải của Công ty không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục.

Căn cứ tại khoản 2, điều 98 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, công trình xử lý khí thải của Công ty không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc khí thải tự động, liên tục.

Vì vậy, Dự án không thực hiện chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Bảng 5.4. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

TT	Nội dung	Đơn vị	Chi phí
A	Lô C6-C8, KCN Minh Hưng – Hàn Quốc	triệu đồng/năm	30,4
2	Quan trắc khí thải	triệu đồng/năm	16
3	Quan trắc nước thải	triệu đồng/năm	4
4	Giám sát chất thải rắn sinh hoạt	triệu đồng/năm	0,8
5	Giám sát chất thải rắn công nghiệp không nguy hại	triệu đồng/năm	0,8
6	Giám sát chất thải nguy hại	triệu đồng/năm	0,8
B	Nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Create Profit tại KCN Chơn Thành II	triệu đồng/năm	2,4
2	Giám sát chất thải rắn sinh hoạt	triệu đồng/năm	0,8
3	Giám sát chất thải rắn công nghiệp không nguy hại	triệu đồng/năm	0,8
4	Giám sát chất thải nguy hại	triệu đồng/năm	0,8
Tổng cộng		Triệu đồng	26,8

Nguồn: Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile, 2022

CHƯƠNG VI

CAM KẾT CỦA CÔNG TY ĐẦU TƯ

4.1. Các cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường

Nội dung của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án “Nâng công suất và mở rộng nhà máy sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô tăng từ 90.000.000 m sản phẩm/năm lên thành 112.000.000 m sản phẩm/năm” được thực hiện theo tình hình thực tế của Dự án. Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

4.2. Cam kết về việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan

Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile cam kết dự án sẽ xử lý môi trường đạt QCVN quy định về không khí, nước thải không ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng cũng như các hoạt động kinh tế - xã hội khác trong khu vực lân cận.

Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile cam kết các nguồn gây ô nhiễm từ Dự án được phát hiện kịp thời, giám sát thường xuyên không để các nguồn này ảnh hưởng đến con người và môi trường xung quanh. Cam kết không được để chất thải ra ngoài môi trường (thuốc nhuộm).

Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile cam kết trường hợp các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường mà Công ty đã đề xuất không đảm bảo tiếp nhận, xử lý các chất thải phát sinh của quy trình sản xuất thì Công ty sẽ thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật để cải tạo các công trình và thay đổi các phương pháp quản lý cho phù hợp.

Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile cam kết các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã đề xuất trong giấy phép này đảm bảo xử lý các chất thải phát sinh từ dự án đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và chịu trách nhiệm trước Pháp luật Việt Nam nếu dự án có bất kỳ vi phạm nào về việc bảo vệ môi trường.

Công ty TNHH Việt Nam Newish Textile cam kết các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã đề xuất trong giấy phép này đảm bảo xử lý các chất thải phát sinh từ dự án đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Thực hiện đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường theo quy định trong trường hợp xảy ra các sự cố, rủi ro môi trường do triển khai dự án.

Chịu trách nhiệm trước Pháp luật nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam nếu vi phạm các công ước quốc tế, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường Việt Nam nếu xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

Dự án “Nâng công suất và mở rộng nhà máy sản xuất dây áo ngực phụ nữ đàn hồi và không đàn hồi với quy mô tăng từ 90.000.000 m sản phẩm/năm lên thành 112.000.000 m sản phẩm/năm”

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Văn bản pháp lý
- Kết quả phân tích
- Bản vẽ